

KẾ HOẠCH
Triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027
đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Thực hiện Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 03/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027; Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Thực hiện Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng trong toàn quốc từ năm học 2026-2027; Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 03/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2026-2027; Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT

ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027; Công văn số 5385/BGDĐT-GDMN ngày 12/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2026-2027; Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập sau sắp xếp; Công văn số 5922/BGDĐT-GDPT ngày 03/9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cắt giảm các cuộc thi, hồ sơ, sổ sách, hội họp và báo cáo trung gian trong cơ sở giáo dục; Công văn số 5548/BGDĐT-QLCL ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng năm học 2026-2027;

Thực hiện Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 48/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tự thực; Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường phổ thông;

Thực hiện Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc và Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về bổ sung sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc; Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về tổ chức và triển khai công tác chuyên môn sau sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục năm học 2026-2027; căn cứ các chương trình, kế hoạch, quyết định và văn bản chỉ đạo có liên quan của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa nhiệm vụ năm học 2026-2027 thành nhiệm vụ, giải pháp và sản phẩm phù hợp với điều kiện thực tế của Hà Nội; tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong từng cơ sở giáo dục.

- Bảo đảm hệ thống giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông vận hành ổn định, liên tục, hiệu quả trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp; không làm gián đoạn hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và học tập.

- Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục; phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học; thu hẹp chênh lệch chất lượng giữa các địa bàn và loại hình cơ sở giáo dục.

- Đổi mới quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; đẩy mạnh chuyển đổi số, giáo dục ngoại ngữ, STEM, AI, giáo dục thể chất, nghệ thuật, cảm xúc - xã hội và sức khỏe tinh thần.

- Phát huy vị trí, vai trò dẫn dắt của giáo dục Thủ đô; nâng cao đồng thời chất lượng đại trà, giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn và năng lực quản trị; từng bước hình thành, phát triển các mô hình giáo dục tiên tiến có khả năng lan tỏa trong toàn Thành phố và cả nước.

- Xác định rõ trách nhiệm của các phòng, đơn vị thuộc Sở, UBND xã/phường, cơ sở giáo dục và các đơn vị phối hợp; làm căn cứ xây dựng kế hoạch triển khai tại từng địa bàn, cơ sở.

2. Yêu cầu

- Chuyển mạnh từ ban hành, phổ biến chính sách sang tổ chức thực thi đồng bộ, hiệu quả; từ đánh giá bằng số lượng văn bản, kế hoạch và hoạt động sang đánh giá bằng kết quả đầu ra, mức độ chuyển biến và tác động thực chất đối với người học, nhà giáo và nhà trường; bám sát chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố, phù hợp điều kiện thực tế của Thủ đô.

- Bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp; gắn trách nhiệm quản lý với nguồn lực, kiểm tra và trách nhiệm giải trình.

- Mỗi mục tiêu, nhiệm vụ phải được cụ thể hóa thành chỉ tiêu theo dõi, đầu mối, tiến độ và sản phẩm hoặc kết quả; thực hiện yêu cầu “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả; đánh giá theo kết quả đầu ra, mức độ chuyển biến và tác động thực tế; hạn chế báo cáo hình thức, trùng lặp và không phát sinh thủ tục ngoài quy định.

- Phát huy quyền chủ động của cơ sở giáo dục; tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ tác động trực tiếp đến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, học sinh và học viên.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục phải dựa trên đánh giá tác động, hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị; không sắp xếp cơ học chỉ nhằm giảm đầu mối.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học 2026-2027; bảo đảm hệ thống giáo dục Thủ đô vận hành ổn định, an toàn, kỷ cương, chất lượng, công bằng và

hiện đại; phát huy vai trò dẫn dắt của giáo dục Hà Nội; tạo chuyển biến thực chất về chất lượng đại trà, giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, chất lượng đội ngũ và năng lực quản trị cơ sở giáo dục; từng bước thu hẹp chênh lệch giữa các địa bàn, cơ sở giáo dục và nhóm người học; tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục Hà Nội đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục phổ thông; tạo chuyển biến thực chất về chất lượng đại trà, giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Ổn định tổ chức, sắp xếp mạng lưới trường, lớp và đổi mới quản trị cơ sở giáo dục phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm hoạt động giáo dục liên tục, thông suốt, không để người học bị ảnh hưởng do sắp xếp.

- Bảo đảm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng số; ưu tiên khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, thiếu phòng học, phòng học bộ môn và điều kiện thiết yếu.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu, triển khai hồ sơ số, học bạ số; phát triển năng lực số và năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm.

- Tăng cường giáo dục thể chất, nghệ thuật, đạo đức, lối sống, cảm xúc - xã hội, sức khỏe tinh thần và kỹ năng sống; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương, hạnh phúc.

- Phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh; nâng cao chất lượng giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, hướng nghiệp và hội nhập quốc tế phù hợp điều kiện từng cơ sở giáo dục.

- Xây dựng môi trường giáo dục công bằng, chất lượng, trung thực; kiểm tra, đánh giá và thi cử phản ánh đúng năng lực, sự tiến bộ của người học; khai thác kết quả để điều chỉnh dạy học, hỗ trợ người học và cải tiến chất lượng; không chạy theo thành tích, không lạm dụng kiểm tra, khảo sát hoặc công bố xếp hạng cơ sở giáo dục.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHUNG

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục

- Rà soát, cụ thể hóa chủ trương, chính sách và văn bản hướng dẫn; kịp thời điều chỉnh nội dung không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã/phường và cơ sở giáo dục; phân định rõ trách nhiệm về chuyên môn, nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất và dữ liệu.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục tại cấp xã; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ, không chuyển trách nhiệm

chuyên môn vượt quá năng lực và thẩm quyền.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Công văn số 5922/BGDĐT-GDPT ngày 03/9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cắt giảm các cuộc thi, hồ sơ, sổ sách, hội họp và báo cáo trung gian trong cơ sở giáo dục. Rà soát, lượng hóa và cắt giảm thực chất các hoạt động hình thức, trùng lặp, không trực tiếp phục vụ người học hoặc nâng cao chất lượng chuyên môn; dành thời gian, nguồn lực cho dạy học, chăm sóc, giáo dục người học và sinh hoạt chuyên môn.

- Rà soát, công khai danh mục, nội dung, hình thức và đối tượng tham gia các cuộc thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, chủ trì hoặc phối hợp tổ chức; chỉ duy trì hoạt động có mục tiêu rõ ràng, phù hợp chương trình giáo dục, đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và điều kiện thực tế; bảo đảm thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, không gây áp lực, không huy động kinh phí từ học sinh và cha mẹ học sinh.

- Không tổ chức thi học sinh giỏi, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp xã để lấy thành tích; trường hợp cần lựa chọn học sinh, giáo viên tham dự kỳ thi, hội thi do cấp trên tổ chức thì thực hiện thiết thực, khách quan, đúng quy định, không phát sinh hồ sơ, minh chứng không cần thiết. Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức phải bảo đảm thực chất, công bằng; không mở rộng đối tượng, quy mô, số vòng thi hoặc nội dung không cần thiết.

- Các hoạt động giao lưu, sân chơi về ngoại ngữ, STEM/STEAM, trải nghiệm, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực phù hợp khác được tổ chức theo tinh thần vui tươi, tự nguyện, thiết thực; không biến thành kỳ thi, không sử dụng kết quả, số lượng giải thưởng hoặc thành tích làm căn cứ đánh giá chất lượng, kết quả dạy học hoặc thi đua.

- Thực hiện đúng, đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định; không tự đặt thêm biểu mẫu, báo cáo, minh chứng không có căn cứ pháp lý hoặc không thực sự cần thiết. Không yêu cầu xây dựng báo cáo trung gian không cần thiết, không yêu cầu báo cáo lại thông tin, số liệu đã có trên cơ sở dữ liệu dùng chung. Trong năm học 2026-2027, triển khai hồ sơ số, sổ sách số theo quy định và lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không yêu cầu đồng thời hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử có cùng nội dung, trừ trường hợp pháp luật có quy định.

2. Ổn định tổ chức và đổi mới quản trị cơ sở giáo dục sau sắp xếp

- Tổ chức thực hiện Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập sau sắp xếp; rà soát việc vận hành trường cùng cấp có nhiều địa điểm và trường liên cấp tiểu học - trung học cơ sở, kịp thời xử lý khó khăn về quản lý, điều hành, chuyên môn, đội ngũ và các điều kiện bảo đảm chất lượng.

- Mỗi cơ sở giáo dục sau sắp xếp là một cơ sở giáo dục thống nhất, gồm trường chính, phân hiệu và điểm trường theo phương án được cấp có thẩm quyền

phê duyệt; trường chính là đầu mối hành chính, quản trị, quản lý con dấu, tài khoản, hồ sơ và dữ liệu. Phân hiệu là đơn vị phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản và bộ máy quản lý riêng; điểm trường không tổ chức bộ máy quản lý độc lập.

- Thực hiện nguyên tắc “chung toàn trường - riêng theo cấp học - linh hoạt theo điểm trường”; thống nhất tổ chức bộ máy, kế hoạch giáo dục, chuyên môn, hành chính, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, hồ sơ, dữ liệu và chế độ báo cáo; đồng thời bảo đảm đặc thù chuyên môn của từng cấp học và điều kiện thực tế tại trường chính, phân hiệu, điểm trường.

- Mỗi cơ sở giáo dục có 01 Hiệu trưởng; việc bố trí Phó Hiệu trưởng tại trường chính và phân hiệu thực hiện theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP, không bố trí Phó Hiệu trưởng tại điểm trường. Rà soát, hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc, quy chế phối hợp; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu, cấp phó, các bộ phận và cá nhân. Việc phân công, ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, xác định rõ nội dung, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm, cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

- Không hình thành cấp quản lý trung gian tại phân hiệu, điểm trường; không thành lập ban giám hiệu, tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoặc bộ máy quản lý độc lập. Người được giao phụ trách phân hiệu, điểm trường hoặc cụm điểm trường thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được phân công, ủy quyền; không làm phát sinh chức danh, bộ máy, thẩm quyền độc lập hoặc chế độ ngoài quy định.

- Tổ chuyên môn được tổ chức thống nhất trong phạm vi toàn trường theo môn học, nhóm môn học, lĩnh vực giáo dục hoặc cấp học phù hợp; không thành lập tổ chuyên môn riêng tại trường chính, phân hiệu, điểm trường. Căn cứ quy mô, khoảng cách địa lý và điều kiện thực tế, tổ chức nhóm chuyên môn thuộc tổ tại từng địa điểm và sinh hoạt chuyên môn linh hoạt, kết hợp trực tiếp, trực tuyến hoặc theo cụm điểm trường.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; gắn sinh hoạt chuyên môn với giải quyết các vấn đề thực tiễn trong tổ chức dạy học, giáo dục, nghiên cứu bài học, phân tích kết quả học tập và hỗ trợ học sinh; phát huy vai trò của cụm chuyên môn, đội ngũ giáo viên cốt cán và các cơ sở giáo dục có thế mạnh trong hỗ trợ, chia sẻ chuyên môn; kết hợp linh hoạt hình thức trực tiếp và trực tuyến; không hành chính hóa, không làm phát sinh hồ sơ, sổ sách, báo cáo không cần thiết.

- Đối với cơ sở giáo dục hình thành sau sắp xếp, việc tổ chức, quản trị và hoạt động chuyên môn thực hiện theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT ngày

18/8/2026 và Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục thực hiện Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đối với các nội dung phù hợp, bảo đảm nguyên tắc “chung toàn trường - riêng theo cấp học - linh hoạt theo điểm trường”. Trường hợp cần điều chỉnh phạm vi, thành viên, đơn vị cụm trường hoặc cơ chế phối hợp cụm chuyên môn thì tham mưu văn bản kiện toàn riêng; không ban hành thêm văn bản hướng dẫn trùng lặp.

- Quản lý, sử dụng và điều phối thống nhất đội ngũ, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị và dữ liệu trong toàn trường; việc bố trí làm việc tại nhiều địa điểm phải phù hợp vị trí việc làm, khối lượng công việc, khoảng cách, thời gian di chuyển, điều kiện giao thông, thời tiết, sức khỏe và an toàn. Thực hiện bàn giao, kiểm kê, chuẩn hóa, hợp nhất dữ liệu sau sắp xếp, bảo đảm đầy đủ, chính xác, liên tục và có khả năng tra cứu.

- Theo dõi, phân tích kết quả giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng theo từng trường chính, phân hiệu, điểm trường để phát hiện khó khăn, điều phối đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và nguồn lực, tổ chức cải tiến chất lượng và thu hẹp chênh lệch; không hình thành hệ thống đánh giá, hồ sơ hoặc chế độ báo cáo riêng tại từng địa điểm.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục

- Chỉ đạo cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục khoa học, linh hoạt, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và đối tượng người học; bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, không cắt xén nội dung hoặc gây quá tải.

- Đổi mới phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và dạy học; tăng hoạt động thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu, vận dụng kiến thức; phát triển phẩm chất, năng lực, năng lực tự học và khả năng thích ứng.

- Thực hiện dạy học phân hóa, cá thể hóa; rà soát chất lượng đầu năm, hỗ trợ người học chưa đáp ứng yêu cầu, người học chuyển cấp, chuyển trường, khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn hoặc có nguy cơ bỏ học.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá vì sự tiến bộ của người học; tăng sử dụng dữ liệu kết quả học tập để điều chỉnh dạy học; không lạm dụng kiểm tra, khảo sát gây áp lực.

- Từ năm học 2026-2027, sử dụng thống nhất bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông được phê duyệt tại Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT và bổ sung tại Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT; không tổ chức lựa chọn lại sách giáo khoa chỉ vì thay đổi tên trường hoặc cơ cấu tổ chức.

4. Phát triển giáo dục toàn diện

- Tổ chức đồng bộ giáo dục đạo đức, lối sống, pháp luật, lịch sử, văn hóa, thể chất, thẩm mỹ, cảm xúc - xã hội, sức khỏe tinh thần và kỹ năng sống; phù hợp đặc điểm tâm sinh lý, yêu cầu của từng cấp học và điều kiện thực tế. Các nội dung

được tích hợp trong chương trình, kế hoạch giáo dục, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và hoạt động câu lạc bộ; không hình thành môn học bắt buộc mới, không cắt xén chương trình và không gây quá tải.

- Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, y tế trường học và dinh dưỡng học đường; duy trì hoạt động vận động thường xuyên, phát triển câu lạc bộ và môn thể thao phù hợp; theo dõi sức khỏe, thể lực để tư vấn, hỗ trợ, không dùng kết quả để xếp hạng người học. Khai thác an toàn, hiệu quả cơ sở vật chất và thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn.

- Xây dựng môi trường học tập, giao tiếp và sử dụng tiếng Anh theo lộ trình, phù hợp năng lực đội ngũ và điều kiện của cơ sở giáo dục; tăng không gian, học liệu, hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ và sản phẩm song ngữ; ứng dụng công nghệ số, AI để mở rộng cơ hội thực hành. Việc tổ chức nội dung bằng tiếng Anh phải đúng quy định, bảo đảm tự nguyện đối với nội dung ngoài chương trình bắt buộc và không làm ảnh hưởng việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

- Triển khai giáo dục cảm xúc - xã hội, sức khỏe tinh thần và kỹ năng sống; xây dựng trường học, lớp học hạnh phúc; củng cố tư vấn tâm lý học đường, cơ chế phát hiện sớm, hỗ trợ và chuyển tuyến khi cần thiết. Kết quả khảo sát, chỉ báo cảm xúc chỉ dùng để hỗ trợ giáo dục, tôn trọng, bảo mật, không gán nhãn hoặc xếp hạng người học.

- Tăng cường giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ và năng lực sáng tạo; tạo cơ hội để người học tham gia âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu, nghệ thuật truyền thống và các loại hình phù hợp; gắn hoạt động với lịch sử, văn hóa, di sản và phong cách thanh lịch, văn minh của người Hà Nội; tăng cường phối hợp với bảo tàng, thư viện, nhà hát, nghệ nhân, nghệ sĩ và các thiết chế văn hóa theo quy định.

- Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tư vấn, tổ chức Đoàn - Đội và các lực lượng giáo dục; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, chính quyền địa phương, cơ sở y tế, văn hóa, thể thao và tổ chức xã hội trong quản lý, chăm sóc, giáo dục người học.

- Cơ sở giáo dục lựa chọn nhiệm vụ, chỉ tiêu và hình thức tổ chức phù hợp; xác định rõ người phụ trách, tiến độ, nguồn lực và sản phẩm; đánh giá bằng mức độ tham gia, sự tiến bộ, sức khỏe, sự an toàn và trải nghiệm tích cực của người học, tránh hình thức, chạy theo thành tích hoặc làm phát sinh khoản thu trái quy định.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ

- Triển khai Kế hoạch số 259/KH-UBND của UBND Thành phố; từng bước phát triển môi trường dạy, học, giao tiếp và sử dụng tiếng Anh phù hợp từng cấp học, điều kiện cơ sở giáo dục.

- Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ; phát triển học liệu, câu lạc bộ, không gian sử dụng tiếng Anh và hoạt động trải

nghiệm.

- Khuyến khích tổ chức nội dung, hoạt động giáo dục hoặc môn học bằng tiếng Anh tại cơ sở đủ điều kiện; bảo đảm tự nguyện, công khai, đúng quy định và có tiêu chí đánh giá hiệu quả.

- Ứng dụng công nghệ và AI hỗ trợ học ngoại ngữ; tăng cơ hội học tập cho người học ở địa bàn thiếu giáo viên thông qua dạy học liên trường, theo cụm hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

6. Đẩy mạnh giáo dục STEM, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức giáo dục STEM trong môn học, hoạt động trải nghiệm và nghiên cứu khoa học; không biến STEM thành môn học mới hoặc hoạt động thu phí ngoài chương trình khi chưa có căn cứ.

- Phát triển tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề, thiết kế, thực hành và sáng tạo; gắn nội dung học tập với vấn đề thực tiễn của Thủ đô.

- Tăng cường kết nối với trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức khoa học; hỗ trợ giáo viên, học sinh xây dựng sản phẩm, dự án có chất lượng.

- Bồi dưỡng đội ngũ về giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, công nghệ số và phương pháp tổ chức học tập dựa trên dự án.

7. Phát triển năng lực số, ứng dụng AI và chuyển đổi số

- Chuẩn hóa dữ liệu người học, đội ngũ, trường lớp, cơ sở vật chất và kết quả giáo dục theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

- Triển khai Learning ID, học bạ số, sổ điểm điện tử, hồ sơ chuyên môn điện tử, kho học liệu số và sách giáo khoa điện tử theo lộ trình; từng bước thay thế hồ sơ, sổ sách giấy bằng hồ sơ, sổ sách trên môi trường số; không duy trì song song bản giấy và bản điện tử có cùng nội dung, trừ trường hợp pháp luật có quy định.

- Bồi dưỡng năng lực số, kỹ năng sử dụng AI an toàn, có đạo đức, có trách nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên và người học; phát triển ứng dụng AI trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ cá thể hóa học tập; có biện pháp kiểm chứng thông tin, bảo đảm liêm chính học thuật, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Thiết lập trách nhiệm cập nhật, kiểm tra chất lượng và khai thác dữ liệu; sử dụng dữ liệu để dự báo quy mô trường lớp, thiếu giáo viên, quá tải cơ sở vật chất, nguy cơ bỏ học và để điều chỉnh hoạt động dạy học; không yêu cầu nhập lại dữ liệu đã có trên hệ thống dùng chung.

- Bảo đảm an toàn thông tin đối với hệ thống do đơn vị quản lý; thực hiện đúng trách nhiệm của đơn vị chủ quản và người sử dụng.

8. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

- Tiếp tục rà soát số lượng, cơ cấu, chất lượng đội ngũ theo cấp học, môn học và địa bàn; tham mưu tuyển dụng, điều động, biệt phái, hợp đồng và bố trí nhân sự đúng thẩm quyền.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý về quản trị trường nhiều địa điểm, trường liên cấp, quản trị chất lượng, quản trị số và trách nhiệm giải trình.

- Đổi mới bồi dưỡng giáo viên theo hướng trực tiếp, trực tuyến, tại chỗ và tự học; gắn với nhu cầu vị trí việc làm, môn học và nhiệm vụ chuyên môn.

- Nâng cao đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử và trách nhiệm nghề nghiệp; giảm áp lực hành chính để đội ngũ tập trung cho chuyên môn và hỗ trợ người học.

9. Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và nguồn lực

- Rà soát mạng lưới trường lớp gắn với quy mô dân số và không gian phát triển; ưu tiên địa bàn tăng dân số cơ học, khu đô thị mới và nơi còn thiếu trường, lớp.

- Đẩy nhanh xây dựng, cải tạo, sửa chữa trường học; bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị, học liệu, công trình vệ sinh, nước sạch, khu bán trú và hạ tầng số.

- Rà soát quỹ đất giáo dục; phối hợp khai thác phù hợp trụ sở, cơ sở công dân dư sau sắp xếp; bảo đảm sử dụng hiệu quả, không để lãng phí.

- Bảo đảm sách giáo khoa, tài liệu và thiết bị thiết yếu; quản lý ngân sách, tài sản công và nguồn lực xã hội hóa đúng quy định, công khai, hiệu quả.

- Không lạm dụng xã hội hóa để thay thế trách nhiệm đầu tư của ngân sách hoặc làm tăng khoản đóng góp của người học, gia đình.

10. Bảo đảm an toàn trường học, sức khỏe và quyền lợi người học

- Bảo đảm an ninh, an toàn trường học; phòng, chống tai nạn thương tích, cháy nổ, dịch bệnh, thiên tai, xâm hại trẻ em và rủi ro trên môi trường mạng.

- Nâng cao chất lượng y tế trường học, an toàn thực phẩm, bữa ăn bán trú và chăm sóc sức khỏe; thiết lập quy trình phát hiện, xử lý sự cố.

- Phòng, chống bạo lực học đường; lấy phòng ngừa, giáo dục, hỗ trợ và cảm hóa làm nền tảng; xử lý nghiêm hành vi vi phạm theo quy định.

- Thực hiện giáo dục hòa nhập thực chất; hỗ trợ người học khuyết tật, yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn hoặc có nguy cơ bỏ học.

- Công khai các khoản thu, chi; chấn chỉnh dạy thêm, học thêm, bệnh thành tích và hành vi gây áp lực đối với người học, phụ huynh.

11. Nâng cao hiệu quả phổ cập, hướng nghiệp, phân luồng và học tập suốt đời

- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục bắt buộc ở tiểu học và trung học cơ sở; cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác, có thể

kiểm chứng.

- Đổi mới tư vấn hướng nghiệp, phân luồng sau THCS và THPT; giúp học sinh lựa chọn lộ trình học tập phù hợp năng lực, sở thích và nhu cầu xã hội.

- Tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và doanh nghiệp trong tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng; bảo đảm mọi học sinh sau trung học cơ sở có cơ hội tiếp tục học tập theo con đường phù hợp.

12. Kiểm tra, đánh giá, thi đua và truyền thông

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; sử dụng dữ liệu và mức độ rủi ro để lựa chọn nội dung, đơn vị; hạn chế kiểm tra trùng lặp.

- Tập trung kiểm tra thực hiện chương trình, chất lượng giáo dục, thu - chi, dạy thêm - học thêm, an toàn trường học, công khai và trách nhiệm giải trình.

- Đánh giá kết quả bằng sản phẩm, dữ liệu và mức độ chuyển biến thực tế; kịp thời biểu dương, nhân rộng mô hình hiệu quả và chấn chỉnh hạn chế.

- Tổ chức phong trào thi đua thiết thực; khen thưởng đúng người, đúng việc; thực hiện kỷ luật tích cực vì sự tiến bộ của người học.

- Chủ động thông tin, truyền thông chính sách, gương người tốt, việc tốt; xử lý thông tin sai lệch và tạo đồng thuận xã hội.

13. Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế trong giáo dục

- Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế trong giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; mở rộng kết nối, hợp tác giữa các cơ sở giáo dục của Thành phố với các cơ sở giáo dục, trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức giáo dục có uy tín ở nước ngoài; thúc đẩy trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình giáo dục tiên tiến, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế.

- Phát huy vai trò của các trường THPT chuyên, trường chất lượng cao và cơ sở giáo dục có thế mạnh trong hợp tác quốc tế; khuyến khích các hoạt động trao đổi học thuật, giao lưu giáo viên, học sinh, chuyên gia, hợp tác nghiên cứu và phát triển tài năng trẻ; tăng cường chia sẻ kết quả, kinh nghiệm và mô hình có hiệu quả trong hệ thống giáo dục Thành phố.

- Tổ chức hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế trong giáo dục thiết thực, hiệu quả, đúng chủ trương, thẩm quyền và quy định của pháp luật; chuyển trọng tâm từ số lượng thỏa thuận sang sản phẩm, kết quả cụ thể; mỗi chương trình hợp tác phải xác định rõ mục tiêu, nguồn lực, sản phẩm đầu ra, chỉ số đánh giá và trách nhiệm thực hiện.

Các nhiệm vụ, giải pháp chung tại Mục III áp dụng thống nhất đối với các cấp học và loại hình cơ sở giáo dục trong phạm vi Kế hoạch, gồm: tổ chức bộ máy và quản trị cơ sở giáo dục sau sắp xếp; đội ngũ; cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính; chuyển đổi số và dữ liệu; bảo đảm chất lượng và trường chuẩn quốc gia; an toàn,

y tế trường học; công khai, kiểm tra, giám sát; thi đua, truyền thông; phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội và chế độ báo cáo. Các phụ lục không quy định lại các nội dung này, chỉ cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và hoạt động riêng của từng cấp học.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ NĂM HỌC 2026-2027

Trên cơ sở Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027 và Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027, các nhiệm vụ chung được cụ thể hóa thành sản phẩm, tiến độ và đầu mối thực hiện chủ yếu sau đây; các phụ lục theo cấp học, loại hình giáo dục tiếp tục chi tiết hóa nội dung chuyên môn và hoạt động trong năm học:

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Tiến độ	Đầu mối thực hiện
1	Ổn định tổ chức; hoàn thiện quy chế, phân công, ủy quyền theo yêu cầu 6 rõ.	Quy chế tổ chức, quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ.	Hoàn thành rà soát trong tháng 9/2026; xử lý thường xuyên.	Phòng TCCB; các phòng chuyên môn; UBND xã/phường; cơ sở giáo dục
2	Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; bố trí thời khóa biểu khoa học; tổ chức dạy học 02 buổi/ngày tại cơ sở đủ điều kiện, không gây quá tải và không biến thành dạy thêm.	Kế hoạch giáo dục được ban hành đúng thẩm quyền; thời khóa biểu, phương án 02 buổi/ngày và hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Trước khai giảng; rà soát trong 04 tuần đầu năm học và mỗi học kỳ.	Phòng GDMN, GDTH, GDTrH; UBND xã/phường; cơ sở giáo dục.
3	Tổ chức khảo sát, phân tích chất lượng đầu năm; thực hiện dạy học phân hóa, phụ đạo và hỗ trợ người học chưa đáp ứng yêu cầu; bồi dưỡng học sinh có năng lực, năng khiếu.	Bộ dữ liệu chất lượng đầu năm; danh sách nhóm cần hỗ trợ; kế hoạch can thiệp và báo cáo chuyển biến.	Tháng 9-10/2026; cập nhật cuối học kỳ I và cuối năm học.	Các phòng chuyên môn theo cấp học; cơ sở giáo dục.

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Tiến độ	Đầu mối thực hiện
4	Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông đúng yêu cầu cần đạt; đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá; sử dụng thống nhất sách giáo khoa theo quyết định của Bộ; phát triển học liệu dùng chung.	Kế hoạch môn học; ma trận, đặc tả, ngân hàng câu hỏi; kho học liệu/chuyên đề; báo cáo kiểm tra chuyên môn.	Thường xuyên trong năm học.	Phòng GDTH, GDTrH; cơ sở giáo dục; cụm trường.
5	Triển khai Kế hoạch số 259/KH-UBND về phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh; tổ chức mô hình, mức độ phù hợp; bồi dưỡng giáo viên và ứng dụng công nghệ, AI hỗ trợ học ngoại ngữ.	Kế hoạch/lộ trình của đơn vị; mô hình đăng ký; English Zone, câu lạc bộ, học liệu và minh chứng đánh giá hiệu quả.	Đăng ký trong học kỳ I; đánh giá cuối năm học.	Phòng GDTH, GDTrH; cơ sở giáo dục; đơn vị phối hợp.
6	Đẩy mạnh giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; gắn với Toán, khoa học, Công nghệ, Tin học và các vấn đề thực tiễn của Thủ đô.	Chủ đề/bài học STEM; dự án, sản phẩm nghiên cứu; hồ sơ bảo đảm liên chính khoa học và sở hữu trí tuệ.	Theo kế hoạch năm học; sơ kết học kỳ I, tổng kết học kỳ II.	Phòng GDTH, GDTrH; cơ sở giáo dục; trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp.
7	Chuẩn hóa dữ liệu ngành; triển khai Learning ID, học bạ số, sổ điểm điện tử, hồ sơ chuyên môn điện tử; phát triển năng lực số và sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm.	Dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống; 100% học sinh có Learning ID; hồ sơ số theo lộ trình; tài liệu bồi dưỡng và quy tắc sử dụng AI.	Rà soát dữ liệu trong tháng 9/2026; cập nhật thường xuyên.	Văn phòng Sở; các phòng chuyên môn; cơ sở giáo dục; đơn vị công nghệ theo phân công.

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Tiến độ	Đầu mối thực hiện
8	Phát triển giáo dục toàn diện về đạo đức, lối sống, văn hóa Thăng Long - Hà Nội, thể chất, nghệ thuật, cảm xúc - xã hội, kỹ năng sống và sức khỏe tinh thần.	Kế hoạch giáo dục toàn diện; hoạt động thể thao, nghệ thuật, trải nghiệm; hồ sơ tư vấn tâm lý và cơ chế hỗ trợ người học.	Tổ chức xuyên suốt năm học; mỗi học kỳ có sản phẩm/hoạt động tiêu biểu.	Phòng CTĐT-HSSV và các phòng chuyên môn; cơ sở giáo dục; đơn vị phối hợp.
9	Rà soát số lượng, cơ cấu đội ngũ theo cấp học, môn học, địa bàn; tham mưu tuyển dụng, điều động, biệt phái, hợp đồng; bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên theo vị trí việc làm.	Báo cáo kết quả rà soát đội ngũ; phương án bố trí nhân sự; công tác bồi dưỡng đội ngũ.	Rà soát trong tháng 9-10/2026; bổ sung, điều chỉnh theo học kỳ.	Phòng TCCB; UBND xã/phường; các phòng chuyên môn; cơ sở giáo dục.
10	Rà soát trường lớp, phòng học, phòng học bộ môn, thiết bị, thư viện, hạ tầng số; ưu tiên địa bàn tăng dân số cơ học; đẩy nhanh lộ trình trường đạt chuẩn quốc gia.	Danh mục nhu cầu và thứ tự ưu tiên; kế hoạch sửa chữa, mua sắm; hồ sơ công nhận/công nhận lại trường chuẩn quốc gia.	Rà soát đầu năm học; thực hiện theo kế hoạch đầu tư năm 2026-2027.	Phòng KHTC; các phòng chuyên môn; UBND xã/phường; cơ sở giáo dục.
11	Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc; bảo đảm giáo dục hòa nhập và cơ hội học tập cho người học yếu thế.	Dữ liệu phổ cập có thể kiểm chứng; hồ sơ công nhận; kế hoạch giáo dục cá nhân và phương án hỗ trợ người học.	Cập nhật thường xuyên; hoàn thành kiểm tra, công nhận theo lịch của Thành phố.	Phòng GDTH, GDTrH; UBND xã/phường; cơ sở giáo dục.
12	Bảo đảm an ninh, an toàn trường học;	Phương án an toàn; hồ sơ tự	Hoàn thành phương án	Phòng CTĐT-HSSV; cơ sở

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Tiến độ	Đầu mối thực hiện
	phòng, chống bạo lực, tai nạn, cháy nổ, dịch bệnh, mất an toàn thực phẩm, xâm hại và rủi ro trên môi trường mạng.	kiểm tra; đầu mối tiếp nhận, xử lý sự cố; báo cáo khắc phục nguy cơ.	trước khai giảng; kiểm tra định kỳ và đột xuất.	giáo dục; UBND xã/phường; Công an và cơ quan chuyên môn liên quan.
13	Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và hoạt động giáo dục tăng cường; thực hiện công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, không ép buộc người học.	Nội dung công khai; hồ sơ phê duyệt/thông báo theo quy định; kết quả tự kiểm tra, hậu kiểm và xử lý phản ánh.	Công khai đầu năm học; kiểm tra thường xuyên.	Các phòng chuyên môn, KHTC và đơn vị liên quan theo chức năng; UBND xã/phường; cơ sở giáo dục.
14	Nâng cao chất lượng hướng nghiệp, phân luồng sau THCS và THPT; kết nối cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và thông tin thị trường lao động.	Chương trình hướng nghiệp theo khối lớp; hồ sơ tư vấn; hoạt động trải nghiệm nghề; dữ liệu kết quả sau tốt nghiệp.	Trong năm học, tập trung học kỳ II.	Phòng GDTrH; cơ sở giáo dục; đơn vị phối hợp.
15	Chuẩn bị và tham gia tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027; nâng cao chất lượng ôn tập; tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thiết thực, an toàn, đúng quy định.	Kế hoạch ôn tập phân hóa; dữ liệu thí sinh; phương án nhân sự, cơ sở vật chất, an ninh, an toàn; báo cáo kết quả.	Ôn tập từ đầu năm học; chuẩn bị kỳ thi theo tiến độ của Bộ và Thành phố.	Phòng QLT, GDTrH; các phòng, đơn vị liên quan; trường THPT.
16	Triển khai các mô hình dẫn dắt của Thành phố: trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế, trường chất lượng cao,	Kế hoạch/đề án được phê duyệt; bộ minh chứng đầu ra; hoạt động hỗ trợ chuyên	Theo lộ trình, đề án và kế hoạch được cấp có thẩm	Phòng GDTrH và các phòng liên quan; cơ sở giáo dục được giao.

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Tiến độ	Đầu mối thực hiện
	trường tiên tiến - hiện đại; phát huy trường có thế mạnh hỗ trợ hệ thống.	môn, chia sẻ học liệu và bồi dưỡng đội ngũ.	quyền phê duyệt.	
17	Đổi mới kiểm tra theo chuyên đề, mức độ rủi ro và dữ liệu; giảm hồ sơ, báo cáo trùng lặp; tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị.	Kế hoạch kiểm tra chung; danh mục báo cáo dùng chung; biên bản, kiến nghị và kết quả khắc phục sau kiểm tra.	Ban hành kế hoạch trong học kỳ I; thực hiện xuyên suốt năm học.	Văn phòng Sở và các phòng, đơn vị theo chức năng.
18	Tăng cường truyền thông chính sách, kết quả đổi mới giáo dục; phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội; nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả.	Chuyên mục/tin bài; tài liệu truyền thông; diễn đàn đối thoại; danh mục mô hình được đánh giá và nhân rộng.	Thường xuyên; sơ kết học kỳ I, tổng kết cuối năm học.	Văn phòng Sở; các phòng chuyên môn; cơ sở giáo dục; đơn vị truyền thông.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn theo cấp học

- Phòng Giáo dục mầm non, Phòng Giáo dục tiểu học và Phòng Giáo dục trung học chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc cấp học, lĩnh vực được giao; chịu trách nhiệm về nội dung và số liệu tại phụ lục do phòng tham mưu.

- Phòng Giáo dục trung học là đơn vị thường trực của Kế hoạch, chủ trì tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện chung; các phòng chuyên môn gửi báo cáo theo lĩnh vực về Phòng Giáo dục trung học theo tiến độ để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở và cấp có thẩm quyền.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Chủ trì tham mưu tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, đội ngũ, tuyển dụng, điều động, biệt phái, hợp đồng và bồi dưỡng cán bộ quản lý theo chức năng.

- Phối hợp bồi dưỡng công chức cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục.

3. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì tham mưu nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị, trường chuẩn quốc gia, quản lý tài chính và tài sản công; tổng hợp nhu cầu đầu tư, phối hợp rà soát quỹ đất, tiến độ dự án và điều kiện tổ chức bán trú; hướng dẫn các khoản thu, chi theo quy định.

4. Văn phòng Sở và các đơn vị liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nội dung về chương trình công tác, cải cách hành chính, truyền thông, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu, an toàn thông tin, công tác chính trị tư tưởng, quản lý chất lượng, khảo thí, kiểm tra, pháp chế, hợp tác quốc tế và các nhiệm vụ liên quan; không yêu cầu cơ sở giáo dục báo cáo lại số liệu đã có trên hệ thống dùng chung; phối hợp rà soát, công khai danh mục các cuộc thi do Sở tổ chức, chủ trì hoặc phối hợp tổ chức; không tham mưu phát sinh cuộc thi, hồ sơ, báo cáo, minh chứng hoặc cuộc họp không cần thiết.

5. Đề nghị UBND xã, phường

- Xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn; chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và THCS thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm tổ chức bộ máy, đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, an toàn trường học, phổ cập giáo dục và dữ liệu ngành theo phân cấp; chỉ đạo, hỗ trợ cơ sở giáo dục thực hiện Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT, xử lý hoặc phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh sau sắp xếp; chỉ đạo thực hiện Công văn số 5922/BGDĐT-GDPT, không yêu cầu tổ chức cuộc thi, hội thi hoặc thực hiện hồ sơ, sổ sách, báo cáo, minh chứng ngoài quy định hay vượt thẩm quyền.

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục; phối hợp với Sở trong hướng dẫn chuyên môn, quản lý dữ liệu, đội ngũ và kiểm tra; kịp thời giải quyết hoặc báo cáo khó khăn vượt thẩm quyền.

6. Các cơ sở giáo dục

Căn cứ Kế hoạch và phụ lục theo cấp học để xây dựng kế hoạch năm học; cụ thể hóa nhiệm vụ thành tiến độ, sản phẩm và người chịu trách nhiệm; chủ động rà soát đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, dữ liệu; thực hiện công khai, dân chủ, tự kiểm tra, tự đánh giá và trách nhiệm giải trình; đối với cơ sở công lập sau sắp xếp, rà soát, kiện toàn tổ chức, phân công, ủy quyền, quy chế làm việc và cơ chế phối hợp theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT; tổ chức rà soát, cắt giảm hoạt động hình thức, trùng lặp, không cần thiết; triển khai hồ sơ số, sổ sách số theo quy định và lộ trình, không tự đặt thêm yêu cầu hành chính đối với nhà giáo.

7. Chế độ thông tin, báo cáo

- Thực hiện báo cáo đầu năm học, sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học và báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; không xây dựng báo cáo trung gian không cần thiết, không yêu cầu báo cáo lại thông

tin, số liệu đã có trên cơ sở dữ liệu dùng chung. Các phòng chuyên môn chủ trì tổng hợp kết quả theo cấp học, lĩnh vực, gửi Phòng Giáo dục trung học để tổng hợp chung.

Kế hoạch này là căn cứ tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm quán triệt, triển khai, kiểm tra và đánh giá kết quả; bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện thực chất, đúng tiến độ, đúng thẩm quyền và phù hợp điều kiện thực tế. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- UBND các xã, phường;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Các cơ sở giáo dục;
- Lưu: VT, GDTrH.



Nguyễn Văn Hiền

PHỤ LỤC I

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày / /2026 của Sở GDĐT)

I. MỤC TIÊU

Thực hiện chủ đề năm học 2026 - 2027 cấp học mầm non:

“Đoàn kết - Đổi mới - Sáng tạo - Phát triển”

1. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và triển khai hiệu quả thí điểm Chương trình GDMN mới.
2. Bảo đảm an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ; Phòng, xử trí một số tai nạn thương tích; Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và tăng cường các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu đột phá phát triển giáo dục mầm non.
3. Rà soát, quy hoạch mạng lưới trường lớp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại và thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.
4. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đổi mới quản trị nhà trường linh hoạt, hiệu quả gắn với chuyển đổi số và cải cách hành chính.
5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới; chú trọng công tác tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp.
6. Đẩy mạnh xã hội hóa, hội nhập quốc tế, truyền thông giáo dục và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và triển khai hiệu quả thí điểm Chương trình GDMN mới.

1.1. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

- Quy định về thời gian thực hiện chương trình GDMN: 35 tuần, bố trí 01 tuần đầu tháng 9 cho việc trẻ làm quen trường lớp, rèn nề nếp và nội quy.
- Phát triển Chương trình giáo dục nhà trường gắn với thực tiễn: Các cơ sở GDMN chủ động xây dựng, phát triển chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và văn hóa địa phương, hướng tới sự phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của trẻ; vận dụng Bộ tiêu chí đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em 3–5 tuổi thành phố Hà Nội để bổ sung mục tiêu, thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm; thực hiện theo dõi sự tiến bộ của trẻ thông qua quan sát thường xuyên trong các hoạt động hằng ngày nhằm nhận diện sự tiến bộ và nhu cầu hỗ trợ của trẻ, không dùng để xếp loại, so sánh trẻ hoặc tạo áp lực thành tích, không phát sinh công cụ và hồ sơ, sổ sách đánh giá trẻ. Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục Quyền con người, giới tính, an toàn giao thông, kỹ năng sống và nếp sống “*Thanh lịch - Văn minh*” qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm; chú trọng chuẩn bị tốt tâm thế, năng lực và kỹ năng cho trẻ 5 tuổi vào lớp

Một (nghiêm cấm dạy trước chương trình lớp Một dưới mọi hình thức).

- Đổi mới phương pháp giáo dục theo quan điểm giáo dục "Lấy trẻ làm trung tâm" nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ. Tích hợp linh hoạt, hợp lý các phương pháp giáo dục tiên tiến (Montessori, Reggio Emilia, ...), ứng dụng giáo dục STEAM vào các hoạt động trải nghiệm theo hướng tích hợp, phù hợp với lứa tuổi (*không tổ chức thành môn học riêng*).

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục: Tổ chức các hoạt động qua dự án, chủ đề, sự kiện, thí nghiệm, trải nghiệm thực tế. Mở rộng không gian học tập ngoài lớp học, tại các phòng chức năng. Đa dạng hình thức tổ chức nhóm, tăng cường giao lưu đa độ tuổi. Ưu tiên tổ chức theo nhóm nhỏ và cá nhân hóa hoạt động nhằm phát huy tối đa năng lực của từng trẻ; đặc biệt quan tâm, hỗ trợ trẻ khuyết tật học hòa nhập, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng và công bằng trong giáo dục (*Lưu giữ hồ sơ cá nhân trẻ khuyết tật đảm bảo đúng quy định*).

- Xây dựng môi trường giáo dục mang bản sắc riêng của mỗi cơ sở giáo dục mầm non: thiết kế môi trường mở, thân thiện, an toàn, thẩm mỹ, phù hợp với lứa tuổi; khai thác hiệu quả không gian, góc hoạt động và sản phẩm của trẻ trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Chú trọng khai thác giá trị văn hóa và nguồn lực của địa phương.

1.2. Triển khai hiệu quả thí điểm Chương trình GDMN mới

Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng nội dung, bảo đảm tiến độ công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tại 15 cơ sở giáo dục mầm non thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới theo kế hoạch đã được Giám đốc Sở phê duyệt¹. Định kỳ báo cáo kết quả, khó khăn, đề xuất về Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định. Sơ kết, tổng kết thực tiễn để tham mưu Bộ GDĐT hoàn thiện chương trình; đồng thời chủ động chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất và tâm thế sẵn sàng triển khai đồng bộ trong các năm học tiếp theo.

1.3. Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN

- Hiệu trưởng chỉ đạo chung, chịu trách nhiệm toàn diện; Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng/tổ phó chuyên môn và giáo viên cốt cán trực tiếp tham gia xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường và kế hoạch giáo dục năm học. Giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề/tuần/ngày phù hợp với điểm trường, nhóm lớp được phân công phụ trách.

¹ Quyết định số 3118/QĐ-SGDĐT ngày 28/8/2026 của Sở GDĐT về việc phê duyệt danh sách các cơ sở GDMN thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kế hoạch số 2408/KH-SGDĐT ngày 28/5/2026 của Sở GDĐT Hà Nội Kế hoạch triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới trên địa bàn thành phố Hà Nội, năm học 2026 -2027.

- Thực hiện công khai Chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục năm học/tháng/tuần/ngày và các nội dung giáo dục theo quy định tới cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ. Chương trình được rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung hằng năm trên cơ sở kết quả thực hiện, đánh giá sự phát triển của trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường và ý kiến phản hồi của cha mẹ trẻ.

- Sản phẩm: Mỗi trường có 01 Chương trình giáo dục nhà trường; 01 kế hoạch giáo dục năm học (ngân hàng nội dung, hoạt động giáo dục dùng chung cho toàn trường theo độ tuổi); kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề/tuần/ngày của từng nhóm, lớp.

Biểu 01. Bộ tiêu chí bổ sung theo dõi sự phát triển toàn diện của trẻ em mẫu giáo 3 - 5 tuổi thành phố Hà Nội:

<https://docs.google.com/document/d/1f4RdDEl2Ab3pd9YiZfodt-fwOcVWLze4/edit>

Biểu 02. Danh sách các đơn vị thực hiện thí điểm Chương trình GDMN và điểm Chuyên đề cấp Thành phố:

<https://docs.google.com/document/d/1X4-wbVPP2SEszTkVquBihN28rAOM1DjC/edit>

2. Bảo đảm an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ; Phòng, xử trí một số tai nạn thương tích; Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và tăng cường các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu đột phá phát triển giáo dục mầm non

2.1. Bảo đảm an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ

- Bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ: Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc tại 100% các nhóm/lớp, điểm trường và các cơ sở GDMN ngoài công lập; Tăng cường giáo dục kỹ năng tự phục vụ, vệ sinh cá nhân, chăm sóc dinh dưỡng, phát triển vận động và phòng tránh nguy cơ không an toàn thông qua các hoạt động hằng ngày. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống giám sát số để hỗ trợ điều hành, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn và xử lý nhanh chóng tình huống khẩn cấp. Chủ động phòng ngừa bạo lực học đường, xâm hại trẻ em; thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, tai nạn thương tích, đuối nước, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Quản lý, cập nhật dữ liệu sức khỏe: Bảo đảm 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, cân đo và đánh giá dinh dưỡng theo chuẩn WHO (theo dõi trẻ dưới 3 tuổi theo Kế hoạch 8041/KH-SYT của Sở Y tế Hà Nội²). Thực hiện đo chiều cao, cân nặng 01 lần/tháng đối với trẻ dưới 24 tháng; đối với trẻ từ 24 tháng trở lên đo chiều cao, cân nặng, 2 tháng/1 lần (tháng 9, 11, 01, 03, 05); trẻ suy dinh

² Kế hoạch số 8041/KH-SYT ngày 07/8/2026 của Sở Y tế về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá sự phát triển của trẻ em dưới 03 tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

dưỡng, thừa cân, béo phì được cân đo hằng tháng để can thiệp kịp thời; đồng thời phối hợp y tế địa phương cập nhật đầy đủ dữ liệu khám, cân đo vào hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố, hệ thống HanoiCheck và Cơ sở dữ liệu ngành (lấy số liệu tháng 9/2026 và tháng 01, 5/2027 để báo cáo đầu năm, học kỳ I và cuối năm học).

- Thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe: Tổ chức cho trẻ được khám sức khỏe miễn phí theo quy định tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Trung ương về một số giải pháp đột phá, tăng cường, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách hỗ trợ an sinh; công văn số 2855/UBND-KGVX ngày 17/6/2026 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND; cập nhật kết quả khám vào hồ sơ sức khỏe điện tử của trẻ và các hệ thống dữ liệu theo quy định. Đảm bảo bí mật thông tin và kết quả khám của trẻ. Thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng và kịp thời các chính sách về trẻ em theo quy định.

2.2. Phòng, xử trí một số tai nạn thương tích và các tình huống bất thường về sức khỏe trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non

- Bảo đảm an toàn và phòng, chống tai nạn thương tích: Các cơ sở GDMN chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế và nhân viên trong trường về kỹ năng phòng tránh, xử trí ban đầu các tai nạn thương tích thường gặp và nhận biết sớm các dấu hiệu bất thường về sức khỏe của trẻ để kịp thời báo cáo đồng thời xử lý đưa trẻ đến cơ sở y tế gần nhất khi cần thiết; lồng ghép giáo dục trẻ kỹ năng nhận biết và phòng tránh các nguy cơ mất an toàn, đồng thời phân công rõ lịch trực và trách nhiệm cụ thể của cán bộ quản lý/tổ trưởng chuyên môn tại từng điểm trường.

- Tại từng điểm trường, cơ sở giáo dục độc lập: Bố trí phòng y tế/góc y tế, đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, dụng cụ và vật tư y tế cần thiết. Niêm yết danh mục thuốc theo quy định của Sở Y tế; số điện thoại khẩn cấp (cấp cứu: 114, công an: 113, cơ sở y tế gần nhất) tại khu vực dễ nhìn. Bố trí lịch trực của nhân viên y tế/ điểm trường.

- Khi trẻ gặp sự cố sức khỏe, giáo viên tiến hành sơ cứu ban đầu, đồng thời thông báo ngay cho Cán bộ quản lý điểm trường/Chủ cơ sở độc lập và cha mẹ trẻ; Cán bộ quản lý báo cáo Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo xử lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền/ khả năng của nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo chuyển trẻ đến cơ sở y tế gần nhất, đồng thời báo cáo UBND cấp xã/phường, cơ quan y tế địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên theo đúng quy định.

2.3. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ

- Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm (ATTP): Thực hiện tổ chức bán trú tại các cơ sở GDMN theo Hướng dẫn số 02/HD-BCĐ ngày 18/7/2026 của Ban Chỉ đạo công tác ATTP Thành phố, Công văn hướng dẫn của

Sở Tài chính³, Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁴ và các văn bản chỉ đạo của Sở, ngành thành phố Hà Nội. Người đứng đầu các cơ sở GDMN chịu trách nhiệm toàn diện về công tác ATTP và chất lượng nuôi dưỡng tại đơn vị mình.

- Đầu tư cơ sở vật chất bếp ăn: Rà soát, đảm bảo điều kiện tại tất cả các điểm trường: về diện tích, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, sắp xếp quy trình bếp một chiều và các điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định. Đối với điểm trường không đủ điều kiện để tổ chức nấu ăn, bố trí phương tiện vận chuyển thức ăn từ bếp trung tâm đến các phân hiệu/điểm trường và phòng chia ăn/ khu vực chia ăn riêng biệt, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định (trang bị đầy đủ tủ hấp sấy bát, thìa, dụng cụ bảo quản, chứa đựng thức ăn, chia ăn đảm bảo ATTP...). Triển khai hiệu quả mô hình thí điểm lắp camera AI giám sát tự động quy trình ATTP tại khu vực bếp ăn của 10 trường mầm non theo chỉ đạo của Thành phố.

- Đổi mới thực đơn và chế độ dinh dưỡng: 100% cơ sở GDMN sử dụng phần mềm dinh dưỡng (HanoiCheck) để lựa chọn thực đơn bảo đảm cân đối dinh dưỡng, phù hợp với từng độ tuổi (nhà trẻ và mẫu giáo) và mức tiền ăn. Áp dụng thực đơn chuyên sâu, linh hoạt dành riêng cho các nhóm trẻ có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt (trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì). Đối với các cơ sở GDMN thực hiện thí điểm Chương trình GDMN thực hiện thực đơn nhà trẻ 1 bữa chính, 2 bữa phụ. Từng bước hình thành mô hình “bữa ăn - dinh dưỡng - vận động - nâng cao tâm vóc” trẻ em trong các cơ sở GDMN.

- Chế độ ăn và chế biến cho các nhóm trẻ đặc biệt: Trẻ suy dinh dưỡng (nhẹ cân, thấp còi, gầy còm) cần thay đổi cách chế biến dễ tiêu hóa, đảm bảo mềm, nhừ, nhuyễn nhỏ; đồng thời tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ tăng cường lượng chất đạm, Lipit và các rau củ giàu vitamin và muối khoáng (rau ngót, bí đỏ, cà rốt, đậu...) trong bữa ăn tại gia đình; Trẻ thừa cân, béo phì tuyệt đối không nhin ăn mà kiểm soát năng lượng nạp vào, ưu tiên món luộc, hấp, salad, hạn chế đồ ngọt, dầu mỡ; thay đổi cách ăn: ăn rau củ quả, canh và thức ăn trước khi ăn cơm; Trẻ dị ứng thực phẩm (tôm, cua...) thay thế bằng thực phẩm tương đương như trứng, cá, thịt... trong thực đơn hằng ngày hoặc phối hợp với gia đình trẻ.

- Thực hiện hồ sơ, quản lý dữ liệu và công khai công tác nuôi dưỡng: Thực hiện đầy đủ hồ sơ sổ sách nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 21, thông tư số

³ Hướng dẫn số 01/BCĐ-HD ngày 03/12/2025 của Ban chỉ đạo VSATTP Thành phố về việc hướng dẫn quy trình tổ chức bữa ăn bán trú cho học sinh tại các trường học trên địa bàn TP Hà Nội; Hướng dẫn số 02/HĐ- BCĐ ngày 18/7/2026 của Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm về hướng dẫn đảm bảo an toàn thực phẩm trong tổ chức bữa ăn bán trú tại các cơ sở GDMN và giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2026-2027. Công văn số 13171/STC-TCHCSN ngày 06/8/2026 của Sở Tài chính về Hướng dẫn công tác lập, phân bổ, giao dự toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước và một số nội dung liên quan thực hiện cơ chế hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học trên địa bàn Thành phố từ năm học 2026 -2027.

⁴ Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc “Phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học”.

52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non, quy định của Bộ Y tế, Bộ Tài chính... Hồ sơ cập nhật, lưu trữ dữ liệu đầy đủ, chính xác, đủ chữ ký của các thành phần liên quan tại đúng thời điểm thực hiện từng khâu (giao nhận, chia thức ăn) bảo đảm tính minh bạch, trung thực trong quản lý, tổ chức bán trú.

Thực hiện hồ sơ, sổ sách nuôi dưỡng trên hệ thống HanoiCheck; sử dụng chữ ký số và lưu trữ hồ sơ điện tử theo quy định. Chỉ in, ký và lưu hồ sơ giấy khi pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định; không yêu cầu đồng thời bản giấy và bản điện tử có cùng nội dung.

+ Trường chính: Thực hiện chung của toàn trường (báo ăn; giao nhận thực phẩm (bước 1); tổng hợp theo dõi xuất, nhập kho; tính khẩu phần ăn; quyết toán tiền ăn) theo quy định.

+ Đối với các điểm trường có tổ chức bếp ăn (trường chính/phân hiệu/ điểm trường) thực hiện: Kiểm thực ba bước; theo dõi xuất, nhập kho; báo ăn và giao nhận thức ăn của điểm trường.

+ Tại các phân hiệu/điểm trường không có bếp ăn thực hiện: báo ăn và giao nhận thức ăn của điểm trường.

Trường chính/phân hiệu/điểm trường thực hiện công khai thực đơn, số suất ăn, mức tiền ăn, thực phẩm trên bảng thông tin nhà trường. Sở Khoa học công nghệ cấp tài khoản cho cha mẹ trẻ sử dụng sổ sức khỏe điện tử trên hệ thống Hanoicheck thông qua app iHanoi để theo dõi thực đơn, truy xuất nguồn gốc thực phẩm...

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình bán trú: Nghiêm túc thực hiện việc tổ chức bữa ăn bán trú, giám sát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm và các khâu: Giao nhận thực phẩm (nguồn gốc thực phẩm khớp với hồ sơ năng lực và hợp đồng cung cấp thực phẩm), sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển đảm bảo đúng quy trình quy định. Huy động sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc kiểm tra, giám sát nguồn gốc thực phẩm, khâu chế biến và chia ăn hằng ngày; phát hiện, đề xuất xử lý kịp thời các vi phạm về ATTP trong trường học.

2.4. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục trẻ

- Tăng cường giáo dục thể chất và vận động cho trẻ: Thực hiện theo Kế hoạch số 253/KH-UBND, Kế hoạch số 656/KH-SVHTT, Kế hoạch số 3692/KH-SGDĐT⁵: Khai thác hiệu quả môi trường vận động trong và ngoài lớp học; duy trì thể dục sáng từ 15-20 phút/ngày; xây dựng 7-10 video clip thể dục sáng theo nhạc, trong đó có sử dụng khẩu lệnh, âm nhạc bằng tiếng Anh triển khai trên toàn

⁵ Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 03/7/2026 của UBND Thành phố về phát triển thể chất và thể thao trong các trường mầm non, tiểu học giai đoạn 2026 - 2030. Kế hoạch số 656/KH-SVHTT ngày 28/7/2026 SVHTT về phát triển thể chất và thể thao trong các trường mầm non, tiểu học giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 3692/KH-SGDĐT ngày 27/7/2026 của SGDĐT về phát triển thể chất và thể thao trong các trường mầm non, tiểu học giai đoạn 2026 - 2030.

Thành phố (thí điểm tại 10 trường mầm non trong tháng 9/2026) và hoạt động ngoài trời từ 30-40 phút/ngày. Tăng thời lượng hoạt động thể chất đối với trẻ mẫu giáo thêm 02 hoạt động/tuần, 15- 20 phút/hoạt động; lựa chọn thời điểm và hình thức phù hợp (giao lưu thể thao; dân vũ, trò chơi vận động, hoạt động lao động...); Khuyến khích các cơ sở GDMN lựa chọn, tổ chức tối thiểu 01 môn thể thao phù hợp (bóng rổ; Aerobic; Khiêu vũ thể thao; Bóng đá mini; Yoga...). Tổ chức Ngày hội/Liên hoan “Bé khỏe - Bé ngoan” hoặc “Chúng cháu vui khỏe” 01 lần/năm. Đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thực hiện bài tập vận động phù hợp kết hợp chế độ dinh dưỡng theo nhu cầu của trẻ. Xây dựng kho học liệu dùng chung phát triển vận động theo độ tuổi từ cơ sở GDMN đến cấp Thành phố.

- Đổi mới hoạt động giáo dục nghệ thuật: Xây dựng môi trường nghệ thuật mở, giàu tính tương tác với nguyên vật liệu phong phú, lồng ghép văn hóa địa phương. Đa dạng hóa các sân chơi, ngày hội nghệ thuật bảo đảm 100% trẻ được trải nghiệm; thiết kế không gian trải nghiệm, trưng bày sản phẩm và khu vực sáng tạo riêng biệt tại từng lớp, từng khu vực và toàn trường. Tạo môi trường âm nhạc, khuyến khích cho trẻ làm quen nhạc cụ đơn giản như gõ, lắc, trống, đàn gõ, kèn, đàn organ... tổ chức tại các phòng nghệ thuật tại mỗi điểm trường. Tổ chức 01 hoạt động giao lưu nghệ thuật/ tháng. Tăng cường kết nối nghệ sĩ, nghệ nhân, giảng viên và sinh viên các cơ sở đào tạo nghệ thuật tham gia, hỗ trợ hoạt động giáo dục nghệ thuật phù hợp với trẻ.

- Đưa Tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai⁶: Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đáp ứng năng lực tiếng Anh để từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai, bảo đảm tính tự nhiên, phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi, không gây áp lực và không ảnh hưởng đến sự phát triển tiếng Việt của trẻ. Triển khai linh hoạt cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh theo 03 mô hình: Mô hình 1 (Đại trà, 100% cơ sở GDMN) xây dựng môi trường tiếng Anh, cho trẻ làm quen tiếng Anh thông qua bài hát, trò chơi.... Mô hình 2 (Nâng cao - đối với cơ sở GDMN giáo viên có năng lực tiếng Anh đáp ứng Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT⁷) tổ chức hoạt động học cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh tối thiểu 02 hoạt động/tuần, thời lượng 25-35 phút/hoạt động, thực hiện trong 35 tuần/năm học. Mô hình 3 (Mũi nhọn - mô hình song ngữ) tại các trường mầm non chất lượng cao và trường mầm non có yếu tố nước ngoài. Các cơ sở giáo dục căn cứ điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, môi trường giáo dục và đối tượng học sinh để lựa chọn nội dung, hình thức, mức độ triển khai phù hợp, đăng ký một trong 03 mô

⁶ Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.

⁷ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo.

hình tổ chức dạy học hoàn thành trước ngày 03/9/2026⁸; từng bước xây dựng môi trường giao tiếp và sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong và ngoài lớp học.

- Tăng cường giáo dục cảm xúc (SEL) cho trẻ mầm non: Xây dựng môi trường lớp học an toàn, thân thiện, tôn trọng và giàu tính tương tác; thiết kế “Góc bình yên/Góc cảm xúc” tại 100% nhóm/lớp giúp trẻ nhận diện, gọi tên và điều chỉnh các trạng thái cảm xúc (vui, buồn, tức giận, sợ hãi...). Tích hợp giáo dục cảm xúc vào mọi thời điểm trong ngày (đón/tra trẻ, hoạt động học, giờ ăn, giờ ngủ, hoạt động ngoài trời); tăng cường tổ chức các hoạt động về nhận diện cảm xúc, gọi tên cảm xúc, rèn luyện sự đồng cảm, kỹ năng lắng nghe và giải quyết xung đột tích cực qua hình thức kể chuyện tương tác, đóng vai, trò chơi biểu cảm, điều hòa và giải tỏa cảm xúc hoặc thiền/hít thở tĩnh tâm. Khuyến khích các cơ sở GDMN tổ chức Ngày hội “Lan tỏa yêu thương” hoặc “Trường học hạnh phúc” 01 lần/năm. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ nhằm đồng hành, hỗ trợ tâm lý và xử lý kịp thời các khủng hoảng cảm xúc lứa tuổi.

- Giáo dục kỹ năng sống, giá trị văn hóa và hành vi văn minh: Chú trọng giáo dục kỹ năng sống, hành vi văn minh, thanh lịch của người Hà Nội phù hợp với độ tuổi; từng bước hình thành các giá trị nền tảng, cốt lõi của con người Việt Nam, nuôi dưỡng tình yêu thương, sự tôn trọng đối với bản thân, gia đình, thầy cô, bạn bè và tình yêu quê hương, đất nước. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non tại địa bàn đô thị, khu công nghiệp; thực hiện giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định.

Biểu 03: 3.1. Hệ thống bài tập vận động cho trẻ em 3 đến 5 tuổi thuộc nhóm trẻ em thể suy dinh dưỡng, thấp còi, béo phì; 3.2. gợi ý tiêu chí xây dựng 3 mô hình cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh; 3.3. nội dung phát triển kỹ năng cho trẻ mẫu giáo

https://docs.google.com/document/d/13cpV1bVPRwFc1leADqmNE_Km06wwweF6k/edit

3. Rà soát, quy hoạch mạng lưới trường lớp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại và thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi

3.1. Rà soát, quy hoạch mạng lưới trường lớp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại

- Rà soát mạng lưới trường chính/phân hiệu/điểm trường và các điều kiện tổ chức thực hiện chương trình năm học 2026-2027. Từng bước mở rộng quy mô tiếp nhận trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi vào các trường mầm non công lập. Trên cơ sở các phòng học, phòng chức năng dồi dư sau sắp xếp, ưu tiên cải tạo, sửa chữa các hạng mục xuống cấp, công trình vệ sinh, nước sạch, bếp ăn, bố trí tăng thêm

⁸ Công văn số 4096/SGDDĐT-GDTrH ngày 10/08/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội là văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” trên địa bàn thành phố Hà Nội

phòng học để giảm sĩ số trẻ/ nhóm, lớp; phòng đa năng, phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng trường mầm non xanh: Giảm bê tông hóa, phần đầu 50% diện tích sân vườn là sân cỏ, cây xanh bóng mát, cây cảnh, vườn rau. Tăng cường thiết kế các khu vực cho trẻ được trải nghiệm. Tập trung đầu tư trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại đồng bộ như: Trang bị bếp từ công nghiệp, bảng tương tác, màn hình LED tại sảnh lớn đáp ứng yêu cầu hoạt động chung của nhà trường và hoạt động thể dục sáng cho trẻ.

3.2. Phát triển trường chất lượng cao

Chỉ đạo các trường được công nhận chất lượng cao thực hiện đánh giá việc triển khai chương trình bổ sung; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có) để bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Tiếp tục nhân rộng mô hình trường mầm non chất lượng cao theo quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 07/05/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Đẩy mạnh ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 tại các trường chất lượng cao.

3.3. Đảm bảo chất lượng giáo dục và công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Điểm mới chuyển từ kiểm định chất lượng giáo dục theo chu kỳ sang đảm bảo chất lượng giáo dục thường xuyên. Các cơ sở GDMN nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT⁹. Đối với trường được thành lập trên cơ sở sáp nhập, cần thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Thông tư. Các cơ sở GDMN tự đánh giá đúng thực trạng, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi, bảo đảm sự đồng đều giữa trường chính và các điểm trường.

3.4. Duy trì phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (5 - 6 tuổi); Thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi (3 - 4 tuổi; 4 - 5 tuổi)

- Đảm bảo các tiêu chuẩn huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt $\geq 98\%$, trẻ em 5 tuổi đạt 100%. Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 100%.

- Đảm bảo các điều kiện: Bố trí đội ngũ giáo viên đảm bảo tối đa định mức/lớp, 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Bảo đảm cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và học liệu đáp ứng thực hiện Chương trình GDMN.

- UBND các xã, phường và cơ sở GDMN thực hiện nghiêm Kế hoạch số 162/KH-UBND; cập nhật chính xác dữ liệu trẻ 3-5 tuổi; thực hiện đầy đủ, kịp thời

⁹ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 07/07/2026 quy định về bảo đảm chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

các chính sách phát triển GDMN và phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo quy định¹⁰.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND Thành phố ban hành Quyết định ủy quyền thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục nâng cao phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một, chú trọng phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội, kỹ năng tự phục vụ và khả năng thích ứng với môi trường học tập mới. Không dạy trước chương trình lớp Một, không gây áp lực học tập đối với trẻ; Kết nối chặt chẽ giữa mầm non và tiểu học để đảm bảo tính liên thông, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi.

4. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đổi mới quản trị nhà trường linh hoạt, hiệu quả gắn với chuyển đổi số và cải cách hành chính

4.1. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đổi mới quản trị nhà trường

- Quản trị mô hình “Trường mầm non đa cơ sở” sau sáp nhập¹¹: Thực hiện nghiêm nguyên tắc “*Một đầu mối chỉ đạo; rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thông tin; tinh gọn nhưng không bỏ sót điểm trường*”. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện, phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách trực tiếp từng phân hiệu và lĩnh vực công tác (Đảng, đoàn thể, nuôi dưỡng, giáo dục, cơ sở vật chất, CNTT...). Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở GDMN theo CV số 3975- SGDDT- TCCB ngày 6/8/2026 về việc hướng dẫn tạm thời về tổ chức và quản lý nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc quản lý của UBND cấp xã; tổ chức hoạt động sinh hoạt chuyên môn phù hợp đặc thù mỗi trường (trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp; mỗi điểm trường không thành lập tổ chuyên môn riêng); tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình theo phương châm “*Đổi mới tư duy - chuyển biến mạnh mẽ - kết quả thực chất*”. Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát: Tăng cường kiểm tra theo hướng tự kiểm tra của cơ sở GDMN; các xã phường, Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra tư vấn, hỗ trợ, đồng hành cùng cơ sở giáo dục; kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, bảo đảm đánh giá thực chất. Lấy chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ,

¹⁰ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 20/4/2026 về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, giai đoạn 2026-2030; Công văn số 3909/SGDDT-GDMN ngày 04/8/2026 của Sở GDĐT về Hướng dẫn triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

¹¹ Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập sau sáp nhập.

mức độ an toàn và hiệu quả quản trị nhà trường làm thước đo đánh giá. Tăng cường kiểm tra liên ngành đối với các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 51/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026; kiên quyết đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở không đủ điều kiện an toàn, chưa được cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp phép thành lập và vi phạm đạo đức nhà giáo. Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của nhân dân và công khai kết quả theo quy định; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm tình trạng lạm thu, đóng góp hoặc tổ chức các hoạt động giáo dục trái quy định.

4.2. Thực hiện cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng CNTT

- Thực hiện cải cách hành chính: Thực hiện nghiêm phương châm “6 rõ” (*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả*) trong chỉ đạo, điều hành. Rà soát, cắt giảm triệt để các loại hồ sơ, sổ sách, báo cáo trùng lặp; tuyệt đối không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định¹². Phân loại rõ hồ sơ dùng chung và hồ sơ dùng riêng tại các phân hiệu/ điểm trường. Dữ liệu phải được cập nhật, đồng bộ, hợp nhất dữ liệu của các cơ sở GDMN trước sắp xếp, bảo đảm đầy đủ, chính xác, liên tục và không làm mất lịch sử dữ liệu. Khuyến khích các cơ sở GDMN sử dụng hồ sơ điện tử.

- Không tổ chức hoạt động, cuộc thi, hội thi, phong trào giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi. Giáo viên có thể tự nguyện làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ trực tiếp việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, phù hợp điều kiện thực tế và bảo đảm an toàn; không sử dụng sản phẩm làm căn cứ đánh giá, xếp loại hoặc thi đua nếu không có quy định của cấp có thẩm quyền.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng CNTT và Trí tuệ nhân tạo (AI): Chuyển mạnh từ quản lý hồ sơ giấy sang quản trị dựa trên dữ liệu chuẩn xác, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thực hiện nguyên tắc “*một lần cập nhật dữ liệu, nhiều lần khai thác*” phục vụ dùng chung, liên thông thông tin dữ liệu giữa cơ sở GDMN với cơ quan quản lý các cấp. Vận hành hiệu quả Hệ sinh thái quản lý giáo dục và nền tảng học tập số Thành phố - Trục LMS thống nhất (<https://study.hanoi.edu.vn>); tuyệt đối không yêu cầu cha mẹ trẻ cung cấp lại các thông tin đã có trên hệ thống. Việc sử dụng thiết bị công nghệ của trẻ phải phù hợp với độ tuổi, bảo đảm có sự kiểm soát về thời lượng, nội dung và dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới; chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp

5.1. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

¹² Công văn số:5922 /BGDĐT-GDPT ngày 03/9/2026 của Bộ GDĐT V/v cắt giảm các cuộc thi, hồ sơ, sổ sách, hội họp và báo cáo trung gian trong cơ sở giáo dục.

Kiến toàn và bố trí đội ngũ sau sáp nhập: Triển khai thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP¹³. Tiến hành rà soát tổng thể, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên để bố trí, sắp xếp hợp lý; giải quyết kịp thời tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ và nhân sự hỗ trợ sau khi sáp nhập cơ sở giáo dục giữa các điểm trường. Thực hiện tốt lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định¹⁴. Làm tốt công tác tư tưởng, ổn định tâm lý cho đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác; chú trọng xây dựng khối đoàn kết nội bộ và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

5.2. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Các nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm. Tăng cường bồi dưỡng tại chỗ (chia sẻ, hỗ trợ chuyên môn giữa các điểm trường), bồi dưỡng theo nhu cầu, phát huy vai trò của tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và giáo viên cốt cán góp phần thu hẹp khoảng cách về chất lượng trong toàn trường. Tập huấn nâng cao năng lực quản trị nhà trường cho đội ngũ cán bộ quản lý; bồi dưỡng giáo viên về đạo đức nghề nghiệp, tình yêu thương trẻ và thực hiện hiệu quả Chương trình GDMN hiện hành, chương trình GDMN thí điểm. Chú trọng đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục và giáo dục hòa nhập; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI); đồng thời triển khai hiệu quả kế hoạch nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, AI và nghệ thuật cho đội ngũ giáo viên¹⁵ đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN Hà Nội. Bồi dưỡng khoảng 400 giáo viên mầm non tham gia lớp tập huấn về phát triển năng lực tiếng Anh theo Kế hoạch số 4235/KH-SGDĐT ngày 17/8/2026.¹⁶

5.3. Thực hiện chế độ chính sách nhà giáo

Thực hiện đúng, đủ và kịp thời các chế độ tiền lương, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên, phụ cấp chức vụ và các chính sách đặc thù cho đội ngũ theo quy định hiện hành. Bảo đảm đầy đủ quyền lợi hợp pháp người lao động. Rà soát, thực hiện nghiêm túc việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng nhằm động viên, khích lệ đội ngũ yên tâm công tác.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa, hội nhập quốc tế, truyền thông giáo dục và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội

6.1. Đẩy mạnh xã hội hóa, hội nhập quốc tế

¹³ Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở GDMN, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

¹⁴ Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 30/6/2026 về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội giai đoạn 2 (2026-2030).

¹⁵ Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 07/7/2026 về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2026-2030.

¹⁶ Kế hoạch số 4235/KH-SGDĐT ngày 17/8/2026 của Sở GDĐT Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục triển khai Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” trên địa bàn thành phố Hà Nội, năm học 2026 -2027.

Quản lý hợp tác quốc tế: Quản lý chặt chẽ các trường mầm non có vốn đầu tư nước ngoài, chương trình liên kết giáo dục theo Nghị định 202/2025/NĐ-CP và Quyết định 96/2026/QĐ-UBND. Mở rộng giao lưu chuyên môn với Trường UNIS và các tổ chức quốc tế. Khuyến khích các nhà trường có đủ điều kiện chủ động hợp tác, đầu tư và triển khai liên kết giáo dục với các tổ chức, cơ sở GDMN nước ngoài theo quy định¹⁷.

6.2. *Đẩy mạnh truyền thông giáo dục và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội*

- Phối hợp các cơ quan báo chí, truyền hình truyền thông sâu rộng về các chính sách GDMN Thủ đô, phổ cập GDMN trẻ 3 - 5 tuổi, thí điểm Chương trình GDMN mới. Công khai danh sách các cơ sở GDMN độc lập đã cấp phép trên Cổng thông tin điện tử. 100% cơ sở GDMN vận hành Trang thông tin điện tử, Fanpage, Zalo, Bảng tin, chuyên mục “Album hình ảnh đẹp” để thông tin tới cha mẹ học sinh và cộng đồng.

- Tăng cường phối hợp đồng bộ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong quản lý, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Ứng dụng các kênh số (sổ liên lạc điện tử, Zalo, Fanpage) để cập nhật hoạt động và thực đơn hàng ngày; đổi mới hợp phụ huynh theo hướng đối thoại hai chiều; tổ chức các sự kiện trải nghiệm có sự đồng hành của cha mẹ; đồng thời phối hợp chặt chẽ giữa cô giáo và gia đình trong việc rèn luyện nề nếp, thói quen tự lập và theo dõi sự phát triển của trẻ. Xây dựng tài liệu và chuyên đề truyền thông dành cho cha mẹ trẻ về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, tổ chức hoạt động vận động tại gia đình và xây dựng lối sống lành mạnh cho trẻ em.

- Triển khai công tác kết nghĩa, hỗ trợ chuyên môn giữa các trường mầm non Hà Nội với các trường MN tại Sơn La, Lai Châu, Điện Biên và Cao Bằng¹⁸. Trường Mầm non Hoa Hồng phường Nghĩa Đô hỗ trợ Trường mầm non Minh Châu xã Minh Châu.

Biểu 04: Tài liệu tư vấn chăm sóc trẻ cho cha mẹ trẻ

<https://drive.google.com/drive/u/0/my-drive?q=after:2026-08-28%20parent:0AEReWUNCPds5Uk9PVA>

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ NĂM HỌC 2026-2027 (LỊCH TRÌNH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN)

¹⁷ Nghị định số 202/2025/NĐ-CP ngày 11/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp đối với cơ sở GDMN, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội. Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND Thành phố Hà Nội quy định việc liên kết giáo dục với nước ngoài trong cơ sở GDMN, giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

¹⁸ Công văn số 2973/SGDĐT-GDMN ngày 24/6/2026 triển khai kết nối, hỗ trợ chuyên môn giữa các trường mầm non Hà Nội với các trường MN tại Sơn La, Lai Châu, Điện Biên và Cao Bằng.

STT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/kết quả	Đầu mối thực hiện
1	Tháng 8/2026	Ban hành Hướng dẫn nhiệm vụ GDMN, Lịch trình hoạt động chuyên môn; Tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2025-2026, triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027; Khảo sát trường điểm Thành phố và thí điểm Chương trình GDMN mới; tập huấn bồi dưỡng thực hiện Chương trình GDMN thí điểm; phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao Và Du lịch, Sở Y tế triển khai bộ thực đơn dinh dưỡng kết hợp vận động. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nhiệm vụ năm học	Hướng dẫn/Lịch trình; công văn tập huấn; kế hoạch kiểm tra năm học	Phòng GDMN; UBND xã/phường; cơ sở GDMN
2	Tháng 9/2026	Tổ chức “Ngày hội đến trường của bé” và khai giảng năm học mới; cập nhật dữ liệu phổ cập GDMN; Quyết định thành lập đội ngũ CBQL, GV cốt cán; Câu lạc bộ GDMN công lập và ngoài công lập; Đón đoàn tham quan học tập của Bộ GDĐT “Thí điểm mô hình đổi mới nâng cao chất lượng GDMN giai đoạn 2026-2030”. Tổ chức hội nghị/hội thảo về giáo dục mầm non ngoài công lập. Kiểm tra các trường mầm non có vốn đầu tư nước ngoài và liên kết giáo dục.	Quyết định thành lập đội ngũ CBQL, GV cốt cán; Câu lạc bộ GDMN công lập và ngoài công lập; Tham dự các hoạt động tại cơ sở; Hội nghị/hội thảo ngoài công lập tại các cụm trường	Phòng GDMN; UBND xã/phường; cơ sở GDMN
3	Tháng 10/2026	Kiểm tập các chuyên đề điểm: “Bếp ăn bán trú an toàn, hiện đại”, “Đổi mới phương pháp, hình thức, hoạt động tổ chức Chương trình GDMN” lứa tuổi nhà trẻ; kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học, trường chuẩn quốc gia. Rà soát, thống kê, báo cáo số liệu	Báo cáo thống kê; Quyết định công nhận trường chuẩn quốc gia (nếu có); Tổ chức kiến tập chuyên đề	Phòng GDMN; các trường điểm chuyên đề; cơ sở GDMN

		GDMN, hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi; tập hợp đăng ký thi đua năm học;		
4	Tháng 11/2026	Tổ chức kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học, duy trì phổ cập 5 tuổi và phổ cập GDMN 3-5 tuổi; công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; Kiến tập thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới; tập huấn chuyên đề “Giáo dục hòa nhập trẻ em khuyết tật”; “Phòng tránh tai nạn thương tích”.	Báo cáo kiểm tra phổ cập; hồ sơ công nhận trường chuẩn quốc gia; tài liệu tập huấn hòa nhập; Dự các hoạt động trực tiếp tại cơ sở	Phòng GDMN; UBND xã/phường; cơ sở GDMN; cơ sở GDMN thực hiện thí điểm chương trình
5	Tháng 12/2026	Kiểm tra công nhận xã, phường đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi; hoàn thiện hồ sơ trình UBND Thành phố công nhận xã, phường đạt chuẩn phổ cập; xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2027.	Quyết định công nhận xã/phường đạt chuẩn phổ cập; kế hoạch kiểm tra năm 2027	Phòng GDMN; UBND xã/phường
6	Tháng 1-2/2027	Sơ kết học kỳ I năm học 2026-2027; Tổ chức kiến tập “Phát triển thể chất, thể thao cho trẻ”; “Phát triển nghệ thuật cho trẻ”; tổ chức hoạt động Câu lạc bộ GDMN công lập; kiểm tra trường mầm non trước và sau nghỉ Tết Âm lịch.	Báo cáo sơ kết học kỳ I; báo cáo kiểm tra trước/sau Tết	Phòng GDMN; cơ sở GDMN
7	Tháng 3/2027	Tổ chức kiến tập các mô hình “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học”; Phát triển nghệ thuật cho trẻ” Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học; kiểm tra Kế hoạch phổ cập GDMN trẻ 3-5 tuổi giai đoạn 2026-2030; công nhận lại trường chất lượng cao;	Hồ sơ công nhận trường chuẩn quốc gia, trường chất lượng cao; báo cáo kiểm tra chuyên môn	Phòng GDMN; UBND xã/phường; cơ sở GDMN
8	Tháng 4/2027	Tổ chức kiến tập các mô hình “Thư viện số”; kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học, công nhận trường đạt chuẩn quốc	Kế hoạch hoạt động hè 2027; báo cáo đánh	Phòng GDMN; cơ sở GDMN

		gia; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hoạt động hè 2027; kiểm tra, đánh giá tiêu chí GDMN thực hiện KH 45 của UBND Thành phố về đột phá phát triển GDĐT.	giá tiêu chí KH 45	
9	Tháng 5/2027	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm chương trình GDMN mới và báo cáo Bộ GDĐT, UBND Thành phố; tập hợp báo cáo, rà soát thống kê năm học của các xã, phường và trường trực thuộc; hoàn thành báo cáo, thống kê, báo cáo thi đua năm học.	Báo cáo tổng hợp thống kê năm học; báo cáo thi đua; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện thí điểm chương trình GDMN mới	Phòng GDMN; UBND xã/phường; cơ sở GDMN
10	Tháng 6-7/2027	Xét duyệt danh hiệu thi đua các cấp và sáng kiến kinh nghiệm cấp mầm non; nộp báo cáo tổng kết, báo cáo thi đua về Bộ GDĐT; kiểm tra hoạt động chuyên môn hè; tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cấp Thành phố và theo cụm xã, phường.	Báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ GDĐT; kết quả bồi dưỡng thường xuyên	Phòng GDMN; UBND xã/phường; cơ sở GDMN

PHỤ LỤC II

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày / /2026 của Sở GDĐT)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; triển khai hiệu quả Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ sở giáo dục. Tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật và kỹ năng sống cho học sinh.

Thực hiện hiệu quả giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; quan tâm, hỗ trợ kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Bảo đảm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp, phân hiệu, điểm trường, bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu năm học. Rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn sau sáp nhập, xây dựng kế hoạch công nhận, công nhận lại theo quy định đảm bảo chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch đề ra đến năm 2030.

Đổi mới quản lý giáo dục cấp tiểu học, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, tiếp tục triển khai Học bạ số, giáo dục năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo; tăng cường quản trị, khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục nhất là dữ liệu số; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động giáo dục.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- **100%** cơ sở giáo dục có cấp tiểu học xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đúng quy định, phù hợp điều kiện thực tế, bảo đảm yêu cầu cần đạt của CTGDPT;

- **100%** cơ sở giáo dục thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định; tăng cường đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh;

- Phần đầu tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt **99,6%**; tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt **99,8%**;

- **100%** cơ sở triển khai giáo dục STEM, năng lực số, kỹ năng sử dụng AI

an toàn; tổ chức các nội dung giáo dục toàn diện và xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh phù hợp;

- **100%** cơ sở rà soát, có kế hoạch hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu, học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3 toàn Thành phố;

- **100%** cơ sở giáo dục tiểu học triển khai thực hiện Kế hoạch 253/KH-UBND của UBND Thành phố phát triển thể chất và thể thao trong các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030;

- **100%** cơ sở giáo dục tiểu học triển khai thực hiện Kế hoạch 259/KH-UBND của UBND Thành phố triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035: đăng ký mức độ cần đạt trong năm học 2026-2027, mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 có 100% cơ sở giáo dục đạt mức độ 1; 35% đạt mức độ 2 và 10% đạt mức độ 3 về "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

- **100%** cơ sở giáo dục tiểu học triển khai thực hiện Kế hoạch số 3545/KH-SGDĐT ngày 21/7/2026 của Sở GDĐT Hà Nội về triển khai khung năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh Hà Nội.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo đúng Chương trình giáo dục phổ thông và hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT. Kế hoạch phải bảo đảm phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị hiện có, đáp ứng yêu cầu cần đạt và không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức¹⁹.

Thống nhất mỗi trường có một Kế hoạch giáo dục của nhà trường, đảm bảo đầy đủ nội dung chương trình, hoạt động giáo dục cấp tiểu học và phù hợp với điều kiện thực tế, **hoàn thành và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20/9/2026**. Sử dụng thống nhất 01 bộ sách giáo khoa theo quy định;

Rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu, ngữ liệu dạy học nhất là các trường có sáp nhập, bảo đảm phù hợp với yêu cầu cần đạt của CTGDPT và thực tiễn địa phương;

Chủ động lựa chọn, tích hợp thiết thực các nội dung giáo dục về quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục liêm chính; bình đẳng giới; chăm sóc mắt và phòng chống mù loà; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm,

¹⁹ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; an toàn giao thông và các nội dung giáo dục tích hợp khác; không làm tăng nội dung, thời lượng gây quá tải cho học sinh²⁰.

1.1. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh tiểu học (nhiệm vụ triển khai bắt buộc). Thực hiện theo Công văn 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT. Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày với thời lượng không quá 7 tiết học/ngày, mỗi tiết 35 phút; bảo đảm kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần (tương đương 32 tiết/tuần). Tham mưu đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, đồng thời sử dụng triệt để định mức lao động để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo mức tối thiểu theo quy định.

Việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục theo nhu cầu chỉ được thực hiện trên cơ sở sử dụng hết định mức lao động của đội ngũ cán bộ, giáo viên với tinh thần tự nguyện của học sinh, phụ huynh học sinh và thực hiện thu chi đúng quy định. Cơ sở giáo dục xây dựng Đề án tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục theo nhu cầu trình UBND xã, phường phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

Bảo đảm phân bổ hợp lý giữa học tập, thực hành, trải nghiệm, đọc sách, nghệ thuật, thể thao, STEM/STEAM, ngoại ngữ, Tin học, năng lực số và nghỉ ngơi; không sử dụng buổi học thứ hai để dạy trước chương trình hoặc tăng khối lượng kiến thức một cách cơ học, gây quá tải²¹.

Tuyệt đối không giao bài tập về nhà cho học sinh đã được nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Giáo viên có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập tại lớp, bảo đảm việc học tập diễn ra nhẹ nhàng, hứng thú, hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát, nhắc nhở và chịu trách nhiệm trước UBND cấp xã nếu để xảy ra tình trạng giáo viên vi phạm các quy định về dạy thêm học thêm, vi phạm thực hiện CTGDPT, giao bài tập về nhà cho học sinh.

1.2. Kế hoạch thời gian và cấu trúc chương trình môn học/hoạt động giáo dục

Đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong CTGDPT cấp tiểu học; bố trí thời gian thực hiện Chương trình đảm bảo tính khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm học sinh, nhà trường linh hoạt điều chỉnh thời lượng và nội dung dạy học phù hợp. Tuần học thứ nhất từ ngày thứ Hai, 07/9/2026.

²⁰ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT; Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học; các văn bản chuyên ngành có liên quan.

²¹ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục do tổ chuyên môn xây dựng theo từng khối lớp theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH. Triển khai, cập nhật, bổ sung nội dung Chương trình môn Lịch sử và Địa lý lớp 4, lớp 5 theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT.

Hoạt động trải nghiệm trong CTGDPT 2018 thực hiện theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học. Xây dựng, tổ chức tiết đọc và tiết học tại thư viện phù hợp, bảo đảm thực hiện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

*** Đối với các cơ sở giáo dục chất lượng cao:**

Tiếp tục triển khai, nhân rộng mô hình trường tiểu học chất lượng cao theo Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Thực hiện nghiêm chương trình bổ sung đã được phê duyệt; thường xuyên đánh giá kết quả triển khai mô hình trường chất lượng cao; chú trọng đánh giá mức độ đạt các tiêu chí, chất lượng và hiệu quả giáo dục, sự hài lòng của học sinh và cha mẹ học sinh; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nội dung chưa phù hợp.

Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, phát huy vai trò của các trường đã được công nhận là cơ sở giáo dục chất lượng cao trong việc hỗ trợ, lan tỏa và nhân rộng các mô hình, giải pháp giáo dục tiên tiến, hiệu quả cao.

*** Đối với hoạt động liên kết giáo dục với nước ngoài:** Thực hiện nghiêm Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội; bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định; chỉ tổ chức khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và chương trình giáo dục tích hợp được thẩm định, phê duyệt theo quy định²².

2. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, hợp tác và giải quyết vấn đề; tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt, đặc điểm môn học và đối tượng học sinh.

Tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn, thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT. Tích hợp sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học với sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề hoặc dạy học theo chủ đề; tích hợp với bồi dưỡng thường xuyên, tránh trùng lặp, chồng chéo.

²² Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội quy định việc liên kết giáo dục với nước ngoài trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố.

Đối với cơ sở giáo dục sau sắp xếp, chủ động kiện toàn các tổ chuyên môn, phân công đội ngũ hợp lý và thiết lập cơ chế sinh hoạt chuyên môn thống nhất giữa trường chính, phân hiệu, điểm trường; tăng cường sinh hoạt chuyên môn trực tiếp kết hợp trực tuyến, bảo đảm hoạt động dạy học liên tục, đồng bộ, phù hợp với quy mô trường và điều kiện từng phân hiệu, điểm trường.

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, giáo viên tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm đối với giáo viên để kịp thời hướng dẫn, điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Coi dự giờ như một hoạt động thăm lớp nhẹ nhàng.

Khai thác hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học và học liệu số. Phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục thiết thực, an toàn, không hình thức, không phát sinh chi phí.

Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi theo Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Cấp cơ sở tổ chức Hội thi theo chu kỳ đã xây dựng; cấp Thành phố tổ chức theo chu kỳ với giáo viên dạy lớp 4 (nếu có).

3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh tiêu học đúng quy định, bảo đảm khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ²³. Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của CTGDPT; chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu.

Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình. Áp dụng các phương pháp, hình thức phù hợp (Hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập) để có biện pháp giúp đỡ, động viên học sinh trong quá trình học tập, rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất nhằm điều chỉnh kịp thời, thúc đẩy sự tiến bộ.

Nghiên cứu tổ chức bài kiểm tra chung cho toàn trường, toàn Thành phố; khuyến khích nhà trường tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ trên máy tính.

*** Đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập:** Tùy theo dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật. Đối với học sinh cần có điều chỉnh yêu cầu phù hợp với dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật phải xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh.

4. Khen thưởng, kỷ luật học sinh

Thực hiện nghiêm túc Quy định về khen thưởng, kỉ luật học sinh theo quy

²³ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiêu học.

định tại Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15/9/2025 của Bộ GDĐT và Điều 13 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020. Khen thưởng thưởng phải đảm bảo thực chất, đúng quy định, công khai, khách quan, chính xác, công bằng, kịp thời, tránh tràn lan, đúng đối tượng và tương xứng giữa hình thức khen thưởng với thành tích đạt được.

Thực hiện kỷ luật học sinh tiểu học theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Khoản 1 Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 17 Chương III Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT.

5. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

a) Nội dung giáo dục địa phương

Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt của CTGDPT, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa và điều kiện phát triển của Thủ đô; tăng cường khai thác các nội dung về lịch sử, văn hóa, truyền thống, địa lý, kinh tế - xã hội, môi trường của Hà Nội, góp phần tăng cường ý thức trách nhiệm của học sinh đối với cộng đồng, địa phương²⁴. Khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong thực hiện nội dung giáo dục địa phương.

Rà soát, cập nhật nội dung, ngữ liệu, tên địa danh, đơn vị hành chính phù hợp với đơn vị hành chính sau sắp xếp. Giáo viên chủ động lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học phù hợp; tăng cường hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu thực tiễn địa phương; không gây quá tải cho học sinh.

b) Hoạt động trải nghiệm

Tổ chức hoạt động trải nghiệm thiết thực, an toàn, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và điều kiện thực tế; gắn với giáo dục kỹ năng, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp phù hợp; tạo cơ hội để học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn²⁵.

Đối với hoạt động tổ chức ngoài nhà trường, phải xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn và phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, địa phương và các tổ chức liên quan; bảo đảm mục tiêu giáo dục, thiết thực, hiệu quả.

c) Giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật

Chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn²⁶. Khuyến

²⁴ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học.

²⁵ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học.

²⁶ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học; Công văn số 1099/SGDĐT-GDTH ngày 11/4/2023 của Sở GDĐT Hà Nội về hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học.

khích ứng dụng công nghệ số, công cụ số và trí tuệ nhân tạo phù hợp; khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn lực phù hợp tại địa phương.

Tránh tổ chức theo phong trào, nặng về sản phẩm trình diễn, thi đua thành tích, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí.

Linh hoạt các hình thức tổ chức. Thực hiện giáo dục STEM **tối thiểu 02 chủ đề/học kỳ/lớp (đối với hình thức Bài học STEM)**.

Tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên; hướng dẫn sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và các nguồn liệu khác.

d) Quản lý học bạ số, Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo, xây dựng học liệu số

Thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng học bạ số theo Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ GDĐT.

Phát triển năng lực số, giáo dục AI và an toàn mạng theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo của Bộ GDĐT (theo Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 và Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục AI cho học sinh phổ thông).

Chủ động triển khai hoạt động giáo dục Tin học, kỹ năng công dân số cho học sinh lớp 1, lớp 2; thực hiện dạy Tin học theo CTGDPT cho lớp 3, lớp 4, lớp 5, tăng cường thực hành, trải nghiệm học tập²⁷.

Trang bị kỹ năng an toàn thông tin số và văn hóa liêm chính học thuật; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ. Đánh giá kết quả theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học và hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT²⁸.

Khai thác tối đa nội dung giáo dục văn hóa giao thông và an toàn đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số do Bộ GDĐT triển khai.

Mỗi giáo viên xây dựng **tối thiểu 01 sản phẩm học liệu số cốt lõi/học kỳ**. Nhà trường tiến hành thẩm định, đưa vào kho học liệu chung và có cơ chế khen thưởng đối với các sản phẩm có chất lượng.

đ) Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

Lớp 1, lớp 2, triển khai Chương trình làm quen Tiếng Anh/Ngoại ngữ 1 tự chọn bảo đảm tính liên thông với các lớp trên; sẵn sàng các điều kiện thực hiện bắt buộc giảng dạy tiếng Anh lớp 1, lớp 2 khi Bộ GDĐT chỉ đạo.

Lớp 3, lớp 4, lớp 5, tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1 theo CTGDPT, nâng cao

²⁷ Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo CTGDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GDĐT về hướng dẫn triển khai giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học.

²⁸ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT quy định kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo thực hiện theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT.

chất lượng và tăng cơ hội thực hành, giao tiếp²⁹.

Các ngoại ngữ khác (tiếng Đức, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc) chủ động tổ chức dạy học tự chọn ở lớp 1, lớp 2 và giảng dạy với tư cách Ngoại ngữ 1 từ lớp 3 dựa trên nhu cầu học sinh/phụ huynh và năng lực đáp ứng của cơ sở giáo dục.

Triển khai Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” theo Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. Lựa chọn một trong ba mô hình tại Công văn số 4096/SGDDĐT-GDTrH ngày 10/8/2026 của sở GDĐT. 100% cơ sở giáo dục tiểu học đăng ký mức độ cần đạt trong năm học 2026-2027. Từng bước xây dựng môi trường học tập, giao tiếp và sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong và ngoài lớp học³⁰.

Tăng cường các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, STEM/STEAM, khoa học, công nghệ có sử dụng tiếng Anh; khai thác học liệu số, học liệu song ngữ, AI để mở rộng môi trường sử dụng tiếng Anh. Việc tổ chức dạy học môn học, chủ đề hoặc hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh phải bảo đảm đủ điều kiện, thực hiện đúng quy định và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện CTGDPT.

e) Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Triển khai theo định hướng tại Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 03/8/2026 của Bộ GDĐT. Khuyến khích học sinh lựa chọn và duy trì thực hành thường xuyên ít nhất 01 nhạc cụ hoặc 01 loại hình nghệ thuật phù hợp (Nhạc cụ, hát, hợp xướng, múa, mỹ thuật tạo hình, thiết kế, nhiếp ảnh, nghệ thuật dân gian). Ưu tiên khai thác giá trị văn hóa của các loại hình nghệ thuật truyền thống và di sản văn hóa của Thăng Long - Hà Nội trong tổ chức các hoạt động.

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật thông qua môn học, câu lạc bộ, sân chơi và hoạt động trải nghiệm. Khuyến khích huy động nghệ nhân, nghệ sĩ, giảng viên, chuyên gia và người có chuyên môn phù hợp tham gia dưới sự quản lý của nhà trường, bảo đảm chất lượng chuyên môn, an toàn và đúng pháp luật.

Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức, khảo sát nhu cầu và kết nối các câu lạc bộ nghệ thuật. Phối hợp với Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội lựa chọn 15 cơ sở giáo dục tiểu học triển khai thí điểm giáo dục nghệ thuật cho học sinh lớp 3, lớp 4 theo chỉ đạo của UBND Thành phố. Khuyến khích các cơ sở giáo dục có điều kiện thực hiện theo định hướng của Thành phố.

g) Giáo dục thể chất và y tế trường học

²⁹ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022; Công văn số 3816/BGDĐT-GDTH và Công văn số 3818/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 của Bộ GDĐT về tổ chức dạy học ngoại ngữ ở cấp tiểu học.

³⁰ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học. Bố trí cơ sở vật chất, sân bãi tổ chức các môn thể thao tự chọn hướng tới mỗi học sinh biết chơi ít nhất 01 môn thể thao và duy trì tập luyện từ lớp 1 đến lớp 5.

Triển khai Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 03/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội về phát triển thể chất và thể thao trong các trường mầm non, tiểu học giai đoạn 2026 - 2030: tổ chức nghiêm túc bài thể dục buổi sáng khoảng 15 - 20 phút/ngày trên nền bản nhạc có lời hát bằng tiếng Anh, trong đó tối thiểu 70% số bài sử dụng khẩu lệnh, hướng dẫn hoàn toàn bằng tiếng Anh; thực hiện 03 tiết/tuần hoạt động giáo dục thể chất và thể thao (gồm 02 tiết GDTC theo chương trình và 01 tiết tăng cường thể thao trong buổi học thứ hai; lựa chọn và tổ chức tối thiểu 02 môn thể thao; tăng cường bơi, kỹ năng an toàn trong môi trường nước và phòng, chống đuối nước³¹.

Mỗi trường tổ chức tối thiểu 01 giải thi đấu thể thao hằng năm; trên 95% trường thành lập CLB thể thao; triển khai Sổ sức khỏe điện tử theo dõi chỉ số chiều cao, cân nặng, thể lực để phân loại hỗ trợ dinh dưỡng học đường. Theo dõi, đánh giá thể lực - tầm vóc để tư vấn, hỗ trợ và điều chỉnh hoạt động giáo dục thể chất phù hợp, không tạo áp lực hoặc sử dụng kết quả để xếp hạng học sinh³².

h) Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh. Giáo dục kỹ năng giao tiếp, tự bảo vệ bản thân, phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em; tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội.

Triển khai khung năng lực trí tuệ cảm xúc (EQ) theo Kế hoạch số 3545/KH-SGDĐT ngày 21/7/2026 của Sở GDĐT. Lồng ghép giáo dục EQ vào hoạt động chính khóa, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa,... gắn việc triển khai khung năng lực EQ với xây dựng lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc.

i) Công tác bán trú

Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, có sự thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh;

Triển khai thực hiện cơ chế hỗ trợ bữa ăn bán trú theo Nghị quyết số 84/2026/NQ-HĐND ngày 15/7/2026 của HĐND Thành phố; Hướng dẫn số 02/BCĐ-HD ngày 18/7/2026 của Ban Chỉ đạo ATTP Thành phố; Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT Hà Nội.

³¹ Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 03/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội về phát triển thể chất và thể thao trong các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.

³² Kế hoạch số 3262/KH-SGDĐT ngày 06/7/2026 của Sở GDĐT Hà Nội triển khai thực hiện Bộ tiêu chí thể lực - tầm vóc học sinh Hà Nội tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

Tăng cường kiểm soát nguồn gốc, chất lượng thực phẩm và nhà cung cấp; thực hiện đầy đủ quy trình giao nhận, kiểm thực, lưu mẫu thức ăn. Huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh trong công tác kiểm tra, giám sát nguồn gốc, chất lượng thực phẩm và tổ chức bữa ăn bán trú theo đúng quy định.

Triển khai thực hiện Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt “Đề án mô hình tổ chức bữa ăn bán trú tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030”.

Triển khai, sử dụng đúng quy định và có hiệu quả hệ thống HanoiCheck trong quản lý dinh dưỡng và an toàn thực phẩm học đường; số hóa đầy đủ thông tin về bữa ăn bán trú, thực phẩm và nhà cung cấp, bảo đảm công khai, minh bạch.

Phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức bữa ăn bán trú, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các tồn tại, vi phạm theo quy định.

k) Triển khai hiệu quả thí điểm mô hình lớp học mở, lớp học hỗn hợp

Phối hợp với Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trao đổi, nghiên cứu, xây dựng phương án triển khai thí điểm mô hình lớp học mở, lớp học hỗn hợp theo Kế hoạch số 3018/KH-SGDĐT ngày 25/6/2026 của Sở GDĐT Hà Nội.

Khảo sát đối với các đơn vị tham gia tiết dạy thí điểm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật (đường truyền Internet, thiết bị máy tính, thiết bị trình chiếu, camera, âm thanh, thiết bị thu - phát hình ảnh) để bảo đảm kết nối giữa lớp học trung tâm và lớp học vệ tinh.

Phối hợp xây dựng, thẩm định bài giảng; tổ chức các tiết dạy thí điểm; tổng hợp báo cáo kết quả thí điểm và tham mưu triển khai diện rộng.

6. Thực hiện giáo dục bắt buộc

Tham mưu UBND cấp xã thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ theo quy định; tổ chức điều tra, cập nhật, đối chiếu dữ liệu trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư; bảo đảm dữ liệu chính xác, kịp thời, thống nhất với cơ sở dữ liệu ngành³³.

Phân định rõ trách nhiệm của UBND cấp xã và cơ sở giáo dục trong điều tra, huy động, duy trì sĩ số, xử lý học sinh bỏ học, kịp thời hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

7. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên nguồn lực cho địa bàn, cơ sở giáo dục còn khó khăn và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn; ưu tiên điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, bán trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội.

³³ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Khắc phục rào cản do hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ và biến động dân cư để nâng cao kết quả học tập và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

8. Quan tâm giáo dục dân tộc, giáo dục học sinh khuyết tật và giáo dục vùng khó khăn

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một. Chú trọng củng cố kiến thức nền tảng, kỹ năng tự học, tư vấn tâm lý và phòng ngừa bỏ học.

Thực hiện giáo dục hòa nhập đúng quy định; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với dạng tật và mức độ khuyết tật nhằm hỗ trợ học sinh hòa nhập cuộc sống; hỗ trợ học sinh tham gia hoạt động giáo dục phù hợp³⁴.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người học, nhà giáo và cơ sở giáo dục thuộc đối tượng, bao gồm chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (*theo Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật*).

9. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đổi mới quản trị nhà trường

Áp dụng nghiêm túc phương châm: "Chung toàn trường - riêng theo cấp học - linh hoạt theo địa điểm trường" kết hợp với nguyên tắc quản trị "Một đầu mối chỉ đạo; rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thông tin; tinh gọn nhưng không bỏ sót điểm trường".

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện; thực hiện phân công nhiệm vụ theo yêu cầu "**6 rõ**" (rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả) và bố trí Phó Hiệu trưởng thường trực tại mỗi phân hiệu để phụ trách trực tiếp và điều hành hoạt động tại địa điểm đó.

Ban hành quy chế phối hợp đồng bộ giữa các phân hiệu/điểm trường; tổ chức linh hoạt hoạt động chuyên môn phù hợp đặc thù từng điểm trường; tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình theo phương châm "*Đổi mới tư duy - chuyển biến mạnh mẽ - kết quả thực chất*".

Thực hiện công tác tiếp công dân theo quy định. Công khai đường dây nóng trên Website và tại bảng tin của nhà trường để tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của nhân dân và công khai kết quả. Kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm tình trạng lạm thu, đóng góp hoặc tổ chức các hoạt động giáo dục trái quy định.

10. Thực hiện cải cách hành chính trong nhà trường

Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết công việc, niêm yết công khai và giám sát thực hiện tại các điểm trường.

³⁴ Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tinh giản hồ sơ, sổ sách: Rà soát, cắt giảm triệt để các loại hồ sơ, sổ sách, báo cáo trùng lặp; tuyệt đối không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định tại tất cả các điểm trường/phân hiệu. Phân loại rõ hồ sơ dùng chung và hồ sơ dùng riêng, khuyến khích sử dụng hồ sơ điện tử.

Chuyển mạnh sang quản trị dựa trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo nguyên tắc **"đúng, đủ, sạch, sống"**; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thực hiện nguyên tắc *"một lần cập nhật dữ liệu, nhiều lần khai thác"* phục vụ dùng chung và liên thông thông tin dữ liệu.

Vận hành hiệu quả Hệ sinh thái quản lý giáo dục và nền tảng học tập số Thành phố - Trục LMS thống nhất (<https://study.hanoi.edu.vn>); tuyệt đối không yêu cầu phụ huynh cung cấp lại các thông tin đã có trên hệ thống. Duy trì hiệu quả các kênh thông tin điện tử phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ DẠY HỌC

STT	Môn học/HĐGD	Dự kiến thời gian	Định hướng nội dung chuyên đề
1	Toán	Tuần 1 tháng 10/2026	Tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục gắn với yêu cầu nhiệm vụ "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" trên cơ sở ứng dụng công nghệ, khai thác, sử dụng hiệu quả học liệu số; tiếp cận những nội dung chỉ đạo về giáo dục nghệ thuật tăng cường thể chất và thể thao
2	LS&ĐL	Tuần 2 tháng 10/2026	
3	Công nghệ	Tuần 3 tháng 10/2026	
4	Tiếng Anh	Tuần 4 tháng 10/2026	
5	Tin học	Tuần 1 tháng 11/2026	
6	Đạo đức	Tuần 2 tháng 11/2026	
7	Tiếng Việt	Tuần 4 tháng 11/2026	
8	TNXH	Tuần 1 tháng 12/2026	
9	HĐTN	Tuần 2 tháng 12/2026	
10	Âm nhạc	Tuần 3 tháng 12/2026	
11	GDTC	Tuần 4 tháng 12/2026	

Nội dung và thời gian, địa điểm tổ chức chuyên đề sẽ có giấy mời cụ thể.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM HỌC 2026 - 2027

THỜI GIAN	TT	NỘI DUNG CÔNG TÁC
	1	Tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2025-2026, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027.
	2	Cơ sở giáo dục rà soát các điều kiện thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Tháng 8, tháng 9/2026	3	Chỉ đạo tổ chức ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”, khai giảng năm học mới. Hoàn thành số liệu đầu năm trên cơ sở dữ liệu ngành.
	4	Tổ chức các chuyên đề dạy học các môn học, hoạt động giáo dục cấp trường, cấp cụm. Tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ.
	5	Tập huấn về bảo đảm chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông.
	6	Tổ chức triển khai thí điểm lớp học mở, lớp học hỗn hợp năm 2026 trên địa bàn Thành phố.
	7	Các CSGD rà soát, đăng kí mức độ thực hiện Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học (Theo Kế hoạch số 259/KH-UBND của UBND thành phố và Công văn 4096/SGDDT-GDTrH của Sở GDĐT).
	8	Triển khai thí điểm bài thể dục buổi sáng 15-20 phút, tổ chức tiết thể thao tăng cường (Theo Kế hoạch số 253/KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội).
	9	Triển khai thí điểm Khung năng lực trí tuệ cảm xúc (EQ) cho học sinh. Tham mưu UBND Thành phố ban hành Khung năng lực nhận thức và tư duy (IQ) của học sinh tiểu học Hà Nội.
Tháng 10, tháng 11/2026	10	Tiếp tục tổ chức chuyên đề các môn học, hoạt động giáo dục cấp trường, cụm trường, cấp Thành phố.
	11	Tổ chức kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I.
	12	Lựa chọn, giới thiệu giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố theo kế hoạch và hướng dẫn riêng của Sở GDĐT (nếu tổ chức).
	13	Tiếp tục triển khai thí điểm lớp học mở, lớp học hỗn hợp năm 2026 trên địa bàn Thành phố; tổng hợp đánh giá và báo cáo kết quả thí điểm.
	14	Tập huấn giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.
	15	Tiếp tục triển khai thí điểm Khung năng lực trí tuệ cảm xúc (EQ) cho học sinh. Triển khai thí điểm Khung năng lực nhận thức và tư duy (IQ) của học sinh tiểu học.
	16	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

	17	Phối hợp với Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội, lựa chọn và triển khai thí điểm giáo dục nghệ thuật theo chỉ đạo của UBND Thành phố.
	18	Kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học.
Tháng 12/2026, tháng 01/2027	19	Tiếp tục tổ chức chuyên đề các môn học, hoạt động giáo dục cấp trường, cụm trường, cấp Thành phố.
	20	Kiểm tra công nhận PCGD tiểu học năm 2026 cấp Thành phố.
	21	Giao lưu tiếng Anh, các hoạt động giao lưu có sử dụng tiếng Anh cấp cơ sở.
	22	Triển khai đại trà Khung năng lực trí tuệ cảm xúc (EQ) cho học sinh. Triển khai thí điểm Khung năng lực nhận thức và tư duy (IQ) của học sinh tiểu học.
	23	Thẩm định chương trình bổ sung, công nhận cơ sở giáo dục tiểu học đạt tiêu chí chất lượng cao.
	24	Hoàn thành kiểm tra học kì và sơ kết học kì I. Cập nhật cơ sở dữ liệu toàn ngành. Nộp báo cáo sơ kết học kỳ I. Hội nghị sơ kết học kì I và triển khai nhiệm vụ học kì II.
	25	Kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học.
Tháng 02, tháng 03/2027	26	Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Tiểu học thành phố Hà Nội năm học 2026-2027 (nếu có).
	27	Tiếp tục triển khai thí điểm Khung năng lực nhận thức và tư duy (IQ) của học sinh tiểu học Hà Nội.
	28	Tổ chức kiểm tra định kỳ giữa học kỳ II.
	29	Kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học.
Tháng 4, tháng 5/2027	30	Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia
	31	Giao lưu tiếng Anh, các hoạt động giao lưu có sử dụng tiếng Anh cấp cơ sở.
	32	Chỉ đạo ôn tập cho HS và kiểm tra cuối năm học. Cập nhật cơ sở dữ liệu cuối năm.

Tháng 6, tháng 7/2027	33	Tổng kết, đánh giá kết quả thi điểm Khung năng lực nhận thức và tư duy (IQ) và kết quả triển khai Khung năng lực cảm xúc (EQ) của học sinh tiểu học Hà Nội.
	34	Kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học.
	35	Tổng hợp báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Sở, Bộ. Tham mưu xét thi đua, khen thưởng.
	36	Phối hợp TCCB, trường Bồi dưỡng CBGD bồi dưỡng thường xuyên CBQL, GV.
	37	Phối hợp hướng dẫn hoạt động hè, kiểm tra hoạt động hè và công tác tuyển sinh lớp 1.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục tiểu học

Chủ trì tham mưu, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp tiểu học; trực tiếp chỉ đạo chuyên môn, hướng dẫn xây dựng và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch giáo dục của các nhà trường;

Chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, các chuyên đề sinh hoạt cụm trường và Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học;

Phối hợp Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Chính trị tư tưởng và các phòng, đơn vị thuộc Sở trong tham mưu phát triển đội ngũ, cơ sở vật chất, dữ liệu, an toàn trường học và các nội dung liên quan đến cấp học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên môn định kỳ và đột xuất; tổng hợp báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định; tiếp nhận, xử lý hoặc tham mưu Sở giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

2. Các trường có cấp tiểu học

Căn cứ hướng dẫn chuyên môn của Sở, điều kiện thực tế tại địa phương, nhà trường tổ chức xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai hiệu quả nhiệm vụ năm học 2026 - 2027.

Cụ thể hóa và tổ chức triển khai nghiêm túc Kế hoạch, Hướng dẫn nhiệm vụ năm học, các quy định về hồ sơ, sổ sách cũng như quy chế quản trị đa cơ sở theo đúng các nguyên tắc đã được quy định chi tiết tại **Mục II.9 (Quản trị nhà trường)** và **Mục II.10 (Cải cách hành chính)**.

Thường xuyên quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu giáo dục "đúng, đủ, sạch, sống" và vận hành hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, các kênh thông tin điện tử kết nối phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội theo quy chuẩn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục tiểu học) để được hướng dẫn, giải quyết./.

PHỤ LỤC III

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày / /2026 của Sở GDĐT)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đại trà và mũi nhọn; duy trì vững chắc phổ cập giáo dục THCS.

- Bảo đảm các trường THCS, trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THCS vận hành ổn định sau sắp xếp; phát huy hiệu quả mô hình nhiều địa điểm và mô hình liên cấp tiểu học - THCS.

- Phát triển năng lực tự học, ngoại ngữ, số, AI, STEM, hướng nghiệp; tăng cường giáo dục thể chất, nghệ thuật, cảm xúc - xã hội, sức khỏe tinh thần và kỹ năng sống.

- Đổi mới quản trị, sinh hoạt chuyên môn, kiểm tra đánh giá và sử dụng dữ liệu; thu hẹp chênh lệch chất lượng, hỗ trợ học sinh lớp 6 chuyển cấp và học sinh lớp 9 lựa chọn lộ trình sau THCS.

2. Yêu cầu và chỉ tiêu định hướng

- 100% cơ sở giáo dục có cấp THCS xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện thực tế, bảo đảm yêu cầu cần đạt của Chương trình.

- Duy trì phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 toàn Thành phố; cập nhật đầy đủ dữ liệu, chuẩn bị các điều kiện kiểm tra công nhận lại theo kế hoạch.

- 100% cơ sở triển khai giáo dục STEM, năng lực số, kỹ năng sử dụng AI an toàn; tổ chức các nội dung giáo dục toàn diện và xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh phù hợp.

- 100% cơ sở rà soát, có kế hoạch hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu, học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Các chỉ tiêu về trường chuẩn quốc gia, đội ngũ, thiết bị, kết quả học tập, học sinh giỏi và phân luồng được cập nhật sau khi đối chiếu số liệu đầu năm và chỉ tiêu được giao.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá

1.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

- UBND các phường, xã chỉ đạo các cơ sở THCS xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục bổ sung dành cho các môn đã được phê duyệt đối với trường THCS theo mô hình trường chất lượng cao theo Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 07/05/2026 của UBND Thành phố. Kế hoạch của các trường phải bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022; Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học; Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Phụ lục kèm theo các Công văn này được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án). Tăng cường giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục THCS xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Hiệu trưởng phê duyệt theo quy định, báo cáo UBND xã, phường. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên phải dựa trên kế hoạch giáo dục này.

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh lớp 6 chuyển tiếp từ tiểu học lên THCS. Hướng dẫn phương pháp học tập, kỹ năng tự học, quản lý thời gian và thực hiện nề nếp học tập. Rà soát, hỗ trợ kịp thời học sinh có kết quả học tập chưa vững ở tiểu học, học sinh chuyển trường, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh gặp khó khăn trong thích nghi hoặc có nguy cơ nghỉ học dài ngày.

- Tổ chức các nội dung giáo dục bổ trợ và môi trường giáo dục theo Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở GDĐT: Trong kế hoạch giáo dục, nhà trường xác định rõ việc tổ chức giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, giáo dục cảm xúc - xã hội và sức khỏe tinh thần, xây dựng môi trường đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai; thực hiện tích hợp vào chương trình, hoạt động giáo dục hiện có, không hình thành môn học bắt buộc mới, không tăng thời lượng chính khóa, không gây quá tải. Căn cứ điều kiện thực tế, nhà trường chủ động bố trí hoạt động theo lớp, địa điểm, tuần/tháng; tạo cơ hội để học sinh tự nguyện lựa chọn ít nhất một hình thức thể thao và một nhạc cụ hoặc loại hình nghệ thuật phù hợp. Thực hiện linh hoạt việc tích hợp vào môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, câu lạc bộ và các hoạt động giáo dục khác; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn. Lưu ý các nội dung:

+ Giáo dục thể chất: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, hình

thành thói quen vận động thường xuyên, phát triển thể lực và kỹ năng vận động cho học sinh. Đa dạng hóa các hình thức tập luyện, hoạt động thể thao phù hợp lứa tuổi, điều kiện thực tế; tạo cơ hội để học sinh lựa chọn hình thức vận động phù hợp sở thích, năng lực và sức khỏe. Bảo đảm an toàn và thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và Thành phố.

Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích. Rà soát, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều kiện của nhà trường.

+ Giáo dục nghệ thuật: Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, phát triển năng lực cảm thụ, sáng tạo và biểu đạt nghệ thuật của học sinh; khuyến khích tổ chức các hoạt động âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu, nghệ thuật truyền thống và các loại hình phù hợp. Khai thác hiệu quả nghệ thuật, di sản của địa phương; tạo cơ hội để học sinh tham gia theo sở thích và năng lực, tránh hình thức, áp đặt hoặc chạy theo thành tích.

Tổ chức dạy học đồng thời hai nội dung Âm nhạc và Mỹ thuật, bảo đảm cân đối thời lượng trong từng học kỳ; xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện của nhà trường. Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi.

+ Giáo dục cảm xúc - xã hội (EQ) và sức khỏe tinh thần: Chú trọng hình thành cho học sinh năng lực nhận biết, quản lý cảm xúc, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và thích ứng với thay đổi; tăng cường xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện, hạnh phúc. Lồng ghép phù hợp trong môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp và công tác chủ nhiệm; kịp thời phát hiện, hỗ trợ học sinh có khó khăn về tâm lý, bảo đảm nguyên tắc tôn trọng, bảo mật và không gán nhãn người học.

+ Xây dựng môi trường đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai: Từng bước tổ chức dạy học, giao tiếp và sử dụng tiếng Anh trong nhà trường theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Chính phủ, Công văn số 3805/BGDĐT-GDPT ngày 22/6/2026 của Bộ GDĐT, Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Thành ủy và Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND Thành phố. Căn cứ điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và học sinh, mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường; khuyến khích phát triển không gian, câu lạc bộ và các hoạt động trải nghiệm bằng tiếng Anh; phát huy vai trò của giáo viên và các nguồn lực xã hội.

- Rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu; bảo đảm nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Bố trí thời gian thực hiện chương trình một cách khoa học, sư phạm, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh; bảo đảm đến cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Kế hoạch giáo dục của nhà trường cần quan tâm đến việc phân hóa đối tượng học sinh, có giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức ôn tập hiệu quả cho học sinh cuối cấp, hỗ trợ học sinh có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu theo quy định. Kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện việc huy động đầy đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có, bảo đảm tính thực tiễn, linh hoạt, khả thi. Tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng; hỗ trợ học sinh lựa chọn lộ trình học tập sau THCS phù hợp với năng lực, sở thích. Trong đó, thực hiện hiệu quả các nội dung sau:

+ Môn Ngữ văn: Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT³⁵.

+ Môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Phân công giáo viên phù hợp với chuyên môn; tổ chức dạy học bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, không chia cắt cơ học nội dung môn học. Đối với nội dung Lịch sử, tăng cường khai thác tư liệu, gắn dạy học với hoạt động thực hành, trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.³⁶ Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi và điều kiện thực tế; gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp, giúp học sinh nhận biết sở thích, năng lực và lựa chọn lộ trình học tập sau trung học cơ sở. Hoạt động ngoài nhà trường phải có kế hoạch, phương án an toàn và phối hợp với các bên liên quan.

+ Các môn Ngoại ngữ khác: Tổ chức dạy học các ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông theo quy định Quyết định số 3452/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2010 và Công văn số 3365/BGDĐT-GDTrH ngày 04/7/2024 của Bộ GDĐT. Đa dạng hóa ngoại ngữ được dạy học phù hợp với nhu cầu của người học và điều kiện theo Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ GDĐT về khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam. Đối với địa bàn thiếu giáo viên ngoại ngữ, Sở GDĐT xây dựng phương án dạy học liên trường, theo cụm trường, trực tiếp kết hợp trực tuyến. Phát triển, chia sẻ học liệu dùng chung; bồi dưỡng, điều động và bố trí đội ngũ theo thẩm quyền, bảo đảm chất lượng và cơ hội học ngoại ngữ của học sinh.

³⁵ Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT và Công văn số 2605/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

³⁶ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT, Công văn số 4602/SGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2023 của Sở GDĐT về xây dựng kế hoạch dạy học môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

+ Nội dung giáo dục địa phương: Thực hiện dạy học và kiểm tra, đánh giá theo Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hà Nội và các hướng dẫn của Sở GDĐT; ưu tiên phân công giáo viên phù hợp chuyên môn, xây dựng kế hoạch dạy học gắn với các môn học liên quan và thực tiễn địa phương; hỗ trợ học liệu dùng chung và sinh hoạt chuyên môn tại nơi còn khó khăn; giáo viên trực tiếp giảng dạy chủ đề thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Công văn số 5889/BGDĐT-GDTH ngày 27/9/2024 về việc tăng cường công tác chỉ đạo về biên soạn, tổ chức dạy học, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương và hướng dẫn của Sở GDĐT.

+ Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống: Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội.

+ Giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật: Tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh, thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học tập, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp STEM. Chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; kết hợp giáo dục STEM với phát triển năng lực số cho học sinh thông qua các chủ đề, bài học có ứng dụng công nghệ số, công cụ số và trí tuệ nhân tạo phù hợp. Khuyến khích khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn tư liệu phù hợp tại địa phương; tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, bảo tàng, thư viện và cơ sở sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên các mô hình gắn với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Không tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

+ Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo: Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông và các hướng dẫn liên quan. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số. Kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ

nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT³⁷ và Kế hoạch số 3706/KH-SGDDT ngày 16/9/2025 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 75/KH-SGDDT ngày 09/01/2026 của Sở GDĐT Hà Nội về việc triển khai thí điểm nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

Với cán bộ quản lý và giáo viên, thực hiện theo Thông tư 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 của Bộ GDĐT Ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tổ chức đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục; dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông. Phải cụ thể hóa các nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh được tổ chức học 2 buổi/ngày; phân công giáo viên hợp lý, khoa học, bảo đảm đúng quy định về thời gian làm việc, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của từng nhà trường.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, lựa chọn, tích hợp thiết thực, phù hợp các nội dung giáo dục về quyền con người³⁸; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bình đẳng giới, chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh³⁹; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; giáo dục an toàn giao thông và các nội dung giáo dục tích hợp khác. Đồng thời hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số.

(Định hướng các môn học theo Mục V).

1.2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm và giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt.

- Chỉ đạo giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của

³⁷ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số.

³⁸ Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; Quyết định số 4745/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt khung nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông.

³⁹ Công văn số 1475/BGDĐT-GDQPAN ngày 01/04/2024; Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GDĐT, Công văn số 1621/SGDDT-GDTrH ngày 28/5/2024 của Sở GDĐT

Chương trình giáo dục phổ thông; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và tạo cơ hội phát triển đối với học sinh có năng khiếu. Phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường), bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh.

- Các cơ sở giáo dục khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và học liệu số. Phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương; khai thác phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp ở địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục. Hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc tạo áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh.

- Đối với cơ sở giáo dục sau sắp xếp, khẩn trương kiện toàn các tổ chuyên môn, phân công đội ngũ hợp lý và thiết lập cơ chế sinh hoạt chuyên môn thống nhất giữa trường chính, phân hiệu, điểm trường; tăng cường sinh hoạt chuyên môn trực tiếp kết hợp trực tuyến, bảo đảm hoạt động dạy học liên tục, đồng bộ, phù hợp với quy mô trường và điều kiện từng địa điểm của cơ sở giáo dục.

- Khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh THCS; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của Thủ đô và đất nước.

- Tăng cường bồi dưỡng, phát triển năng lực cho giáo viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học trong bối cảnh hiện nay.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ sở giáo dục, cụm trường tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế; tăng cường phối hợp, huy động, trao đổi giáo viên giữa các trường trong khu vực để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

1.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh. Khuyến khích giáo viên tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh giỏi, tư vấn học tập, hướng nghiệp và phối hợp với cha mẹ học sinh. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá; bảng năng lực và cấp độ tư duy đánh giá định kì của môn học phù hợp với kế hoạch dạy học; cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10.

- Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; khai thác, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục. Sở GDĐT tăng cường hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ chuyên môn đối với các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Khuyến khích các nhà trường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Về việc kiểm tra, đánh giá lại theo quy định Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học, học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14. Trường hợp không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu, nhà trường có thể cho học sinh được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Thực hiện giáo dục bắt buộc, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

2.1. Thực hiện giáo dục bắt buộc

- Sở GDĐT phối hợp với UBND cấp xã, các cơ quan liên quan và chỉ đạo cơ sở giáo dục rà soát, cập nhật, đối chiếu dữ liệu trẻ em, học sinh trong độ tuổi giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; quản lý đầy đủ tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các trường hợp cần hỗ trợ; bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", liên thông kịp thời và thống nhất tuyệt đối với Cơ sở dữ liệu ngành.

- Phân định rõ trách nhiệm của UBND cấp xã và cơ sở giáo dục trong điều tra, huy động, duy trì sĩ số, xử lý học sinh bỏ học và cập nhật dữ liệu. Gắn trách nhiệm người đứng đầu trường học và lãnh đạo địa phương trong công tác điều tra số liệu, huy động trẻ ra lớp, duy trì sĩ số, xử lý dứt điểm tình trạng học sinh bỏ học.

- Chỉ đạo nhà trường chủ động xây dựng kênh thông tin thường xuyên với gia đình, chính quyền, các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ). Kịp thời phát hiện, phân loại và có phương án can thiệp, hỗ trợ sớm đối với những học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập do hoàn cảnh gia đình hoặc học lực.

2.2. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

- UBND cấp xã ưu tiên nguồn lực cho địa bàn, cơ sở giáo dục còn khó khăn và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; ưu tiên điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, bán trú, nội trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội.

- Chỉ đạo các nhà trường đa dạng hóa hình thức dạy học, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân hóa cho học sinh khuyết tật, học sinh có rào cản về ngôn ngữ hoặc tâm lý. Hạn chế tối đa tác động tiêu cực của biến động dân cư, bảo đảm mọi trẻ em cư trú trên địa bàn Thành phố (kể cả tạm trú) đều được tiếp cận giáo dục công bằng, chất lượng. Lấy tiêu chí "giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao kết quả học tập thực chất và tỷ lệ hoàn thành chương trình" làm thước đo đánh giá thi đua của các đơn vị.

2.3. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

- Tiếp tục tham mưu thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Phòng Văn hóa - Xã hội các xã, phường tham mưu UBND xã, phường kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ các cấp, bảo đảm hoạt động thường xuyên, hiệu quả; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để thống nhất chỉ đạo, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ. Tăng cường công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cấp xã, cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục THCS trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phổ cập.

- Các phường, xã tiếp tục chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn,

bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, cập nhật dữ liệu vào hệ thống; hướng dẫn hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ bảo đảm khoa học, đầy đủ, đúng quy định. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng phổ cập gắn với điều kiện bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo Nghị định 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về GDĐT; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với GDPT; Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT và Phòng Văn hóa - Xã hội trong lĩnh vực GDĐT.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. UBND xã phường chỉ đạo việc chủ động rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đón Bộ GDĐT kiểm tra, công nhận lại phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 của Hà Nội theo thẩm quyền.

2.4. Phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục học sinh khuyết tật và giáo dục vùng khó khăn

- Tiếp tục triển khai và mở rộng dạy học các tiếng dân tộc thiểu số đã được ban hành chương trình, sách giáo khoa đáp ứng nhu cầu của học sinh và bảo tồn phát triển ngôn ngữ các dân tộc. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số thông qua các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên.

- Chỉ đạo các trường có học sinh dân tộc thiểu số và miền núi tại 05 xã, 06 thôn (theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội) chú trọng củng cố kiến thức nền tảng, kỹ năng tự học, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và phòng ngừa bỏ học, bảo đảm an ninh, an toàn. Ưu tiên nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục thực hiện đúng, đủ các chính sách đối với học sinh và cơ sở giáo dục. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường gắn với quản lý toàn diện học tập và sinh hoạt của học sinh. Phát huy tính đặc thù học sinh ăn, ở ngay tại trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày kết hợp giáo dục truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

Sở GDĐT tiếp tục tham mưu UBND Thành phố; Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu UBND xã, phường bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục dân tộc trên địa bàn, đặc biệt khu vực có học sinh dân tộc thiểu số

và miền núi. Tập trung sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, củng cố trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và trường nội trú liên cấp; bảo đảm cơ sở vật chất đồng bộ, tạo điều kiện để học sinh được thụ hưởng đầy đủ các chính sách theo quy định.

- Thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật theo quy định⁴⁰. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, bảo đảm nội dung Chương trình giáo dục phổ thông và kỹ năng đặc thù phù hợp với từng dạng khuyết tật, giúp học sinh hòa nhập cuộc sống. Tăng cường phối hợp với gia đình, cơ sở y tế, tổ chức xã hội và cộng đồng trong giáo dục, chăm sóc, phục hồi chức năng và hỗ trợ học sinh tham gia hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg⁴¹ và Quyết định số 2056/QĐ-BGDĐT⁴² và Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 11/11/2021 của UBND Thành phố về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

III. NỘI DUNG RIÊNG CỦA GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

1. Tập trung hỗ trợ học sinh lớp 6 thích ứng với cấp học; nâng cao chất lượng lớp 9, chuẩn bị cho tuyển sinh vào lớp 10; thực hiện hiệu quả giáo dục hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở.

2. Tổ chức dạy học các môn tích hợp, nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; khai thác đội ngũ, phòng học bộ môn và thiết bị dùng chung phù hợp điều kiện từng cơ sở giáo dục.

3. Các nhiệm vụ chung về mạng lưới, đội ngũ, cơ sở vật chất, quản trị, chuyển đổi số, an toàn, kiểm tra, truyền thông và báo cáo thực hiện theo phần thân Kế hoạch.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM HỌC

STT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/kết quả	Đầu mối thực hiện
1	Tháng 8/2026	Triển khai nhiệm vụ năm học; kiện toàn chuyên môn sau sắp xếp; tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên	Hội nghị/tài liệu triển khai; kế hoạch của đơn vị	Phòng GDTTH; UBND xã/phường; cơ sở THCS

⁴⁰ Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật

⁴¹ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/2/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁴² Quyết định số 2056/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2025 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/kết quả	Đầu mối thực hiện
2	Tháng 8/2026	Rà soát, phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ chuyên môn; chuẩn bị tựu trường, khai giảng	Kế hoạch giáo dục hoàn thiện; điều kiện đầu năm	Cơ sở THCS; UBND xã/phường
3	Tháng 8-9/2026	Rà soát đội ngũ, phòng học, thiết bị, SGK, học liệu và dữ liệu; hỗ trợ trường nhiều địa điểm, trường liên cấp. Khai giảng năm học mới	Báo cáo rà soát; phương án xử lý	UBND xã/phường chủ trì; Sở hướng dẫn
4	Tháng 9/2026	Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm; hỗ trợ học sinh lớp 6 chuyển cấp; phát động an toàn giao thông, phòng chống bạo lực. Chuẩn bị các điều kiện cho đăng cai IOAA quốc tế tại Đại học Phenikka	Kế hoạch và kết quả triển khai	Cơ sở THCS
5	Tháng 9/2026	Cập nhật dữ liệu phổ cập, dữ liệu đầu năm; rà soát kế hoạch trường chuẩn quốc gia và bảo đảm chất lượng. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Chuẩn bị các điều kiện cho đăng cai IOAA quốc tế tại Đại học Phenikka	Dữ liệu được đối soát; kế hoạch cải tiến	UBND xã/phường; cơ sở THCS
6	Tháng 9-10/2026	Sinh hoạt giáo vụ môn học; chuyên đề xây dựng kế hoạch, môn tích hợp và kiểm tra đánh giá. Rà soát, lựa chọn giáo viên tham dự Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố theo quy định; Đăng cai IOAA quốc tế tại Đại học Phenikka. Tập huấn về PCGD, XMC, chuẩn bị	Tài liệu chuyên đề; bài học minh họa	Phòng GDTTrH; giáo viên cốt cán, Cơ sở THCS

STT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/kết quả	Đầu mối thực hiện
		các điều kiện đón đoàn kiểm tra của Bộ về PCGD, XMC.		
7	Tháng 10/2026	Chuẩn bị, tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố theo quy định; cơ sở giáo dục lựa chọn giáo viên tham dự Hội thi. Triển khai hoạt động STEM, nghiên cứu khoa học theo kế hoạch. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.	Kế hoạch, sản phẩm, kết quả vòng cơ sở	Phòng GDTrH; UBND xã/phường; Cơ sở THCS
8	Tháng 10-12/2026	Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố. Kiểm tra, hỗ trợ thực hiện chương trình, dạy thêm học thêm, thu chi và an toàn trường học. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Kiểm tra định kì (bài giữa kì) các môn văn hóa. Tập huấn về PCGD, XMC, chuẩn bị các điều kiện đón đoàn kiểm tra của Bộ về PCGD, XMC.	Biên bản/báo cáo; kiến nghị xử lý	Sở; UBND xã/phường theo thẩm quyền; Cơ sở THCS
9	Tháng 11/2026	Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố. Thi nghiên cứu khoa học cấp Thành phố. Tổ chức chuyên đề giáo dục toàn diện, tiếng Anh, năng lực số và AI. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Kiểm tra định kì (bài giữa kì) các môn văn hóa.	Tài liệu; mô hình triển khai	Phòng GDTrH; đơn vị được lựa chọn; Cơ sở THCS
10	Tháng 11-12/2026	Tổ chức thi nghiên cứu khoa học cấp Thành phố và các hoạt động chuyên môn theo	Kết quả tổ chức; đội	Phòng GDTrH; các đơn vị liên

STT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/kết quả	Đầu mối thực hiện
		kế hoạch. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.	tuyển/sản phẩm	quan; Cơ sở THCS
11	Tháng 12/2026	Tổng kết hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố. Kiểm tra PCGD, XMC. Rà soát tiến độ chương trình, dữ liệu chất lượng; chuẩn bị kiểm tra cuối học kỳ I. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.	Báo cáo tiến độ; phương án hỗ trợ	Cơ sở THCS; UBND xã/phường
12	Tháng 1/2027	Sơ kết học kỳ I; điều chỉnh kế hoạch học kỳ II; hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Thi học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa. Kiểm tra và tổng kết công tác PCGD, XMC 2026.	Báo cáo sơ kết; kế hoạch điều chỉnh	Phòng GDTTrH; UBND xã/phường; cơ sở THCS
13	Tháng 2/2027	Nghỉ tết Nguyên đán. Ổn định nền nếp sau kỳ nghỉ; chuyên đề môn học và tư vấn hướng nghiệp lớp 9. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Đón đoàn kiểm tra của Bộ về công nhận PCGD, XMC Thành phố Hà Nội.	Kết quả chuyên đề; kế hoạch tư vấn	Cơ sở THCS; cụm trường; Sở GDĐT, các xã phường
14	Tháng 3/2027	Thi nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia. Hoạt động STEM, nghệ thuật, thể thao, tiếng Anh và trải nghiệm hướng nghiệp. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Kiểm tra định kỳ (bài giữa kỳ) các môn văn hóa.	Sản phẩm/ngày hội; minh chứng hoạt động	Cơ sở THCS; đơn vị phối hợp

STT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/kết quả	Đầu mối thực hiện
15	Tháng 3-4/2027	Rà soát phổ cập, trường chuẩn, học bạ số, dữ liệu cuối năm; kiểm tra chuyên đề. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.	Dữ liệu, báo cáo kiểm tra; kiến nghị	Sở; UBND xã/phường; Cơ sở THCS
16	Tháng 4/2027	Tổ chức ôn tập lớp 9; tư vấn lộ trình sau THCS; chuẩn bị đánh giá cuối năm. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.	Kế hoạch ôn tập, tư vấn; tài liệu hỗ trợ	Cơ sở THCS
17	Tháng 5/2027	Kiểm tra định kì (bài cuối kì) các môn văn hóa. Hoàn thành chương trình, kiểm tra đánh giá, xác nhận hoàn thành chương trình THCS; tổng kết năm học. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.	Kết quả đánh giá; hồ sơ theo quy định	Cơ sở THCS; UBND xã/phường
18	Tháng 5-6/2027	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT. Tổng hợp kết quả, đánh giá chỉ tiêu, đề xuất nhiệm vụ năm học 2027-2028. Nộp và xét thi đua các đơn vị.	Báo cáo tổng kết; đề xuất	Phòng GDTrH; các đơn vị; Cơ sở THCS
19	Tháng 6-7/2027	Tổ chức hoạt động hè, bồi dưỡng đội ngũ, rà soát CSVC, TTB sửa chữa và chuẩn bị cho năm học mới	Kế hoạch hè; phương án chuẩn bị	UBND xã/phường; cơ sở THCS

V. YÊU CẦU CHUYÊN MÔN RIÊNG THEO MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Môn Ngữ văn

1.1. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục

UBND xã, phường chỉ đạo các trường THCS xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn theo Chương trình GDPT 2018, bảo đảm yêu cầu

cần đạt, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và khả năng học tập của học sinh; thực hiện linh hoạt theo khung thời gian năm học, bảo đảm đủ thời lượng cho dạy học, luyện tập, ôn tập, trải nghiệm và kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện theo tinh thần Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT và Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT. Kế hoạch dạy học phải được tổ chuyên môn trao đổi, thống nhất, Hiệu trưởng phê duyệt và báo cáo UBND xã, phường trước khi thực hiện; là căn cứ để tổ chức dạy học, kiểm tra và tự kiểm tra.

Khuyến khích tổ chuyên môn, giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học, chủ đề tích hợp phù hợp; tham khảo các bộ SGK Ngữ văn khác ngoài bộ sách được sử dụng thống nhất, nhưng không làm thay đổi yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT môn Ngữ văn.

Chủ động xây dựng các phương án dạy học linh hoạt, có khả năng điều chỉnh, chuyển đổi khi cần thiết; tăng cường giao nhiệm vụ học tập để học sinh thực hiện trong và ngoài lớp học, chú trọng rèn luyện năng lực tự học.

Đối với dạy học 2 buổi/ngày: triển khai theo lộ trình, tại các trường đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ và các điều kiện bảo đảm; thực hiện hiệu quả mục tiêu Chương trình GDPT, không gây quá tải, phù hợp tâm sinh lý và sức khỏe học sinh, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường.

Thời khóa biểu được bố trí linh hoạt, tối thiểu 5 ngày/tuần, tối đa 11 buổi/tuần, mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 45 phút; không nhất thiết cố định buổi 1 vào buổi sáng, buổi 2 vào buổi chiều.

Buổi 1: thực hiện nội dung Chương trình môn Ngữ văn ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

Buổi 2: tổ chức ôn tập, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu; bồi dưỡng học sinh có năng lực, năng khiếu; ôn tập phục vụ tuyển sinh vào lớp 10 và các hoạt động giáo dục khác theo quy định, phù hợp nhu cầu, sở thích của học sinh.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học: học theo nhóm trình độ, năng lực; câu lạc bộ sở thích; hướng dẫn tự học; kết hợp học tập trong lớp với thư viện, không gian học tập và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học.

1.2. Đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực học sinh

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; rèn luyện phương pháp tự học, tư duy và khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh. Tăng cường dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học theo chủ đề; ứng dụng CNTT và học liệu số phù hợp, hiệu quả; chú trọng dạy cách học, cách nghĩ, cân đối giữa kiến thức, kỹ năng và định hướng phẩm chất, thái độ, hành vi.

Tăng cường dạy học phân hóa; giao nhiệm vụ học tập rõ ràng, phù hợp với từng đối tượng, xác định cụ thể sản phẩm học tập; theo dõi, hỗ trợ và đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh. Tạo điều kiện để học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm, thảo luận, trình bày, thực hành và vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tiễn.

Tổ chức dạy học môn Ngữ văn theo hướng phát triển đồng bộ các năng lực đọc, viết, nói và nghe, kết hợp thực hành tiếng Việt, cảm thụ thẩm mỹ và các hoạt động trải nghiệm phù hợp.

Dạy đọc: tập trung hình thành phương pháp đọc và năng lực tự đọc hiểu; giúp học sinh nhận biết cách thức, công cụ để đọc các văn bản cùng thể loại, loại hình. Không áp đặt cách hiểu của giáo viên, tránh đọc chép, ghi nhớ máy móc; gắn dạy đọc với viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt và hoạt động trải nghiệm.

Dạy viết: hướng dẫn học sinh hình thành ý tưởng, tổ chức ý, diễn đạt mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục; chú trọng đầy đủ các bước tạo lập văn bản. Tăng cường bài tập gắn với tình huống thực tiễn; bảo đảm yêu cầu cần đạt theo từng khối lớp, đặc biệt đối với lớp 9.

Việc tích hợp giáo dục đạo đức, tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục quốc phòng và an ninh và các nội dung giáo dục khác phải tự nhiên, phù hợp với nội dung bài học, không làm quá tải chương trình.

Khuyến khích tổ chức các hoạt động giao lưu, hội thi, câu lạc bộ, gặp gỡ nhà văn, nhà thơ và các hoạt động phát triển năng lực ngôn ngữ, văn học trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp tâm sinh lý và điều kiện học tập của học sinh; không sử dụng thành tích của các hoạt động này làm tiêu chí thi đua bắt buộc đối với nhà trường.

1.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT; bảo đảm đánh giá thực chất, khách quan, công bằng, đúng yêu cầu cần đạt và mức độ cần đạt của Chương trình môn Ngữ văn.

Tăng cường đánh giá thường xuyên thông qua hoạt động học tập trên lớp, hồ sơ và sản phẩm học tập, dự án, thực hành, thuyết trình, bài viết, bài trình chiếu, video và các hình thức phù hợp khác. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng; chú trọng nhận xét, hướng dẫn sửa sai, động viên sự tiến bộ của học sinh.

Thiết kế câu hỏi, bài tập theo hướng yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng đọc, viết, nói, nghe vào ngữ liệu và bối cảnh mới; khuyến khích câu hỏi mở, phát huy tư duy, trí tưởng tượng, khả năng lập luận, năng lực ngôn ngữ và văn học; hạn chế yêu cầu học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn.

Về sử dụng ngữ liệu: không sử dụng lại máy móc các văn bản đã học trong SGK để kiểm tra năng lực đọc hiểu và viết. Có thể sử dụng ngữ liệu ở các bộ SGK khác, ngữ liệu ngoài SGK, cùng hoặc khác tác giả, tác phẩm, bảo đảm phù hợp với thể loại/kiểu văn bản và yêu cầu của Chương trình.

Ngữ liệu kiểm tra phải có nguồn trích dẫn rõ ràng, xác thực, tin cậy; có giá trị về nội dung và nghệ thuật; chuẩn mực về ngôn ngữ; phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý học sinh; không vi phạm các quy định về chính trị, tôn giáo, dân tộc, văn hóa, đạo đức, giới tính; dung lượng phù hợp.

Khuyến khích sử dụng đề mở, tạo cơ hội để học sinh bộc lộ chính kiến, cách nghĩ, cách cảm và khả năng sáng tạo; đồng thời xây dựng công cụ, tiêu chí đánh giá cụ thể để hạn chế tính chủ quan của người chấm.

Việc ra đề, coi, chấm, nhận xét và đánh giá phải thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; không kiểm tra vượt quá yêu cầu cần đạt. Đối với kiểm tra định kỳ, thực hiện xây dựng ma trận, đặc tả và phân bố mức độ câu hỏi phù hợp với từng khối lớp, từng giai đoạn học tập; tăng dần yêu cầu vận dụng, bảo đảm phù hợp đối tượng học sinh.

UBND xã, phường căn cứ điều kiện thực tế có thể tổ chức kiểm tra chung cấp xã, phường; tổ chức chấm chéo, phân tích kết quả và rút kinh nghiệm để hỗ trợ nâng cao chất lượng dạy học.

Đối với học sinh lớp 9, tăng cường rà soát chất lượng theo từng giai đoạn; tổ chức ôn tập phục vụ tuyển sinh vào lớp 10 theo cấu trúc, định dạng đề thi và hướng dẫn của Sở GDĐT; chú trọng cả năng lực đọc hiểu, nghị luận văn học và nghị luận xã hội, bảo đảm học sinh nắm vững kiến thức, đồng thời có khả năng vận dụng vào ngữ liệu mới.

Việc thi chọn học sinh giỏi lớp 9 thực hiện theo hướng dẫn của Sở GDĐT. Khuyến khích các nhà trường thành lập Câu lạc bộ Văn học để phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hợp lý, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đời sống xã hội, văn học sử, lý luận văn học, năng lực cảm thụ và sáng tạo trong diễn đạt. Sở GDĐT tổ chức thi học sinh giỏi lớp 9 vào tháng 01/2027.

Tiếp tục duy trì chất lượng đại trà, đồng thời quan tâm giáo dục mũi nhọn và hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu; chủ động lựa chọn, giới thiệu giáo viên tham gia chấm thi tuyển sinh vào lớp 10 theo yêu cầu của Sở GDĐT.

1.4. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn và bồi dưỡng đội ngũ

Tăng cường dự giờ, nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, chuyên đề và chia sẻ kinh nghiệm giữa các trường, cụm trường, xã/phường; tập trung vào những vấn đề thực tiễn, bài học khó, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

Sinh hoạt chuyên môn theo hướng phân tích hoạt động học của học sinh, tập trung vào 4 yêu cầu: giao nhiệm vụ học tập; theo dõi, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ; tổ chức báo cáo, thảo luận; kết luận, nhận định kết quả thực hiện nhiệm vụ. Phân tích giờ dạy tập trung vào 3 nội dung: kế hoạch và tài liệu dạy học; tổ chức hoạt động học; hoạt động học của học sinh.

Mỗi cụm chuyên môn của xã, phường dành ít nhất 01 “Ngày chuyên môn”/tháng để tập trung nghiên cứu, lựa chọn nội dung, xây dựng chủ đề dạy học và chủ đề tích hợp; trao đổi về phương pháp, kỹ thuật dạy học và giải pháp nâng cao chất lượng. Mỗi khối lớp xây dựng và thực hiện 1-2 chủ đề/học kỳ, có tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch dạy học.

Mỗi xã, phường tổ chức ít nhất 01 chuyên đề/năm học; khuyến khích các cụm chuyên môn phối hợp tổ chức chuyên đề theo nhu cầu thực tiễn.

Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán môn Ngữ văn; thực hiện bồi dưỡng thường xuyên, liên tục, kết hợp trực tiếp - trực tuyến - tại chỗ - tự học/chứng chỉ, gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt chuyên môn và nhu cầu thực tế của giáo viên. Chủ động phối hợp, đặt hàng với các trường đại học trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên THCS theo quy định.

Bảo đảm giáo viên thực hiện đầy đủ nội dung thực hành tiếng Việt, nói và nghe; xây dựng, cập nhật kế hoạch bài dạy phù hợp với yêu cầu đổi mới. Thực hiện nghiêm quy định về hồ sơ, sổ sách chuyên môn, đầu điểm, ghi và sửa điểm; không nhờ người khác chấm bài hoặc cập nhật điểm trên hệ thống; trả bài kiểm tra đúng thời gian quy định.

1.5. Quản lý đội ngũ, học liệu và các hoạt động hỗ trợ

Nhà trường chủ động rà soát, bố trí đội ngũ giáo viên Ngữ văn bảo đảm đủ số lượng, phù hợp về chất lượng và cơ cấu; thường xuyên kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học, chuyển từ kiểm tra hành chính sang hỗ trợ chuyên môn, tự kiểm tra và tự đánh giá để cải tiến chất lượng.

Tăng cường xây dựng kho học liệu điện tử, video bài dạy minh họa và tài liệu hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn dùng chung; lựa chọn, phân công các trường thực hiện và ghi hình một số bài dạy để chia sẻ, trao đổi, phân tích và rút kinh nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn.

Khuyến khích học sinh tham gia Cuộc thi Viết thư quốc tế UPU lần thứ 56 và các hoạt động phát triển năng lực đọc, viết, nói, nghe phù hợp.

UBND xã, phường và các nhà trường tăng cường kiểm tra, hỗ trợ, tư vấn chuyên môn; kịp thời phát hiện khó khăn, điều chỉnh kế hoạch và tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng môn Ngữ văn theo điều kiện thực tế.

2. Môn Toán

2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

- Thực hiện Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026 và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 cấp THCS, tiếp tục giao quyền chủ động cho các trường THCS xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục môn Toán theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo khung thời gian quy định; có đủ thời lượng cho luyện tập, ôn tập, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ.

- Kế hoạch giáo dục môn Toán phù hợp với Chương trình GDPT 2018, khung thời gian năm học, điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh.

Kế hoạch cần bảo đảm:

- + Thực hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Toán.
- + Phân bổ hợp lý thời lượng hình thành kiến thức, luyện tập, thực hành, vận dụng, ôn tập và đánh giá.
- + Phát triển tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề, mô hình hóa, giao tiếp và sử dụng công cụ học toán.
- + Bảo đảm tính liên thông giữa các lớp, chú trọng lớp 8 và lớp 9.
- + Có giải pháp hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu cần đạt và phát triển học sinh có năng lực.

- Kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy: Tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học trên cơ sở chương trình, yêu cầu cần đạt và điều kiện thực tế. Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy, xác định rõ yêu cầu cần đạt, nhiệm vụ học tập, phương pháp, sản phẩm và đánh giá. Khuyến khích thiết kế chủ đề phù hợp, kết nối các nội dung gần nhau; tổ chức tích hợp, liên môn hoặc STEM khi phù hợp. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức, phê duyệt và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Căn cứ điều kiện thực tế và kết quả đánh giá học sinh, nhà trường tổ chức buổi thứ hai theo hướng đúng đối tượng, không dàn trải:

- + Hỗ trợ học sinh chưa đạt: củng cố kiến thức nền tảng, rèn kỹ năng, bù đắp nội dung chưa đạt yêu cầu cần đạt.
- + Phát triển học sinh có năng lực: câu lạc bộ, bài toán mở, mô hình hóa, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.
- + Hỗ trợ học sinh lớp 9: hệ thống hóa kiến thức, rèn giải quyết vấn đề và chuẩn bị theo hướng dẫn tuyển sinh lớp 10.

Việc tổ chức buổi thứ hai phải thực hiện đúng các quy định hiện hành về dạy thêm, học thêm và các quy định liên quan.

- Dạy học môn Toán bằng tiếng nước ngoài: Các trường có đủ điều kiện và được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo quy định hiện hành; bảo đảm yêu cầu cần đạt của chương trình, đội ngũ, học liệu hợp pháp, công khai mục tiêu và điều kiện thực hiện. Chương trình liên kết, tích hợp hoặc có yếu tố nước ngoài chỉ được tổ chức khi đủ điều kiện pháp lý và đúng thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và sử dụng thiết bị

a) Đổi mới phương pháp dạy học

- Giáo viên cần lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên.

Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực. Tuỳ theo mục tiêu, nội dung, đối tượng và điều kiện cụ thể mà có những phương pháp dạy học tích cực, hiệu quả như: Phương pháp trực quan, gợi mở vấn đáp, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, luyện tập. Kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn.

Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học sinh, chú ý nhu cầu, năng lực nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân học sinh. Cần tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, trong đó học sinh được tham gia tìm tòi, phát hiện, suy luận giải quyết vấn đề. Cần hướng dẫn học sinh đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó; không chỉ coi trọng tính logic của khoa học Toán học như một khoa học suy diễn mà cần chú ý cách tiếp cận dựa trên vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của học sinh.

- Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, giáo viên cần sử dụng đủ và hiệu quả các thiết bị dạy học, có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng học sinh. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các phương tiện thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

- Giáo viên cần giúp học sinh phát triển niềm tin về vị trí, vai trò tích cực của Toán học đối với đời sống con người trong xã hội hiện đại, cần khuyến khích học sinh phát triển hứng thú, sự sẵn sàng học hỏi, tìm tòi, khám phá để có thể trở thành con người thành công trong học tập bộ môn Toán.

b) Đổi mới hình thức tổ chức dạy học

- Đa dạng hóa các hình thức dạy học/giáo dục như: cá nhân, theo nhóm, trong lớp học, ngoài lớp học,... Ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh

học tập ở nhà, tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm ở ngoài nhà trường và cộng đồng. Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Tiến hành các Hoạt động trải nghiệm toán học cho học sinh, như: Tiến hành các đề tài, dự án học tập về Toán, đặc biệt là các đề tài và các dự án về ứng dụng Toán học trong thực tiễn; tổ chức các trò chơi toán học, câu lạc bộ toán học, diễn đàn, hội thảo, cuộc thi về Toán; ra báo tường (hoặc nội san) về Toán; tham quan các cơ sở đào tạo và nghiên cứu Toán học, giao lưu với học sinh có năng khiếu toán và các nhà Toán học,... Những hoạt động đó sẽ giúp học sinh vận dụng những tri thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ đã được tích lũy; giúp học sinh bước đầu xác định được năng lực, sở trường của bản thân nhằm định hướng và lựa chọn nghề nghiệp; tạo dựng một số năng lực cơ bản cho người lao động tương lai và người công dân có trách nhiệm.

- Hình thành, phát triển các năng lực chung cũng như năng lực toán học, đặc biệt năng lực mô hình hoá toán học, thể hiện qua việc thực hiện được các hành động:

+ Sử dụng các mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) để mô tả các tình huống đặt ra trong các bài toán thực tế.

+ Giải quyết các vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.

+ Thể hiện và đánh giá lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

- Đối với nội dung thực hành trong phòng máy tính với phần mềm dạy học (Đại số, Hình học, Thống kê), nếu nhà trường có điều kiện thực hiện, có thể tổ chức cho từng học sinh hoặc từng nhóm học sinh thực hành xây dựng, thao tác, tính toán trên các phần mềm hỗ trợ sau khi kết thúc một bài hoặc một chương. Những trường không có điều kiện tổ chức phòng máy với việc sử dụng các phần mềm dạy học môn Toán, có thể giới thiệu cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, ngoại khoá.

- Đối với Hoạt động trải nghiệm trong môn Toán, nhà trường quyết định lựa chọn những nội dung, hình thức hoạt động trong chương trình phù hợp với điều kiện cụ thể nhằm làm tăng sự phong phú cho nội dung hoạt động, đồng thời phát triển khả năng vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn cho học sinh.

- Đối với các chuyên đề học tập môn Toán, để tăng cường định hướng về nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông, nhà trường có thể tổ chức một số chuyên đề học tập môn Toán giúp cho học sinh có cái nhìn tương đối tổng quát về những ngành nghề có liên quan đến toán học để học sinh có cơ sở định hướng

nghề nghiệp sau này, cũng như có đủ năng lực tối thiểu để tự mình tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời. Khi áp dụng các chuyên đề này, nhà trường có thể sắp xếp hoặc lên kế hoạch mời thêm các nhà khoa học, chuyên gia có hiểu biết, có kinh nghiệm thực tiễn để hướng dẫn học sinh.

c) Sử dụng thiết bị dạy học môn Toán

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS. Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu trong danh mục được Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp, các nhà trường cần huy động sáng kiến, sự sáng tạo của học sinh, giáo viên và phụ huynh trong việc khai thác, thiết kế và sử dụng các thiết bị dạy học tự làm.

d) STEM/STEAM và hoạt động trải nghiệm

Chủ động lựa chọn nội dung STEM/STEAM phù hợp điều kiện nhà trường và yêu cầu cần đạt; chú trọng chất lượng, không áp dụng chỉ tiêu cứng nếu chưa có căn cứ chỉ đạo riêng.

2.3. Đổi mới kiểm tra và đánh giá

- Thực hiện theo Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh THCS và THPT;

- Vận dụng kết hợp một cách đa dạng nhiều hình thức đánh giá (đánh giá bằng nhận xét, đánh giá bằng điểm số, đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn, tự đánh giá,...) và vào những thời điểm thích hợp. Việc đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) đi liền với tiến trình hoạt động học tập của học sinh, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá.

- Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Thực hiện nghiêm túc đánh giá định kì, gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận và trắc nghiệm) theo 3 mức độ yêu cầu: Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 3 mức độ trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở yêu cầu vận dụng.

- Kết hợp một cách hợp lí giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn.

- Đẩy mạnh việc duy trì và giữ vững chất lượng đại trà, quan tâm đến giáo dục mũi nhọn, chỉ đạo các trường thông tin tới Hội đồng giáo dục và phụ huynh học sinh về việc đổi mới tuyển sinh vào lớp 10 THPT; coi trọng việc giúp đỡ học sinh học tập yếu, kém.

2.4. Về sinh hoạt chuyên môn

- Căn cứ Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 10801/SGDĐT-GDTrH ngày 31/10/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm theo hướng nghiên cứu bài học, thường xuyên tổ chức các bài dạy minh họa: xây dựng bài dạy minh họa, thực hiện bài dạy và dự giờ, phân tích rút kinh nghiệm hoàn chỉnh bài dạy; thường xuyên tổ chức các chuyên đề ôn thi học sinh giỏi, ứng dụng Công nghệ thông tin, hướng dẫn sử dụng máy tính cầm tay... Xây dựng các chuyên đề đổi mới dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh, chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học. Chủ động triển khai các hoạt động chuyên môn trên internet để tổ chức, chỉ đạo và hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng giáo viên, tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, cụm trường (trực tiếp và trực tuyến). Xây dựng chuyên đề đổi mới kiểm tra đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT 2018, chú trọng đối với lớp cuối cấp chuẩn bị cho thi tuyển sinh vào 10 THPT theo ma trận và đề minh họa Sở đã công bố.

- Tiếp tục đổi mới dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua các hoạt động chuyên môn, tổ chức các sinh hoạt chuyên đề bộ môn trong đơn vị hoặc theo từng cụm trường. Hiệu trưởng các trường chỉ đạo và hướng dẫn cho các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học. Nâng cao chất lượng dạy học, tăng cường phụ đạo cho học sinh yếu, kém để giữ vững chất lượng đại trà. Từng bước nâng cao chất lượng mũi nhọn.

- Các hoạt động chuyên đề của trường và cụm trường cần tập trung vào việc đổi mới phương pháp theo hướng phát triển năng lực của học sinh. Thông qua các hoạt động chuyên đề tháo gỡ những khó khăn trong việc giảng dạy bài mới, cùng nhau thực hiện đổi mới dạy học, nâng cao hiệu quả kiểm tra và đánh giá học sinh.

2.5. Về công tác bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học

- Mỗi giáo viên cần thực hiện tốt các hoạt động tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hiểu biết xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết ngày càng cao của học sinh.

- Kết hợp hoạt động tự bồi dưỡng của từng giáo viên với các buổi sinh hoạt chuyên đề của tổ/nhóm.

- Các trường quán triệt đầy đủ đến cán bộ, giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở và Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

2.6. Về các Kỳ thi

a) Kỳ thi vào lớp 10 THPT

- Nội dung kiến thức của đề thi nằm trong chương trình toàn cấp THCS, chủ yếu tập trung ở lớp 8, lớp 9. Nội dung đề thi nhằm đánh giá năng lực theo từng cấp độ; trong đó: Nhận biết khoảng 27%; thông hiểu khoảng 43%; vận dụng khoảng 30%.

- Nội dung ôn tập bám yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Toán cấp THCS và hướng dẫn tuyển sinh của Sở; không luyện thi theo kiểu học thuộc dạng bài.

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY ĐỀ MINH HỌA KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT THEO CHƯƠNG TRÌNH 2018

NĂNG LỰC	MẠCH KIẾN THỨC								
	Đại số - Số học			Hình học			Thống kê - Xác suất		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Tư duy và lập luận Toán học			0,5 điểm		1,0 điểm	1,5 điểm			
Giải quyết vấn đề Toán học	0,25 điểm	0,75 điểm	0,5 điểm	1,5 điểm			1,0 điểm	0,5 điểm	
Mô hình hóa Toán học		2,0 điểm	0,5 điểm						
Tổng: 10,0 điểm	0,25 điểm	2,75 điểm	1,5 điểm	1,5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm	1,0 điểm	0,5 điểm	0 điểm

b) Kỳ thi học sinh giỏi

- Đối với thi học sinh giỏi và chuyên gồm các chủ đề: Phương trình, hệ phương trình; Biến đổi đại số, đa thức; Quan hệ chia hết, tính chất số học; Phương trình nghiệm nguyên; Bất đẳng thức, cực trị; Hình học phẳng; Tổ hợp.

- Kỳ thi học sinh giỏi môn Toán lớp 9 (dự kiến tháng 1/2027), các cuộc thi quốc gia và quốc tế được Sở phê duyệt.

c) Hội thi giáo viên dạy giỏi

Các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định và kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, công khai, minh bạch và chú trọng năng lực thực tế.

3. Môn KHTN

3.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục

Các nhà trường cần tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình GDPT 2018, đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế.

a) Yêu cầu: Kế hoạch giáo dục phải dựa trên sự sắp xếp khoa học các mạch nội dung (Chất và sự biến đổi, Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi, Trái Đất và bầu trời). Ưu tiên phân công giáo viên giảng dạy phù hợp với chuyên môn đào tạo để đảm bảo chất lượng.

- Nhà trường xây dựng thời khóa biểu theo cụm tiết hoặc chủ đề liên môn để giáo viên có đủ thời gian triển khai các dự án học tập mà không bị ngắt quãng bởi các tiết học rời rạc.

b) Chỉ đạo từ TP Hà Nội: Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ trường chất lượng cao đạt 5% và hình thành mạng lưới trường học thông minh.

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học và xây dựng bài học theo quan điểm STEM

Giáo dục STEM trong môn KHTN không chỉ là lý thuyết mà phải gắn liền với quy trình thiết kế kỹ thuật và giải quyết vấn đề thực tiễn.

a) Yêu cầu: Áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, khuyến khích học sinh tự nghiên cứu qua tài liệu, video và thí nghiệm mô phỏng. Chuyển đổi các thí nghiệm trong sách giáo khoa thành các hoạt động trải nghiệm có tính ứng dụng cao.

b) Ví dụ: Dự án "Chế tạo mô hình nhà chống bão".

Học sinh vận dụng kiến thức Vật lý về áp suất, lực và kiến thức Kỹ thuật xây dựng để thiết kế mô hình. Qua đó, các em hiểu sâu hơn về cách lực tác động lên cấu trúc công trình trong điều kiện thời tiết cực đoan.

3.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng PISA

Chuyển trọng tâm từ đánh giá ghi nhớ kiến thức sang đánh giá năng lực vận dụng kiến thức trong bối cảnh thực tế, tiệm cận khung năng lực PISA 2025.

a) Yêu cầu: Tập trung vào 3 thành tố năng lực cốt lõi

- *Giải thích hiện tượng một cách khoa học* (nhớ lại và áp dụng kiến thức phù hợp).

- *Xây dựng và đánh giá thiết kế nghiên cứu khoa học* (đề xuất thí nghiệm, diễn giải dữ liệu).

- *Tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin khoa học để ra quyết định*.

b) Ví dụ: Thay vì hỏi "Thế nào là hiện tượng bay hơi?", hãy đưa ra một tình huống thực tế về việc làm khô nông sản và yêu cầu học sinh lựa chọn thiết kế thí nghiệm phù hợp nhất để kiểm chứng các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ bay hơi.

c) Mã hóa (Coding): Sử dụng các thang đo 6 mức độ của PISA để phân loại năng lực học sinh, từ việc nhận biết đơn giản đến vận dụng ý tưởng khoa học phức tạp trong bối cảnh lạ.

3.4. Lồng ghép giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và phòng chống thiên tai (PCTT)

Đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm hình thành ý thức trách nhiệm và kỹ năng sinh tồn cho học sinh trước các thách thức môi trường.

a) Yêu cầu: Tích hợp nội dung BĐKH vào các mạch kiến thức chính thông qua 3 mức độ: Tích hợp toàn phần, tích hợp bộ phận hoặc liên hệ thực tế.

b) Ví dụ: Khi dạy về Carbon, giáo viên lồng ghép phân tích về chu trình Carbon và tác động của khí nhà kính (CO_2 , CH_4) đến hiện tượng nóng lên toàn cầu.

Hoạt động: Tổ chức cho học sinh điều tra hiện trạng ô nhiễm môi trường hoặc ngập úng tại địa phương.

3.5. Phát huy tối đa AI trong dạy học và phát triển năng lực số

a) Làm chủ công nghệ và các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại

Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): Giáo viên cần có khả năng khai thác các "Trợ lý ảo AI" để hỗ trợ thiết kế bài giảng, soạn câu hỏi kiểm tra và tổng hợp tài liệu học tập một cách nhanh chóng. Giáo viên phải hiểu rằng AI là công cụ hỗ trợ, không thay thế vai trò điều phối và giáo dục đạo đức của mình.

Sử dụng phòng thí nghiệm ảo và mô phỏng: Trong môn KHTN, giáo viên cần thành thạo việc sử dụng các mô hình 3D tương tác và phòng thí nghiệm ảo để hướng dẫn học sinh thực hiện các thí nghiệm nguy hiểm, phức tạp hoặc khó quan sát trực tiếp (như phản ứng hóa học mạnh hoặc cấu trúc tế bào) trong môi trường an toàn.

Khai thác Hệ thống quản lý học tập (LMS): Giáo viên phải biết sử dụng các nền tảng LMS để theo dõi tiến độ học tập của từng học sinh, từ đó xác định điểm

mạnh, điểm yếu và đưa ra các gợi ý học tập cá nhân hóa phù hợp với năng lực của mỗi em.

b) Năng lực quản trị lớp học dựa trên dữ liệu (Data-driven)

Sử dụng Learning ID: Giáo viên cần phối hợp khai thác mã định danh học tập (Learning ID) để lưu trữ kết quả và theo dõi lộ trình phát triển năng lực của học sinh suốt đời.

Phân tích dữ liệu học tập: Thay vì quản lý hành chính đơn thuần, giáo viên được yêu cầu chuyển mạnh sang quản trị dựa trên dữ liệu. Điều này bao gồm việc sử dụng AI để phân tích dữ liệu học tập tích lũy, giúp cảnh báo sớm các nguy cơ hỏng kiến thức và hỗ trợ học sinh kịp thời.

Tự động hóa kiểm tra, đánh giá: giáo viên cần sử dụng các công cụ số để tự động hóa việc chấm bài, tạo ngân hàng câu hỏi số hóa và cung cấp phản hồi tức thì cho học sinh.

c) Hướng dẫn và phát triển năng lực số cho học sinh

Dạy học sinh cách sử dụng công cụ số: Giáo viên không chỉ sử dụng cho mình mà còn phải có năng lực hướng dẫn học sinh sử dụng các thiết bị thông minh, tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của thông tin trên mạng, rèn luyện tư duy phản biện trong môi trường số.

Giáo dục về đạo đức và an toàn số: Giáo viên cần có kiến thức để giáo dục học sinh về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền, nhận diện các vấn đề đạo đức của AI như thiên kiến dữ liệu hoặc quyền riêng tư.

d) Năng lực tự học và phát triển chuyên môn liên tục

Tham gia bồi dưỡng thường xuyên: Giáo viên phải tích cực tham gia các khóa tập huấn về AI, công nghệ thông tin và chuyển đổi số do các cấp tổ chức.

Xây dựng kế hoạch cá nhân: Mỗi giáo viên cần dựa trên kế hoạch của tổ chuyên môn để xây dựng lộ trình tự học, tự bồi dưỡng năng lực số phù hợp với vị trí việc làm.

e) Chỉ tiêu cụ thể tại Hà Nội

Hà Nội đặt mục tiêu đến năm học 2026-2027, 100% giáo viên có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ số và AI cơ bản trong việc soạn giảng và quản lý hồ sơ dạy học.

Thành phố cũng đang xây dựng và sẽ ban hành Khung năng lực số dành riêng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục Thủ đô để làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ.

Việc nâng cao năng lực số giúp giáo viên giảm bớt các công việc thủ công, có thêm thời gian tập trung vào việc hỗ trợ tâm lý, rèn luyện phẩm chất và phát triển năng lực khoa học thực tế cho học sinh theo định hướng PISA và STEM

3.6. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên

Đội ngũ là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới.

- Bồi dưỡng thường xuyên: Gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tập trung vào kỹ năng sử dụng AI, thiết kế bài giảng STEM và kỹ thuật đánh giá theo PISA.

- Năng lực số: Phần đầu 100% giáo viên có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ số và AI cơ bản trong soạn giảng và quản lý hồ sơ.

- Quản trị dựa trên dữ liệu: Sử dụng AI để phân tích tiến độ học tập của từng học sinh từ các hệ thống LMS, giúp giáo viên đưa ra các phản hồi cá nhân hóa kịp thời.

3.7. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi

Tổ chức lựa chọn học sinh tham gia kì thi học sinh giỏi cấp Thành phố, quốc gia, quốc tế, đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT (có văn bản hướng dẫn riêng).

Tổ chức lựa chọn giáo viên tham gia Cuộc thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố mạch kiến thức Vật sống.

3.8. Một số nội dung lưu ý

3.8.1. Xây dựng ma trận đề kiểm tra KHTN theo 3 mức độ PISA

a) Ba mức độ PISA

Theo thang đo năng lực của OECD, 3 mức độ nhận thức trong ma trận đề kiểm tra được quy đổi tương đương như sau:

Mức độ 1: Tái tạo (Nhận biết) - Tương ứng với cấp độ 1a, 1b của PISA. Học sinh có khả năng ghi nhớ, nhận biết các tuyên bố khoa học hoặc nguồn thông tin đơn giản; lựa chọn thiết kế thí nghiệm chỉ kiểm soát một biến số.

Mức độ 2: Kết nối (Thông hiểu) - Tương ứng với cấp độ 2, 3 của PISA. Học sinh đưa ra được các giải thích đơn giản cho các hiện tượng quen thuộc; đánh giá được các thiết kế nghiên cứu đơn giản và diễn giải được dữ liệu có mối quan hệ trực tiếp.

Mức độ 3: Khái quát hóa và Phản ánh (Vận dụng) - Tương ứng với cấp độ 4, 5, 6 của PISA. Đây là mức độ cao nhất, yêu cầu học sinh xây dựng và đánh giá các lời giải thích phức tạp; thiết kế nghiên cứu nhiều biến; đánh giá độ tin cậy của nhiều nguồn thông tin và biện minh cho các quyết định hành động.

b) Cấu trúc Ma trận đề kiểm tra KHTN (Tiếp cận PISA 2025)

Ma trận đề cần bao phủ được 3 thành tố năng lực cốt lõi với tỉ trọng điểm số gợi ý từ khung PISA 2025:

Thành tố năng lực	Mức độ 1 (Tái tạo)	Mức độ 2 (Kết nối)	Mức độ 3 (Khái quát/Phản ánh)	Tỉ trọng
--------------------------	-------------------------------	-------------------------------	--	-----------------

1. Giải thích hiện tượng khoa học	Nhận biết khái niệm, định luật cơ bản.	Giải thích hiện tượng trong bối cảnh quen thuộc.	Đưa ra dự đoán và giải pháp cho tình huống phức tạp.	36 - 44%
2. Xây dựng, đánh giá thiết kế nghiên cứu & Diễn giải dữ liệu	Xác định câu hỏi nghiên cứu đơn giản.	Phân tích dữ liệu từ bảng biểu, đồ thị đơn giản.	Đề xuất thiết kế thí nghiệm nhiều biến; phản biện sai sót dữ liệu.	24 - 36%
3. Nghiên cứu, đánh giá & sử dụng thông tin khoa học	Nhận biết nguồn thông tin khoa học liên quan.	Tóm tắt lập luận từ một nguồn thông tin.	Đánh giá độ tin cậy của nhiều nguồn; biện minh cho quyết định/hành động.	24 - 36%

c) Ví dụ phân tích cụ thể cho từng mức độ

Để hỗ trợ giáo viên xây dựng câu hỏi, dưới đây là các ví dụ minh họa tích hợp các yếu tố hiện đại (AI, Biến đổi khí hậu):

- Ví dụ Mức độ 1 (Tái tạo):

Câu hỏi: Trong các công cụ sau, công cụ nào là một ứng dụng của Trí tuệ nhân tạo (AI) giúp nhận diện hình ảnh sinh vật? (Cho sẵn 4 lựa chọn).

Phân tích: Câu hỏi này chỉ yêu cầu học sinh nhận biết một ứng dụng công nghệ phổ biến, thuộc kiến thức nhận thức mức độ thấp.

- Ví dụ Mức độ 2 (Kết nối):

Tình huống: Cho biểu đồ về nồng độ khí CO₂ và nhiệt độ trung bình của Hà Nội trong 10 năm qua.

Câu hỏi: Hãy mô tả mối quan hệ giữa lượng khí thải carbon dioxide và sự thay đổi nhiệt độ được thể hiện trong biểu đồ.

Phân tích: Học sinh phải kết nối dữ liệu từ hai đại lượng để rút ra kết luận về mối tương quan đơn giản, tương ứng với năng lực giải thích hiện tượng ở mức độ trung bình.

- Ví dụ Mức độ 3 (Khái quát hóa/Phản ánh - Vận dụng cao):

Tình huống (STEM & BĐKH): Một khu vực tại Hà Nội thường xuyên bị ngập lụt khi mưa lớn. Có ba phương án thoát nước được đề xuất sử dụng công nghệ cảm biến AI để điều tiết dòng chảy.

Câu hỏi: Dựa trên các dữ liệu về chi phí, tác động môi trường và hiệu quả thoát nước được cung cấp, em hãy lựa chọn phương án tối ưu và sử dụng các lập

luận khoa học để biện minh cho sự lựa chọn của mình nhằm giúp cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phân tích: Câu hỏi yêu cầu năng lực thành tố 3 (Sử dụng thông tin để ra quyết định) ở mức độ cao nhất. Học sinh phải tổng hợp kiến thức liên môn (Vật lý, Môi trường, Công nghệ) và thực hiện phản biện để đưa ra giải pháp thực tiễn.

d) Lưu ý khi xây dựng và mã hóa (Coding)

- Ngữ cảnh (Context): Câu hỏi phải đặt trong các bối cảnh cụ thể: cá nhân, địa phương hoặc toàn cầu (ví dụ: sức khỏe, tài nguyên, môi trường).

- Hình thức câu hỏi: Nên kết hợp trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn, đúng/sai phức hợp) và câu hỏi mở (yêu cầu giải thích ngắn hoặc lập luận dài).

- Mã hóa thay vì chấm điểm: Sử dụng các mã (ví dụ: Mã 2 - Đầy đủ; Mã 1 - Chưa đầy đủ; Mã 0 - Không đạt) để đánh giá chính xác mức độ đạt được của năng lực thay vì chỉ cho điểm đúng/sai cơ học

3.8.2. Ma trận đề kiểm tra chủ đề Biến đổi khí hậu thiết kế theo 3 mức độ năng lực của PISA

a) Bảng Ma trận tổng quát (Tiếp cận PISA 2025)

Thành tố năng lực	Mức độ 1 (Tái tạo/ Nhận biết)	Mức độ 2 (Kết nối/ Thông hiểu)	Mức độ 3 (Khái quát/ Vận dụng)	Tỉ trọng
1. Giải thích hiện tượng khoa học	15%	15%	10%	40%
2. Thiết kế nghiên cứu & Diễn giải dữ liệu	10%	10%	10%	30%
3. Đánh giá & Sử dụng thông tin khoa học	5%	10%	15%	30%
Tổng cộng	30%	35%	35%	100%

b) Mô tả chi tiết và Ví dụ minh họa cho chủ đề BĐKH

Dưới đây là ví dụ về cách đặt câu hỏi dựa trên nội dung tích hợp BĐKH trong môn KHTN:

Mức độ 1: Tái tạo (Nhận biết)

Mô tả: Học sinh nhớ lại các kiến thức cơ bản về thành phần khí quyển và các biểu hiện của BĐKH.

Ví dụ (Năng lực 1): Hãy chọn trong danh sách sau đây là những loại khí nhà kính chính gây ra sự ấm lên toàn cầu? (Đáp án: , ...).

Ví dụ (NĂNG LỰC 2): Nhìn vào biểu đồ nhiệt độ Trái Đất, hãy xác định năm nào có nhiệt độ trung bình cao nhất trong thập kỷ qua.

Mức độ 2: Kết nối (Thông hiểu)

Mô tả: Học sinh thiết lập mối quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng hoặc diễn giải các dữ liệu khoa học đơn giản.

Ví dụ (NĂNG LỰC 2 - Bài "Nhà kính"): Cho hai biểu đồ: một về nồng độ khí và một về nhiệt độ trung bình toàn cầu qua các năm. Em hãy chỉ ra mối liên hệ giữa hai đại lượng này dựa trên dữ liệu đồ thị.

Ví dụ (NĂNG LỰC 3): Từ một đoạn văn mô tả về hiện tượng băng tan ở Bắc Cực, hãy tóm tắt 3 tác động trực tiếp của hiện tượng này đến các cộng đồng dân cư ven biển.

Mức độ 3: Khái quát hóa và Phản ánh (Vận dụng)

Mô tả: Học sinh đánh giá các thiết kế nghiên cứu phức tạp, thẩm định độ tin cậy của thông tin và đưa ra quyết định hành động có lập luận.

Ví dụ (NĂNG LỰC 2): Để nghiên cứu khả năng giữ nhiệt của khí, một nhóm học sinh đề xuất thí nghiệm chiếu đèn vào hai bình thủy tinh (một bình chứa không khí thông thường, một bình chứa nhiều). Hãy đánh giá thiết kế này và đề xuất các biến số cần kiểm soát để đảm bảo tính khách quan.

Ví dụ (NĂNG LỰC 3 - "Dấu chân Carbon"): Thành phố Hà Nội đang khuyến khích người dân sử dụng phương tiện công cộng để giảm phát thải. Dựa trên các dữ liệu về tiêu thụ năng lượng và khí thải của các loại phương tiện, em hãy xây dựng một lập luận khoa học để thuyết phục gia đình mình thay đổi thói quen di chuyển nhằm ứng phó với BĐKH.

c) Lưu ý khi thực hiện

Ngữ cảnh (Context): Nên ưu tiên các ngữ cảnh địa phương tại Hà Nội (ví dụ: ô nhiễm không khí đô thị, ngập lụt sau bão) hoặc ngữ cảnh toàn cầu (nước biển dâng, mục tiêu phát thải ròng bằng 0 - Net Zero) để tăng tính thực tiễn.

Mã hóa (Coding): Thay vì chỉ chấm đúng/sai, nên sử dụng thang điểm mức độ (Mã 2: Đáp án đầy đủ; Mã 1: Đáp án chưa đầy đủ; Mã 0: Sai hoặc không trả lời) để đánh giá đúng năng lực tư duy của học sinh theo chuẩn PISA.

3.8.3. Ứng dụng AI vào đánh giá năng lực học sinh

a) Tự động hóa công tác kiểm tra và chấm bài

AI giúp giảm tải áp lực hành chính cho giáo viên và tăng tính khách quan trong đánh giá:

- Chấm bài tự động: Khai thác các công cụ AI để tự động hóa việc chấm điểm cho các dạng câu hỏi trắc nghiệm, trắc nghiệm phức hợp (như kéo thả, điền khuyết) và thậm chí là các câu hỏi trả lời ngắn.

- Xây dựng ngân hàng câu hỏi: Giáo viên sử dụng "Trợ lý ảo AI" để thiết kế các câu hỏi kiểm tra dựa trên đặc tả năng lực, giúp tạo ra các đề thi đa dạng, tránh trùng lặp và phù hợp với nhiều mức độ nhận thức,.

b) Đánh giá quá trình và cá nhân hóa lộ trình học tập

Thay vì chỉ đánh giá tổng kết, AI cho phép theo dõi sát sao sự tiến bộ của từng học sinh:

- Hệ thống quản lý học tập (LMS): Các nền tảng LMS tích hợp AI để theo dõi tiến độ học tập, tự động xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng học sinh. Từ đó, hệ thống đưa ra các gợi ý học tập hoặc bài tập bổ trợ phù hợp với năng lực riêng biệt của mỗi em (Học tập cá nhân hóa),.

- Phản hồi tức thì: Học sinh sử dụng các ứng dụng thông minh để làm bài tập và nhận được nhận xét, hướng dẫn sửa lỗi ngay lập tức từ AI, giúp các em tự điều chỉnh hành vi học tập,.

c) Phân tích dữ liệu học tập và cảnh báo sớm

Hà Nội định hướng chuyển đổi mạnh mẽ sang quản trị dựa trên dữ liệu (Data-driven):

- Cảnh báo nguy cơ: Sử dụng AI để phân tích dữ liệu học tập tích lũy từ Learning ID (Mã định danh học tập) nhằm dự báo sớm các học sinh có nguy cơ hổng kiến thức hoặc gặp khó khăn, giúp giáo viên can thiệp kịp thời,.

- Phân tích phổ điểm: AI hỗ trợ phân tích kết quả bài kiểm tra theo các thành tố năng lực (như năng lực giải thích hiện tượng khoa học hay diễn giải dữ liệu), giúp giáo viên hiểu rõ phần nội dung nào học sinh còn yếu để điều chỉnh phương pháp dạy học,.

d) Đánh giá năng lực đặc thù về AI và Kỹ năng số

Khi triển khai giáo dục AI, việc đánh giá cũng cần thay đổi:

- Đánh giá qua sản phẩm số: Thay vì kiểm tra lý thuyết, giáo viên đánh giá khả năng vận dụng kiến thức AI của học sinh để tạo ra các sản phẩm thực tế (ví dụ: mô hình nhận diện hình ảnh, chatbot đơn giản).

- Đánh giá tư duy và đạo đức: Chú trọng đánh giá khả năng phản biện của học sinh trước các kết quả do AI đưa ra, cũng như ý thức về đạo đức khi sử dụng công nghệ (quyền riêng tư, thiên kiến dữ liệu).

- Ví dụ: Trong một dự án KHTN, học sinh sử dụng phòng thí nghiệm ảo và mô phỏng AI để nghiên cứu cấu trúc tế bào; giáo viên sẽ đánh giá năng lực của học sinh thông qua cách các em thao tác trên môi trường số và kết quả phân tích dữ liệu ảo.

đ) Lộ trình triển khai tại Hà Nội

- Đến năm 2026-2027: 100% trẻ mầm non và học sinh phổ thông được cấp Learning ID để lưu trữ kết quả học tập và theo dõi lộ trình phát triển suốt đời.

- Đến năm 2030: Phân đầu 50% các trường học trên địa bàn Thành phố ứng dụng AI trong quản lý nhà trường và hỗ trợ học tập,.

Chú ý: Việc ứng dụng AI không thay thế vai trò của giáo viên mà đóng vai trò là công cụ hỗ trợ đắc lực để việc đánh giá trở nên toàn diện, công bằng và hiệu quả hơn, giúp giáo viên có thêm thời gian tập trung vào việc hỗ trợ tâm lý và phát triển phẩm chất cho học sinh.

4. Môn Lịch sử và Địa lí

4.1. Định hướng chung

4.1.1. Bảo đảm thực hiện thống nhất, linh hoạt và hiệu quả Chương trình môn Lịch sử và Địa lí

Tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí bảo đảm mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông và các nội dung sửa đổi, bổ sung; bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống và đặc trưng của môn học gồm phân môn Lịch sử, phân môn Địa lí và các chủ đề chung. Phát huy tính chủ động của nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế; không chia cắt cơ học nội dung môn học.

4.1.2. Phát huy đặc trưng môn học, hướng tới phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng vận dụng kiến thức của học sinh; chú trọng hình thành, phát triển năng lực lịch sử, năng lực địa lí và các năng lực chung. Gắn kiến thức với thực tiễn; tăng cường khai thác sử liệu, bản đồ, dữ liệu, di sản, môi trường và không gian địa phương; tạo điều kiện để học sinh quan sát, tìm hiểu, phân tích, giải thích và vận dụng kiến thức vào những vấn đề thực tiễn. Việc tích hợp các nội dung giáo dục được thực hiện phù hợp với yêu cầu cần đạt và đặc trưng môn học, bảo đảm thiết thực, tránh chồng chéo, quá tải.

4.1.3. Thích ứng với bối cảnh mới, nâng cao tính chủ động và chất lượng thực chất trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí

Tổ chức dạy học thích ứng với những thay đổi về tổ chức cơ sở giáo dục, chương trình, sách giáo khoa và môi trường giáo dục số; tăng cường phối hợp, chia sẻ chuyên môn, khai thác hiệu quả nguồn lực và học liệu. Khuyến khích đổi mới, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trên cơ sở bảo đảm tính khoa học, chính xác, an toàn và trách nhiệm; lấy chất lượng hoạt động học và sự tiến bộ của học sinh làm căn cứ để điều chỉnh, nâng cao chất lượng dạy học.

4.2. Một số nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm

4.2.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư 17/2025/TT-

BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 32/2018; Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 6/8/2026 của Bộ GDĐT ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT, Công văn số 4602/SGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2023 của Sở GDĐT về xây dựng kế hoạch dạy học môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn Lịch sử và Địa lí đảm bảo thực hiện chương trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và nhà trường. Trong quá trình xây dựng và thực hiện cần chú ý một số nội dung sau:

- Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử, phân môn Địa lí và các chủ đề chung; mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng. Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và Địa lí; các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, bảo đảm kết thúc học kì I nội dung thực hiện của hai phân môn tương đương nhau. Việc phân công giáo viên thực hiện phù hợp với chuyên môn được đào tạo và điều kiện đội ngũ của nhà trường, bảo đảm thực hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt và tính chỉnh thể của môn học, không chia cắt cơ học nội dung môn học.

- Nội dung của từng phân môn được sắp xếp theo logic khoa học và có sự liên hệ, hỗ trợ giữa các mạch nội dung. Khi xây dựng kế hoạch dạy học, bảo đảm trình tự, tính hệ thống của các mạch nội dung trong từng phân môn và sự kết nối phù hợp giữa Lịch sử, Địa lí và các chủ đề chung; không đảo lộn nội dung làm ảnh hưởng đến logic của Chương trình.

- Chủ động, linh hoạt bố trí thời lượng dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt, đặc điểm nội dung, đối tượng học sinh và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường; không bắt buộc phân bổ số tiết môn học đồng đều giữa các tuần. Thời khóa biểu được xây dựng khoa học, ổn định, bảo đảm thực hiện đủ thời lượng Chương trình và phù hợp với phân công giáo viên.

- Tổng thời lượng môn Lịch sử và Địa lí ở mỗi lớp là 105 tiết/năm học, trong đó phân môn Lịch sử 53 tiết, phân môn Địa lí 52 tiết. Việc phân bổ thời lượng các mạch nội dung, chủ đề chung và đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập) thực hiện theo Chương trình môn Lịch sử và Địa lí được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Địa lí	52	52	52	52
Địa lí tự nhiên đại cương	44			

Địa lí các châu lục		40		
Địa lí tự nhiên Việt Nam			39	
Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam				41
Chủ đề chung		4	5	3
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8
Lịch sử	53	53	53	53
Thế giới	22	20	20	19
Việt Nam	23	22	21	21
Chủ đề chung		3	4	5
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8

- Căn cứ yêu cầu cần đạt của Chương trình và bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” được sử dụng thống nhất toàn quốc từ năm học 2026-2027 theo Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, tổ/nhóm chuyên môn xác định thời lượng thực hiện từng bài học/chủ đề phù hợp; ưu tiên thời gian cho những nội dung có yêu cầu vận dụng, thực hành, khai thác tư liệu, bản đồ, số liệu và tổ chức hoạt động học của học sinh. Không quy định cứng số tiết cho từng bài học nếu Chương trình không quy định.

- Kế hoạch dạy học cần dành thời lượng phù hợp cho thực hành, ôn tập, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động vận dụng; việc điều chỉnh kế hoạch trong quá trình thực hiện phải bảo đảm yêu cầu cần đạt và tổng thời lượng của Chương trình, được thống nhất trong tổ/nhóm chuyên môn và thực hiện theo quy định của nhà trường.

- Thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1621/SGDĐT-GDTrH ngày 28/5/2024 của Sở GDĐT Hà Nội; lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức lồng ghép phù hợp với yêu cầu cần đạt của bài học và khả năng nhận thức của học sinh, bảo đảm thiết thực, không làm tăng thời lượng môn học.

4.2.2. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; lựa chọn, sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt, nội dung bài học, đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Trong quá trình tổ chức dạy học cần lưu ý:

- Tổ chức các hoạt động học tập phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; chú trọng hướng dẫn học sinh quan sát, khai thác tư liệu, thu thập

và xử lý thông tin, phân tích, so sánh, giải thích, thực hành và vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết các nhiệm vụ học tập và những vấn đề thực tiễn phù hợp. Tăng cường hoạt động cá nhân kết hợp hợp lý với hoạt động nhóm; tạo cơ hội để học sinh trình bày, trao đổi, phản biện và tự đánh giá trong quá trình học tập.

- Đa dạng hóa hình thức và không gian tổ chức dạy học; kết hợp phù hợp giữa dạy học trên lớp với hoạt động thực hành, trải nghiệm, học tập tại di tích, di sản, bảo tàng, thực địa và các địa điểm có giá trị giáo dục. Khuyến khích tổ chức các nhiệm vụ, dự án học tập gắn với lịch sử, địa lý địa phương và những vấn đề thực tiễn phù hợp với nội dung Chương trình; bảo đảm mục tiêu giáo dục, an toàn, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của nhà trường và học sinh.

- Khai thác hiệu quả sách giáo khoa, thiết bị dạy học và các nguồn học liệu trong tổ chức hoạt động học; lựa chọn và sử dụng phù hợp bản đồ, Atlat, sử liệu, số liệu thống kê, tranh ảnh, mô hình, thiết bị, học liệu số và tài nguyên giáo dục mở. Tài liệu, tư liệu và dữ liệu bổ trợ ngoài sách giáo khoa phải có nguồn rõ ràng, bảo đảm tính khoa học, chính xác, cập nhật và phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình.

- Coi trọng việc hướng dẫn học sinh tự học và học tập ngoài nhà trường; giao nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu bài học và khả năng của học sinh, xác định rõ yêu cầu, cách thức thực hiện và sản phẩm học tập. Khuyến khích học sinh chủ động tìm kiếm, lựa chọn, xử lý thông tin, quan sát và tìm hiểu thực tiễn; tránh giao nhiệm vụ hình thức, quá tải hoặc yêu cầu học sinh thực hiện những nội dung vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học theo Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của Bộ GDĐT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tăng cường khai thác di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, di sản và các nguồn lực giáo dục của Thủ đô trong tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lý. Việc khai thác di sản có thể thực hiện tại thực địa hoặc thông qua tư liệu, hình ảnh, không gian số phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học.

- Thực hiện lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục theo quy định và hướng dẫn hiện hành, phù hợp với nội dung bài học và yêu cầu cần đạt của Chương trình; chú trọng các nội dung về giáo dục quốc phòng và an ninh, chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; giáo dục quyền con người, bình đẳng giới và các nội dung giáo dục có liên quan. Việc tích hợp phải bảo đảm tự nhiên, thiết thực, không làm thay đổi mục tiêu, nội dung và không làm tăng thời lượng của môn học.

4.2.3. Về kiểm tra, đánh giá

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh

giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 của Bộ GDĐT và Công văn số 249/SGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2025 của Sở GDĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT. Việc kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử và Địa lí cần lưu ý:

- Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn bằng các hình thức phù hợp; mỗi phân môn lựa chọn 02 điểm đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì. Nội dung, hình thức đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt và nội dung đã thực hiện của từng phân môn.

- Đánh giá định kì gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành hoặc dự án học tập. Nội dung đánh giá bảo đảm phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí và nội dung đã thực hiện tính đến thời điểm kiểm tra.

- + Đối với bài kiểm tra định kì trên giấy hoặc trên máy tính, đề kiểm tra được xây dựng theo ma trận, bản đặc tả; câu hỏi được thiết kế theo các mức độ Biết, Hiểu, Vận dụng, bảo đảm đánh giá đúng yêu cầu cần đạt của Chương trình. Ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH và Công văn số 249/SGDĐT-GDTrH.

- + Đề kiểm tra sử dụng kết hợp phù hợp các dạng thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận. Căn cứ yêu cầu cần đạt, nội dung đã thực hiện và đặc trưng của từng phân môn, tổ/nhóm chuyên môn thống nhất số lượng, dạng thức câu hỏi và tỉ lệ điểm phù hợp; tăng cường câu hỏi đánh giá khả năng phân tích, giải thích, so sánh, nhận xét và vận dụng kiến thức, kĩ năng; hạn chế câu hỏi chỉ yêu cầu ghi nhớ, tái hiện kiến thức.

- + Có thể xây dựng ma trận, bản đặc tả và tổ chức kiểm tra định kì chung hai phân môn hoặc theo từng phân môn. Khi kiểm tra chung, nội dung và tỉ lệ điểm của phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí được xác định phù hợp với thời lượng và nội dung đã thực hiện tính đến thời điểm kiểm tra. Khi tổ chức kiểm tra độc lập từng phân môn, bảo đảm nội dung, yêu cầu và kết quả đánh giá của hai phân môn được tổng hợp theo quy định đối với môn Lịch sử và Địa lí.

- + Thời gian làm bài kiểm tra định kì: từ 60 phút đến 90 phút khi tổ chức kiểm tra chung hai phân môn; 45 phút đối với mỗi phân môn khi tổ chức kiểm tra độc lập từng phân môn.

- + Nội dung câu hỏi, bài tập cần khai thác phù hợp đặc trưng của môn Lịch sử và Địa lí. Đối với phân môn Lịch sử, chú trọng sử dụng sử liệu, lược đồ, tranh ảnh, bảng niên biểu và các tư liệu lịch sử; đối với phân môn Địa lí, chú trọng sử dụng bản đồ, Atlat, biểu đồ, bảng số liệu, hình ảnh và dữ liệu địa lí. Tư liệu, số liệu sử dụng trong đề kiểm tra phải bảo đảm tính chính xác, khoa học, có nguồn tin cậy và phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập, giáo viên xác định rõ yêu cầu cần đạt, nhiệm vụ, sản phẩm và tiêu chí đánh giá; hướng dẫn và thông báo tiêu chí đánh giá cho học sinh trước khi thực hiện. Việc đánh giá bảo đảm phù hợp với đặc điểm của nhiệm vụ, chú trọng quá trình thực hiện và chất lượng sản phẩm học tập.

- Tổ/nhóm chuyên môn tăng cường xây dựng, bổ sung ngân hàng câu hỏi, bài tập theo yêu cầu cần đạt, mạch nội dung, mức độ tư duy và dạng thức câu hỏi; tổ chức trao đổi, thẩm định trong sinh hoạt chuyên môn. Khuyến khích xây dựng các câu hỏi khai thác tư liệu, dữ liệu và tình huống thực tiễn, góp phần đánh giá năng lực lịch sử, năng lực địa lí của học sinh.

- Đối với học sinh lớp 9, tổ/nhóm chuyên môn nghiên cứu, vận dụng Cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT theo Chương trình GDPT 2018 tại Thông báo số 2988/TB-SGDĐT ngày 28/8/2024 của Sở GDĐT trong xây dựng câu hỏi, bài tập và kiểm tra, đánh giá, giúp học sinh làm quen với các dạng thức câu hỏi phù hợp; bảo đảm việc dạy học, ôn tập và kiểm tra, đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình. Sau kiểm tra, tổ/nhóm chuyên môn phân tích kết quả theo từng phân môn, mạch nội dung và yêu cầu cần đạt, xác định những nội dung học sinh còn hạn chế để điều chỉnh hoạt động dạy học, ôn tập, củng cố và hỗ trợ học sinh phù hợp.

- Đối với công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và chuẩn bị cho Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên, các tổ/nhóm chuyên môn nghiên cứu cấu trúc, định dạng đề thi và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Sở GDĐT để xây dựng kế hoạch dạy học, bồi dưỡng phù hợp; chú trọng phát triển năng lực tư duy, phân tích, khai thác tư liệu và vận dụng kiến thức, không dạy học theo hướng luyện mẫu.

4.2.4. Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn

Tổ chức sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng thiết thực, hiệu quả, tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn trong quá trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; phù hợp với điều kiện đội ngũ, quy mô và tổ chức của cơ sở giáo dục sau sắp xếp. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng dẫn tại Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT. Trong quá trình thực hiện, lưu ý:

- Tăng cường phối hợp giữa giáo viên dạy phân môn Lịch sử và giáo viên dạy phân môn Địa lí trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, tổ chức dạy học các chủ đề chung, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động giáo dục có liên quan; đồng thời bảo đảm sinh hoạt chuyên môn theo từng phân môn, phù hợp với đặc trưng và yêu cầu dạy học của mỗi phân môn

- Đối với cơ sở giáo dục sau sắp xếp, tổ chức thống nhất sinh hoạt chuyên môn môn Lịch sử và Địa lí trong phạm vi toàn trường, bảo đảm sự tham gia, phối

hợp và hỗ trợ chuyên môn giữa giáo viên tại các địa điểm tổ chức dạy học. Thống nhất những nội dung chuyên môn cần thực hiện chung; đồng thời tổ chức linh hoạt sinh hoạt theo từng phân môn phù hợp với yêu cầu chuyên môn và điều kiện thực tế. Không duy trì sinh hoạt chuyên môn riêng biệt theo các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp.

- Nội dung sinh hoạt chuyên môn tập trung vào thực hiện yêu cầu cần đạt của Chương trình và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí; rà soát, điều chỉnh kế hoạch dạy học; trao đổi về thiết kế, tổ chức hoạt động học; khai thác sách giáo khoa, thiết bị dạy học, sử liệu, bản đồ, Atlat, số liệu và học liệu; xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, đề kiểm tra; phân tích kết quả học tập của học sinh để điều chỉnh hoạt động dạy học. Hạn chế sinh hoạt chuyên môn nặng về hành chính, báo cáo hoặc triển khai lại nội dung văn bản.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; lựa chọn bài học, chủ đề hoặc vấn đề chuyên môn để cùng xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức dạy học, dự giờ, phân tích hoạt động học và kết quả học tập của học sinh, từ đó điều chỉnh, hoàn thiện phương án dạy học. Việc dự giờ, phân tích bài học tập trung vào hoạt động học, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và sự tiến bộ của học sinh; không sử dụng bài dạy minh họa để đánh giá, xếp loại giờ dạy của giáo viên.

- Tổ chức linh hoạt sinh hoạt chuyên môn trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến; tăng cường sinh hoạt chuyên môn liên trường, theo cụm chuyên môn, nhất là đối với các đơn vị có ít giáo viên cùng phân môn. Phát huy vai trò của giáo viên cốt cán trong hỗ trợ chuyên môn, tổ chức chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng những cách làm hiệu quả trong dạy học.

- Tăng cường xây dựng, rà soát và chia sẻ học liệu, sản phẩm chuyên môn dùng chung; tập trung vào kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy, chuyên đề, hệ thống tư liệu, bản đồ, số liệu, câu hỏi, bài tập, ma trận, bản đặc tả và các sản phẩm có khả năng vận dụng, điều chỉnh trong thực tiễn dạy học. Học liệu dùng chung cần bảo đảm tính khoa học, chính xác, cập nhật và phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình.

4.2.5. Phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học

Tổ chức phát triển năng lực số cho học sinh và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí phù hợp với Khung năng lực số cho người học, Chương trình giáo dục phổ thông, đặc trưng môn học, lứa tuổi học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Việc sử dụng công nghệ số và AI phải hướng tới nâng cao chất lượng dạy học, phát triển năng lực học sinh, bảo đảm tính khoa học, chính xác, an toàn, đạo đức và trách nhiệm trong môi trường số. Trong quá trình thực hiện, lưu ý:

- Tích hợp phát triển năng lực số thông qua nội dung và hoạt động học tập của môn Lịch sử và Địa lí, không tổ chức thành nội dung tách rời hoặc làm tăng tải Chương trình. Lựa chọn các yêu cầu năng lực số phù hợp với từng bài học, chủ đề; chú trọng năng lực tìm kiếm, lựa chọn, khai thác và đánh giá thông tin, dữ liệu; tạo lập nội dung số; giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề trong môi trường số.

- Hướng dẫn học sinh tìm kiếm, khai thác, đối chiếu và đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin, tư liệu và dữ liệu số. Trong dạy học Lịch sử, tăng cường khai thác sử liệu số, thư viện số, bảo tàng, di sản số và các cơ sở dữ liệu có độ tin cậy; trong dạy học Địa lí, khai thác phù hợp bản đồ số, dữ liệu thống kê, dữ liệu không gian, hình ảnh viễn thám và các nguồn dữ liệu địa lí. Ưu tiên nguồn chính thống, có xuất xứ rõ ràng và thông tin, dữ liệu được cập nhật.

- Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ số và AI để hỗ trợ thiết kế hoạt động học, xây dựng và điều chỉnh học liệu, tạo tình huống học tập, xử lý dữ liệu, hỗ trợ kiểm tra, phản hồi và tổ chức hoạt động học phù hợp. Giáo viên chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định sản phẩm do công nghệ, AI hỗ trợ tạo ra trước khi sử dụng; không sử dụng thông tin, tư liệu, hình ảnh, bản đồ, số liệu hoặc nội dung do AI tạo sinh khi chưa được kiểm chứng.

- Hướng dẫn học sinh sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ học tập, biết xác định mục đích, đặt yêu cầu phù hợp, đối chiếu và kiểm chứng kết quả do AI cung cấp bằng sách giáo khoa, tài liệu chính thống và các nguồn tin cậy; biết nhận diện thông tin thiếu căn cứ, sai lệch hoặc không còn phù hợp. Chú trọng kiểm chứng sự kiện, nhân vật, niên đại, sử liệu đối với Lịch sử; địa danh, địa giới hành chính, bản đồ, số liệu và thông tin kinh tế - xã hội đối với Địa lí.

- Khi giao nhiệm vụ học tập có sử dụng AI, giáo viên quy định rõ phạm vi và cách thức được phép sử dụng; chú trọng đánh giá quá trình tìm kiếm, lựa chọn nguồn, xử lý thông tin, lập luận và hình thành sản phẩm của học sinh, không chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng. Hướng dẫn học sinh trích dẫn nguồn, ghi nhận việc sử dụng AI khi phù hợp; không sử dụng AI để thay thế tư duy, thực hiện toàn bộ nhiệm vụ học tập hoặc gian lận trong kiểm tra, đánh giá.

- Giáo dục học sinh thực hiện an toàn, đạo đức và trách nhiệm số; tôn trọng bản quyền, quyền tác giả; bảo vệ dữ liệu cá nhân; có trách nhiệm khi tạo lập, sử dụng và chia sẻ nội dung số; không tạo, sử dụng hoặc phát tán thông tin sai lệch, xuyên tạc nội dung lịch sử, địa lí.

- Tổ/nhóm chuyên môn lựa chọn, chia sẻ nguồn dữ liệu, học liệu số, công cụ số và các tình huống ứng dụng AI phù hợp với môn học; trao đổi kinh nghiệm thiết kế nhiệm vụ học tập phát triển năng lực số, sử dụng AI; thường xuyên rà soát tính khoa học, độ chính xác, tính cập nhật và hiệu quả của các nguồn học liệu, công cụ được sử dụng.

4.3. Yêu cầu cụ thể từng phân môn

4.3.1. Phân môn Lịch sử

- Mạch nội dung của phân môn Lịch sử được sắp xếp theo logic thời gian lịch sử từ thời nguyên thủy, qua cổ đại, trung đại, đến cận đại và hiện đại. Trong từng thời kì, không gian lịch sử được tái hiện từ lịch sử thế giới, khu vực đến Việt Nam để đối chiếu, lí giải, làm sáng rõ những vấn đề lịch sử. Vì vậy không đảo phần lịch sử Việt Nam dạy trước phần lịch sử thế giới.

- Cần tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với các hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực phẩm chất HS trong học tập lịch sử.

- Đối với kiểm tra đánh giá nội dung Lịch sử, tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện, ngày tháng, địa điểm, số liệu... một cách máy móc.

4.3.2. Phân môn Địa lí

Nội dung phân môn Địa lí được xây dựng theo logic từ Địa lí tự nhiên đại cương ở lớp 6, Địa lí các châu lục ở lớp 7, Địa lí tự nhiên Việt Nam ở lớp 8 đến Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam ở lớp 9; bảo đảm tính hệ thống, kế thừa và phát triển kiến thức, kĩ năng qua các lớp. Trong quá trình tổ chức dạy học, cần lưu ý các yêu cầu sau:

- Bảo đảm tính hệ thống và sự phát triển của kiến thức địa lí. Hình thành cho học sinh biểu tượng, khái niệm, quy luật và các mối quan hệ địa lí phù hợp với yêu cầu cần đạt của từng lớp. Việc hình thành kiến thức địa lí cần có sự kế thừa và phát triển qua các bài học, chủ đề và lớp học; khai thác kiến thức, kinh nghiệm đã có của học sinh để hình thành kiến thức mới; tránh yêu cầu ghi nhớ máy móc hoặc mở rộng kiến thức vượt quá yêu cầu của Chương trình.

- Phát triển năng lực địa lí thông qua rèn luyện tư duy địa lí. Tổ chức cho học sinh quan sát, xác định vị trí, nhận biết và phân tích sự phân bố; so sánh, giải thích các đối tượng, hiện tượng, quá trình địa lí; xác lập mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, giữa tự nhiên với kinh tế - xã hội và giữa các thành phần kinh tế - xã hội. Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với yêu cầu cần đạt, tạo cơ hội để học sinh vận dụng các thao tác tư duy địa lí, góp phần phát triển các thành phần năng lực nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; hạn chế yêu cầu chỉ ghi nhớ, tái hiện kiến thức.

- Tăng cường sử dụng bản đồ, Atlat và các phương tiện trực quan đặc trưng của Địa lí. Tổ chức cho học sinh khai thác bản đồ, lược đồ, Atlat, sơ đồ, hình ảnh

và các phương tiện địa lí để tìm kiếm, phân tích và hình thành kiến thức, không chỉ sử dụng để minh họa nội dung bài học. Rèn luyện cho học sinh kĩ năng xác định vị trí, phạm vi, phương hướng, khoảng cách, đọc kí hiệu, nhận xét sự phân bố; kết hợp các nguồn thông tin để phát hiện và giải thích các mối quan hệ địa lí. Trong kiểm tra, đánh giá, tăng cường sử dụng bản đồ, lược đồ, sơ đồ, hình ảnh và các ngữ liệu địa lí phù hợp để đánh giá năng lực học sinh theo yêu cầu cần đạt của Chương trình.

- Tăng cường khai thác, xử lí và phân tích số liệu địa lí. Hướng dẫn học sinh đọc bảng số liệu, lựa chọn và xử lí thông tin, thực hiện các phép tính cần thiết, lựa chọn dạng biểu đồ phù hợp; nhận xét, so sánh, phân tích xu hướng, cơ cấu, sự thay đổi và mối quan hệ giữa các đại lượng. Trong dạy học và kiểm tra, đánh giá, chú trọng yêu cầu học sinh khai thác số liệu, biểu đồ để phân tích, giải thích và rút ra kết luận địa lí; không dừng ở thao tác tính toán, vẽ biểu đồ, mô tả hoặc tái hiện thông tin. Số liệu, biểu đồ sử dụng trong dạy học và kiểm tra, đánh giá phải bảo đảm tính khoa học, chính xác, rõ ràng và phù hợp với yêu cầu cần đạt.

- Tăng cường thực hành, trải nghiệm và vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn. Thực hiện đầy đủ các nội dung thực hành theo Chương trình; tổ chức các nhiệm vụ quan sát, điều tra, khảo sát, thu thập và xử lí thông tin phù hợp với điều kiện thực tế. Gắn nội dung dạy học với các vấn đề tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội và môi trường của địa phương; khai thác Hà Nội như một không gian học tập địa lí, tạo cơ hội để học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để nhận diện, giải thích và đề xuất cách giải quyết những vấn đề thực tiễn phù hợp với lứa tuổi.

- Bảo đảm tính chính xác, cập nhật của thông tin, bản đồ và dữ liệu địa lí. Thực hiện nội dung phân môn Địa lí theo Chương trình đã được sửa đổi, bổ sung và sách giáo khoa sử dụng theo quy định. rà soát việc sử dụng địa danh, đơn vị hành chính, bản đồ, diện tích, dân số, số liệu và thông tin kinh tế - xã hội, nhất là đối với nội dung Địa lí Việt Nam ở lớp 8, lớp 9. Đối với bản đồ, số liệu và thông tin phản ánh một thời điểm hoặc giai đoạn cụ thể, cần đặt trong đúng bối cảnh không gian và thời gian, không thay thế cơ học bằng địa danh, đơn vị hành chính hoặc số liệu hiện hành. Đối với nội dung phản ánh hiện trạng, sử dụng tên gọi, đơn vị hành chính và dữ liệu được cập nhật theo quy định. Thông tin, dữ liệu ngoài sách giáo khoa cần ưu tiên nguồn chính thống, xác định rõ nguồn và thời điểm của dữ liệu, bảo đảm tính tương thích khi sử dụng và so sánh.

- Khai thác phù hợp công nghệ số và dữ liệu địa lí số. Tăng cường sử dụng bản đồ số, dữ liệu thống kê, hình ảnh vệ tinh, dữ liệu không gian và các nguồn thông tin địa lí tin cậy phù hợp với nội dung dạy học; hướng dẫn học sinh tìm kiếm, lựa chọn, đối chiếu và kiểm chứng thông tin, dữ liệu. Khi sử dụng trí tuệ nhân tạo, cần kiểm chứng địa danh, địa giới hành chính, bản đồ, số liệu, nguồn dữ liệu và các nhận định địa lí trước khi sử dụng trong dạy học và sản phẩm học tập.

- Thực hiện tích hợp phù hợp với đặc trưng phân môn. Phát huy thế mạnh của Địa lí trong giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí tài nguyên và năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; giáo dục chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo, quốc phòng, an ninh và các nội dung giáo dục có liên quan. Xác định đúng địa chỉ, nội dung và mức độ tích hợp theo yêu cầu cần đạt; bảo đảm tự nhiên, thiết thực, không làm tăng thời lượng hoặc gây quá tải nội dung.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn môn Lịch sử và Địa lí năm học 2026-2027. Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục chỉ đạo tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện Chương trình. Tổ chuyên môn cụ thể hóa các nội dung hướng dẫn trong kế hoạch giáo dục của tổ, tổ chức sinh hoạt chuyên môn và tăng cường phối hợp giữa giáo viên dạy phân môn Lịch sử và giáo viên dạy phân môn Địa lí. Giáo viên chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá phù hợp; bảo đảm thực hiện Chương trình và phát huy năng lực, sở trường của học sinh.

Trong quá trình thực hiện, các vấn đề chuyên môn cần trao đổi được gửi về Phòng Giáo dục trung học, Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Môn Nghệ thuật

5.1. Định hướng chung

- Tiếp tục thực hiện Chương trình môn Nghệ thuật gồm nội dung Mĩ thuật và nội dung Âm nhạc. Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng nội dung Mĩ thuật và nội dung Âm nhạc; các nội dung được bố trí dạy học đồng thời bảo đảm tương đương về thời lượng trong từng học kì phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

- Trong môn Nghệ thuật, mỗi nội dung chọn 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong từng học kì; khuyến khích thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Bài kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm 2 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét; kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì được đánh giá mức Đạt khi cả 2 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được đánh giá mức Đạt.

- Sở GDĐT giao quyền chủ động cho các trường THCS xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục bộ môn theo định hướng phát triển năng lực HS theo khung thời gian quy định; có đủ thời lượng cho luyện tập, ôn tập, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Kế hoạch dạy học của tổ/nhóm chuyên môn, của giáo viên phải được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện, báo cáo UBND xã, phường và là căn cứ để kiểm tra, giám sát, nhận xét, góp ý trong quá trình thực hiện.

- Các Phòng Văn hóa - Xã hội rà soát điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nội dung Âm nhạc tại các trường THCS trên địa bàn; tham mưu đầu tư, bổ sung thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS, bảo đảm 100% các trường có đủ điều kiện triển khai mạch nội dung nhạc cụ (giai điệu) theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, góp phần thực hiện mục tiêu của ngành Giáo dục Thủ đô là từng bước để mỗi học sinh sau khi hoàn thành bậc học phổ thông biết chơi ít nhất một loại nhạc cụ.

- Thực hiện tốt việc sử dụng Di sản văn hóa trong dạy học theo Hướng dẫn số 73/HDBGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, khai thác triệt để những di sản văn hóa, nghệ thuật tại địa phương, lồng ghép vào nội dung dạy học của môn học.

5.2. Nhiệm vụ cụ thể

5.2.1. Nội dung Âm nhạc

a) Thực hiện qui chế chuyên môn

- Thực hiện Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 7/8/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 cấp THCS của Sở GDĐT.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình GDPT 2018) nội dung Âm nhạc ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT đảm bảo hoàn thành chương trình năm học đáp ứng yêu cầu về chất lượng giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện Công văn số 4659/SGDĐT GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Kế hoạch dạy học được xây dựng bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018, được linh hoạt điều chỉnh sao cho phù hợp với đặc thù dạy và học Nội dung Âm nhạc (tránh áp dụng gượng ép). Các phụ lục kèm theo Công văn được dùng để tham khảo. Các tổ nhóm chuyên môn/giáo viên tiếp tục chủ động xây dựng, lựa chọn vận dụng các kiến thức trong hoặc ngoài bộ sách giáo khoa nhà trường đang giảng dạy để xây dựng các chủ đề, hoạt động, hiệu quả, phong phú, đa dạng phù hợp đặc thù của môn Âm nhạc, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng học tập của học sinh.

- Tiếp tục thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/1/2025 quy định khung năng lực số cho người học; Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 quy định khung năng lực số đối với giáo viên và cán bộ quản lý, trong việc tích hợp kỹ năng số, công nghệ vào chương trình và kế hoạch dạy học. Chú

trọng triển khai hiệu quả công tác chuyển đổi số, năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học Mỹ thuật phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GDĐT, Công văn số 1261/SGDĐT-GDTrH ngày 28/5/2024 về việc lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản, trong dạy học Âm nhạc. Tích hợp vận dụng kiến thức liên môn đối với những kiến thức giao thoa giữa các môn học, tạo thuận lợi cho việc thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập của học sinh theo phương pháp kỹ thuật và dạy học tích cực, trong đó các nhiệm vụ học tập có thể giao học sinh thực hiện. Rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại địa phương, cơ sở giáo dục.

b) Thực hiện công tác dạy học

- Xây dựng Kế hoạch dạy học theo khung thời gian năm học học, đảm bảo thời gian kết thúc học kỳ I, kết thúc năm học thống nhất toàn thành phố theo Khung kế hoạch thời gian năm học áp dụng năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn Hà Nội.

- Chủ động xây dựng Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc theo đúng quy định tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Chính phủ về việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh; đồng thời thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 (thực hiện đối với các trường có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, nhân sự, kế hoạch phải được cụ thể hóa các nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh được tổ chức học 2 buổi/ngày). Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cần đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, trong đó đặc biệt chú trọng đến các hoạt động giáo dục Đức - Trí - Thể - Mỹ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển toàn diện học sinh Thủ đô, bám sát định hướng của Trung ương về việc tăng cường phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật; phấn đấu để mỗi học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông có thể chơi được ít nhất một loại nhạc cụ.

- Chủ động đề xuất với lãnh đạo nhà trường và các cấp quản lý trong việc lựa chọn nhạc cụ giai điệu để phục vụ nội dung dạy học (nếu có đủ điều kiện tổ chức); việc lựa chọn cần căn cứ vào điều kiện thực tế địa phương và trình độ chuyên môn của giáo viên nhằm đảm bảo triển khai hiệu quả mạch nội dung Nhạc cụ giai điệu trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục giáo dục, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của Lễ chào cờ Tổ quốc; hướng dẫn học sinh hát Quốc ca đúng nhạc, đúng lời hát tại Lễ chào cờ đầu tuần theo nghi thức, thể hiện lòng tự hào dân tộc của tuổi trẻ Việt Nam.

- Từ năm học 2026-2027, triển khai tinh thần Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT của Bộ GDĐT về tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông; trên cơ sở bảo đảm thực hiện đầy đủ Chương trình GDPT 2018, các nhà trường tạo điều kiện để học sinh được lựa chọn, tham gia và duy trì thực hành âm nhạc thường xuyên, phù hợp với sở thích, năng lực và điều kiện thực tế; không làm tăng tải, không thay thế thời lượng học chính khóa và không tạo áp lực đối với học sinh.

- Tăng cường tổ chức hoạt động thực hành âm nhạc, coi thực hành là trọng tâm trong quá trình hình thành và phát triển năng lực âm nhạc. Giáo viên cần dành thời lượng hợp lý cho học sinh hát, nghe nhạc, đọc nhạc, vận động theo nhạc, biểu diễn và đặc biệt là thực hành nhạc cụ; hạn chế dạy học thiên về ghi nhớ kiến thức lý thuyết, bảo đảm học sinh được trực tiếp trải nghiệm, luyện tập và xây dựng các sản phẩm âm nhạc.

- Đối với nội dung Nhạc cụ, các trường căn cứ điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và thiết bị để lựa chọn nhạc cụ phù hợp, ưu tiên những nhạc cụ giai điệu có tính phổ cập, thuận lợi cho tổ chức dạy học theo lớp và có khả năng duy trì thực hành lâu dài như sáo recorder, kèn phím (melodica), đàn oorgan, ghi ta, sáo trúc, đàn tranh,... và các loại nhạc cụ gõ. Việc lựa chọn nhạc cụ phải bảo đảm phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình Âm nhạc, an toàn, vệ sinh, vừa sức với học sinh và khả năng hướng dẫn của giáo viên.

- Phát huy kết quả các lớp tập huấn nhạc cụ của Thành phố: giáo viên đã được tập huấn cần chủ động duy trì luyện tập cá nhân, tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ học liệu, xây dựng bài dạy minh họa, thống nhất kỹ thuật cơ bản và phương pháp tổ chức lớp học nhạc cụ; từng bước đưa nội dung nhạc cụ phù hợp vào hoạt động dạy học, câu lạc bộ và hoạt động nghệ thuật của nhà trường theo điều kiện thực tế.

- Xây dựng lộ trình rèn luyện nhạc cụ có tính kế thừa giữa các khối lớp: các lớp tiếp theo tăng dần yêu cầu phối hợp, hòa tấu, biểu diễn theo nhóm, đệm hát và sáng tạo; khuyến khích học sinh hình thành thói quen tự luyện tập ở nhà, có sản phẩm hoặc nhật ký luyện tập phù hợp. Hướng tới mục tiêu mỗi học sinh khi hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông có thể chơi được ít nhất 01 nhạc cụ phù hợp với sở thích và năng lực, góp phần hình thành thói quen thực hành nghệ thuật thường xuyên, lâu dài.

- Khuyến khích thành lập, duy trì và phát triển các câu lạc bộ âm nhạc, đội hợp xướng, ban nhạc học sinh, câu lạc bộ nhạc cụ phương Tây, nhạc cụ dân tộc; tổ chức giao lưu, liên hoan, biểu diễn theo chủ đề, ngày hội nghệ thuật, hoạt động

chào mừng các ngày lễ lớn và hoạt động phục vụ cộng đồng. Nội dung tổ chức cần có tính giáo dục, phù hợp lứa tuổi, ưu tiên khai thác âm nhạc truyền thống, dân ca, tác phẩm về Hà Nội và di sản văn hóa âm nhạc của địa phương.

- Tăng cường phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu âm nhạc; tạo điều kiện để học sinh được tham gia biểu diễn, giao lưu, các sân chơi nghệ thuật phù hợp; phối hợp với các cơ sở đào tạo, thiết chế văn hóa, nghệ sĩ, giảng viên, chuyên gia có chuyên môn để hỗ trợ hoạt động giáo dục nhưng phải bảo đảm nhà trường giữ vai trò chủ trì, kiểm soát nội dung chuyên môn và an toàn cho học sinh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong dạy học Âm nhạc: khai thác kho học liệu số, bản thu mẫu, phần mềm luyện tiết tấu - cao độ, công cụ thu âm và biên tập âm thanh ở mức phù hợp; hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ để nghe, luyện tập, tự đánh giá và sáng tạo sản phẩm âm nhạc. Việc sử dụng AI và nền tảng số phải có mục đích sư phạm rõ ràng, tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và không thay thế hoạt động thực hành trực tiếp của học sinh.

- Việc ghi nhận kết quả tham gia phong trào thực hành âm nhạc tập trung vào mức độ tích cực, ý thức luyện tập, sự tiến bộ, tinh thần hợp tác và khả năng duy trì thói quen; không kiểm tra, cho điểm hoặc xếp loại như một yêu cầu ngoài Chương trình GDPT, không làm phát sinh hồ sơ, sổ sách không cần thiết.

c) Kiểm tra, đánh giá

- Tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về quy định đánh giá học sinh THCS, Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo giáo viên giảng dạy môn Nghệ thuật (nội dung Âm nhạc, nội dung Mĩ thuật) sinh hoạt chuyên môn, phối hợp chặt chẽ để xây dựng kế hoạch, nhập kết quả học tập trên hệ thống, sổ sách. Kết quả học tập của học sinh được xây dựng riêng biệt dựa trên tiêu chí kiểm tra đánh giá, yêu cầu cần đạt của Chương trình Âm nhạc, chương trình Mĩ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT.

- Giáo viên dạy Nội dung Âm nhạc và Nội dung Mĩ thuật căn cứ trên kết quả đánh giá độc lập để đối chiếu, thống nhất kết đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì theo Thông tư số 22 cụ thể:

- Hình thức đánh giá: quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 5.

- Đánh giá thường xuyên: quy định tại khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 6. Lưu ý: Nội dung Âm nhạc thực hiện đánh giá riêng biệt bằng nhận xét, cập nhật kết quả học tập của học sinh độc lập 01 lần/1 học kì.

- Đánh giá định kì: quy định tại khoản 1, 2, 4, 5 Điều 7. Lưu ý: Nội dung Âm nhạc được thực hiện đánh giá riêng biệt bằng nhận xét. Việc cập nhật kết quả học tập của học sinh phải là sự thống nhất 01 lần đánh giá giữa kì và 01 lần đánh giá cuối kì của giáo viên Âm nhạc và Mĩ thuật.

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh: quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9.

- Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh: Giáo viên căn cứ trên kết quả học tập, rèn luyện, để đánh giá, ghi nhận xét đối với những học sinh có năng khiếu nổi bật (hỗ trợ cho việc định hướng nghề nghiệp trong tương lai).

d) Công tác bồi dưỡng

- Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chuyên môn Âm nhạc trên địa bàn các xã, phường; xây dựng kế hoạch chuyên môn, tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ tối thiểu 1 lần trong 1 học kỳ. Nội dung sinh hoạt đảm bảo chất lượng, giáo viên được trao đổi chuyên môn theo nhóm hoặc cụm xã phường (cập nhật theo văn bản chia cụm xã, phường của thành phố sẽ gửi đến các đơn vị).

- Thực hiện hiệu quả Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong nghiên cứu chương trình, xây dựng kế hoạch bài dạy, chia sẻ học liệu, trao đổi kinh nghiệm, phân tích kết quả học tập của học sinh và hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Đối với đội ngũ giáo viên đã tham gia tập huấn nhạc cụ của Thành phố, tổ/nhóm chuyên môn cần xây dựng kế hoạch duy trì năng lực sau tập huấn, phân công giáo viên nòng cốt hỗ trợ đồng nghiệp, tổ chức tối thiểu các buổi thực hành theo cụm/trường, chia sẻ video kỹ thuật và học liệu; khuyến khích xây dựng tiết dạy minh họa về sáo recorder, kèn phím, hòa tấu và tổ chức hoạt động câu lạc bộ để chuyển hóa kết quả tập huấn thành năng lực thực hành thực chất của giáo viên và học sinh.

5.2.2. Nội dung Mỹ thuật

a) Thực hiện qui chế chuyên môn

- Thực hiện công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2026-2027; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 cấp THCS của Sở GD&ĐT.

- Tiếp tục Thực hiện Chương trình Mỹ thuật trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018 ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở chương trình, SGK, các trường chủ động điều chỉnh xây dựng kế hoạch giáo dục nội dung Mỹ thuật phù hợp với thực tế nhà trường, khả năng học tập của học sinh, tạo thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục môn học, phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, phát huy năng lực của học sinh đối với môn học môn học đặc thù mang tính năng khiếu.

- Tiếp tục thực hiện Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GD&ĐT, Công văn số 1261/SGDĐT-GDTrH ngày 28/5/2024 về việc lồng ghép

nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Tiếp tục thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/1/2025 quy định khung năng lực số cho người học; Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 quy định khung năng lực số đối với giáo viên và cán bộ quản lý, trong việc tích hợp kỹ năng số, công nghệ vào chương trình và kế hoạch dạy học. Chú trọng triển khai hiệu quả công tác chuyển đổi số, năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học Mỹ thuật phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản, trong dạy học Mỹ thuật. Tích hợp vận dụng kiến thức liên môn đối với những kiến thức giao thoa giữa các môn học, tạo thuận lợi cho việc thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập của học sinh.

- Các trường chủ động chỉ đạo, giám sát giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục bám sát yêu cầu cần đạt theo Chương trình Mỹ thuật 2018. Khuyến khích GV đọc tham khảo những SGK khác với SGK Mỹ thuật đã được lựa chọn để giảng dạy hiệu quả hơn cho HS.

b) Thực hiện công tác dạy học

- Nghiêm túc chỉ đạo triển khai thực hiện giảng dạy Mỹ thuật theo chương trình GDPT 2018 các khối lớp ở tất cả các trường THCS. Các trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nội dung Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực HS theo khung thời gian quy định mỗi nội dung 35 tiết được tiến hành đồng thời trong cả năm học; có đủ thời lượng cho luyện tập, ôn tập, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện linh hoạt kế hoạch giáo dục nội dung Mỹ thuật theo tinh thần Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT, Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT. Các phụ lục kèm theo Công văn này được sử dụng tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án); kế hoạch bài học được xây dựng cho mỗi chủ đề và các bài học trong chủ đề phải xác định rõ mục tiêu cần đạt được cụ thể cho cả chủ đề, và ở mỗi bài học trong chủ đề; các hoạt động trong mỗi bài học phải đảm bảo tính đặc thù của môn học và phù hợp với thực tế địa phương, nhà trường.

- Chủ động xây dựng Kế hoạch dạy học Mỹ thuật theo quy định tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Chính phủ về việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh; đồng thời thực hiện theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 (với những trường đủ điều

kiện về cơ sở vật chất, giáo viên và các nguồn lực khác đảm bảo cho hoạt động dạy học hiệu quả).

Chủ động khai thác triệt để những di sản văn hóa, nghệ thuật tại địa phương, lồng ghép, tích hợp vào nội dung dạy học ở các chủ đề của môn học phù hợp với thực tế nhà trường, học sinh một cách hiệu quả nhất.

- Triển khai tinh thần Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT của Bộ GDĐT, tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành nghệ thuật để học sinh được lựa chọn và duy trì ít nhất 01 loại hình nghệ thuật phù hợp; đối với Mĩ thuật, chú trọng tạo cơ hội cho học sinh thực hành thường xuyên, hình thành năng lực quan sát, cảm thụ thẩm mĩ, thể hiện ý tưởng, sáng tạo sản phẩm và biết vận dụng mĩ thuật trong đời sống.

- Tổ chức dạy học theo hướng tăng thời lượng và chất lượng hoạt động thực hành, trải nghiệm; mỗi chủ đề cần tạo điều kiện để học sinh quan sát - khám phá - hình thành ý tưởng - lựa chọn chất liệu/kĩ thuật - thực hành sáng tạo - trưng bày, chia sẻ và tự đánh giá sản phẩm. Hạn chế áp đặt một mẫu sản phẩm chung; tôn trọng sự khác biệt, ý tưởng cá nhân và quá trình sáng tạo của học sinh, phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình Mĩ thuật 2018.

- Đa dạng hóa loại hình và chất liệu thực hành: hội họa, đồ họa, điêu khắc, thiết kế, thủ công, nhiếp ảnh, nghệ thuật sắp đặt và các hình thức phù hợp khác; khuyến khích khai thác vật liệu sẵn có, vật liệu tái sử dụng, chất liệu địa phương và công nghệ số. Việc sử dụng vật liệu, dụng cụ phải bảo đảm an toàn, tiết kiệm, thân thiện với môi trường; không đặt ra yêu cầu mua sắm gây áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh.

- Tăng cường khai thác di sản văn hóa, mĩ thuật truyền thống và không gian văn hóa của địa phương và Thủ đô trong dạy học: tổ chức chủ đề tìm hiểu kiến trúc, điêu khắc, tranh dân gian, làng nghề, bảo tàng, di tích, mĩ thuật ứng dụng và các giá trị văn hóa của Hà Nội; khuyến khích học sinh thực hiện kí họa, thiết kế, dự án mĩ thuật gắn với bảo tồn, quảng bá di sản và xây dựng môi trường học đường xanh - đẹp - văn minh. Tận dụng tối đa không gian học tập ngoài lớp học.

- Khuyến khích tổ chức các dự án nghệ thuật liên môn và hoạt động phục vụ cộng đồng như thiết kế sản phẩm truyền thông, tranh cổ động, trang trí không gian trường học, dự án về môi trường, an toàn giao thông, văn hóa ứng xử, lịch sử - di sản địa phương; bảo đảm mục tiêu giáo dục, phù hợp lứa tuổi và không thương mại hóa hoạt động của học sinh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong Mĩ thuật như thiết kế đồ họa, nhiếp ảnh, tạo hình và trình bày sản phẩm số ở mức phù hợp; giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết nguyên tắc bản quyền hình ảnh, trích dẫn nguồn, sử dụng AI có trách nhiệm, phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ, phân biệt sản

phẩm do cá nhân sáng tạo với sản phẩm có hỗ trợ công nghệ và coi trọng quá trình hình thành ý tưởng, kỹ năng thực hành của học sinh.

- Phát triển các câu lạc bộ Mĩ thuật, thiết kế, nhiếp ảnh, thủ công, sáng tạo nghệ thuật; tổ chức không gian trưng bày thường xuyên tại lớp học, thư viện, hành lang, khu sinh hoạt chung hoặc trên nền tảng số; định kỳ tổ chức triển lãm, ngày hội nghệ thuật, giao lưu giữa các lớp/trường để học sinh có cơ hội giới thiệu sản phẩm, thuyết minh ý tưởng, học hỏi và phát triển năng khiếu. Mở rộng không gian tạo hình cho học sinh (không chỉ dừng lại ở vẽ trên giấy mà mở rộng ra thiết kế, tạo hình 3D, ứng dụng chất liệu tái chế, nghệ thuật không gian...).

- Đối với học sinh có năng khiếu, nhà trường chủ động phát hiện, bồi dưỡng và tạo cơ hội tham gia các cuộc thi, triển lãm, giao lưu phù hợp; có thể phối hợp với bảo tàng, nhà văn hóa, trường nghệ thuật, nghệ sĩ, giảng viên và chuyên gia để hỗ trợ chuyên môn, bảo đảm chất lượng, an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật.

c) Kiểm tra, đánh giá

- Tiếp tục thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS; đảm bảo học sinh được đánh giá thường xuyên trong cả quá trình học tập, tham gia vào mọi hoạt động của môn học; việc đánh giá học sinh phải đảm bảo ghi nhận được những nỗ lực và kết quả học tập của học sinh trong suốt quá trình tham gia học tập với nội dung môn học đòi hỏi năng khiếu.

- Tiêu chí đánh giá kết quả học tập của học sinh phải được căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng bộ môn, bám sát mục tiêu bài học và phù hợp với đối tượng học sinh, đồng thời quan tâm tới ý thức học tập, sự tham gia của học sinh vào quá trình học tập đối với bộ môn. Tuyệt đối không đưa ra những yêu cầu quá cao về kỹ năng, vượt quá khả năng của đa số học sinh, dễ dẫn đến sự sai lệch trong đánh giá.

- Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học; đánh giá qua bài thuyết trình (tự đánh giá, nhận xét, giới thiệu sản phẩm ...).

- Mỗi nội dung (Âm nhạc, Mĩ thuật) 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong một học kỳ; các lần đánh giá định kỳ thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét theo hướng dẫn tại Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT.

d) Công tác bồi dưỡng

- Tiếp tục rà soát, bổ sung đội ngũ giáo viên cốt cán; triển khai bồi dưỡng chuyên đề theo phương thức bồi dưỡng trực tiếp, qua mạng thường xuyên, liên tục; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm nhằm

nâng cao năng lực nghề nghiệp, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, phát hiện kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo thẩm quyền. Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- *Tổ chức sinh hoạt chuyên môn (toàn địa bàn xã, phường) mỗi học kì tối thiểu 01 lần.* Nội dung sinh hoạt đảm bảo giáo viên được trao đổi *chuyên môn chuyên môn* theo chuyên đề, tạo điều kiện để giáo viên được dự giờ, chia sẻ nội dung, phương pháp để giáo viên có cơ hội trao đổi sâu về chuyên môn, nghiệp vụ và giao lưu học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn Mĩ thuật theo hướng nghiên cứu bài học và thực hành chuyên đề; ưu tiên các nội dung về tổ chức hoạt động sáng tạo, sử dụng vật liệu an toàn - tiết kiệm, khai thác di sản và không gian văn hóa Hà Nội, tổ chức triển lãm học sinh, xây dựng rubric/tiêu chí đánh giá sản phẩm và ứng dụng công nghệ số trong dạy học Mĩ thuật.

- Các Nhà trường chủ động phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa (SGK) được lựa chọn để tổ chức tập huấn cho giáo viên về SGK mới, bảo đảm tập huấn cho 100% giáo viên dạy học các khối lớp theo Chương trình GDPT 2018.

- Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động nghệ thuật, cuộc thi vẽ tranh hưởng ứng phong trào thi đua, thực hiện bảo vệ môi trường, an toàn giao thông...tạo sân chơi nghệ thuật, bổ ích, góp phần làm phong phú các hoạt động giáo dục hiệu quả trong nhà trường; tạo điều kiện để học sinh được tham dự các cuộc thi và triển lãm tranh vẽ của thiếu nhi do các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài ngành phát động.

- Khuyến khích nhà trường, giáo viên tổ chức các câu lạc bộ Mĩ thuật, lớp vẽ ngoài giờ cho học sinh được tham gia hoạt động và tạo cơ hội phát triển năng khiếu.

6. Môn Giáo dục công dân

6.1. Xây dựng kế hoạch xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch bài dạy (giáo án) của giáo viên

6.1.1. Các căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học

Các nhà trường, tổ nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học môn GDCD phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT 2018; thực hiện linh hoạt hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội:

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức

thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Phụ lục kèm theo các Công văn này được sử dụng để tham khảo).

6.1.2. Xây dựng kế hoạch dạy học

- Các nhà trường chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo khung thời gian quy định và theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội; Thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và tổ chức kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hoàn thành chương trình năm học.

- Kế hoạch dạy học môn GDCD phải được trao đổi, thống nhất trong tổ/nhóm chuyên môn, được Hiệu trưởng phê duyệt, báo cáo UBND xã, phường. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên phải dựa trên kế hoạch này.

- Chương trình GDPT 2018 được xây dựng theo hướng mở, trong đó quy định tổng số tiết trong một năm học cho mỗi môn học, hoạt động giáo dục. Nhà trường chủ động bố trí thời gian triển khai kế hoạch giáo dục các môn học trong năm học bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh.

- Xây dựng kế hoạch dạy học môn GDCD bám sát yêu cầu cần đạt theo Chương trình GDPT 2018.

- Xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn: Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình môn học đã được Hiệu trưởng phê duyệt, các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ/ nhóm chuyên môn, bao gồm:

+ Kế hoạch dạy học các môn học (tham khảo theo khung Kế hoạch dạy học môn học tại Phụ lục I - Công văn 5512, 4659).

+ Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (tham khảo theo khung Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục tại Phụ lục II - Công văn 5512, 4659).

Đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục, đơn vị được giao chủ trì hoạt động nào xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức hoạt động đó, bao gồm các thành phần cơ bản sau: mục đích, yêu cầu; nội dung, hình thức và chương trình tổ chức hoạt động; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động đối với các đối tượng tham gia; thời gian và địa điểm tổ chức; nguồn lực được huy động để tổ chức thực hiện.

- *Xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên và Kế hoạch bài dạy (giáo án)*

Căn cứ vào Kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn, giáo viên được phân công dạy học môn học ở các khối lớp xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên trong năm học (tham khảo theo khung Kế hoạch giáo dục của giáo viên tại Phụ lục III); trên cơ sở đó xây dựng các Kế hoạch bài dạy (giáo án) để tổ chức dạy học (tham khảo theo khung Kế hoạch bài dạy tại Phụ lục IV).

+ Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) của giáo viên bảo đảm các yêu cầu về: *Mục tiêu (kiến thức, năng lực, phẩm chất); Thiết bị dạy học và học liệu; Tiến trình dạy học.*

+ Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành 04 hoạt động học gồm: *Mở đầu, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng.* Mỗi hoạt động học bao gồm: *Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, tổ chức thực hiện.*

Lưu ý:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài học phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Hoạt động học của học sinh thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau:

+ *Chuyển giao nhiệm vụ* (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

+ *Thực hiện nhiệm vụ* (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

+ *Báo cáo, thảo luận* (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

+ *Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt")*: Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

Tăng cường giao cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức cho học sinh báo cáo, thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả tự học của mình.

6.1.3. Các nhiệm vụ chuyên môn khác

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; tăng cường công tác giáo

dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Chính phủ;

1) Thực hiện Thông tư số 17/2025-TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, trong đó sửa đổi, bổ sung Chương trình giáo dục phổ thông môn GD&CD tại phụ lục V.

2) Giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Công văn số 918-CV/BTGTU ngày 11/8/2017 của Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội; Công văn số 4634/BGDĐT-CTHSSV ngày 21/9/2016 của Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh” trong nhà trường; tích hợp thiết thực các nội dung giáo dục về quyền con người, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.

3) Triển khai dạy lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người: Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Chính phủ về tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định số 4745/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt khung nội dung giáo dục quyền con người dành cho học sinh THCS và THPT.

4) Thực hiện dạy học lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học, thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024; Công văn số 1621/SGDĐT -GDTrH ngày 28/5/2024 của Sở GD&ĐT về việc lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học đảm bảo linh hoạt sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng nhà trường giúp học sinh dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện.

5) Thực hiện Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

6) Thực hiện Quyết định số 4736/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt bộ tài liệu Hướng dẫn hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn GD&CD.

7) Thực hiện Phổ biến, giáo dục pháp luật; Giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội; Giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; Giáo dục chuyển đổi

hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường, giáo dục bình đẳng giới...

8) Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục đạo đức liêm chính; nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; bình đẳng giới; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số và các nội dung giáo dục tích hợp khác; đồng thời hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

6.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề.

- Thực hiện hiệu quả việc lựa chọn linh hoạt, phù hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên cơ sở đặc điểm nội dung bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình và đối tượng học sinh. Dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên.

- Phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp, trong và ngoài nhà trường), bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh.

- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh trong quá trình dạy học;

- Việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy.

- Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành trong bộ môn; bảo đảm cân đối giữa việc truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; tích cực tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với nội dung bài học.

Tăng cường liên hệ thực tiễn để tăng tính hấp dẫn của bài giảng, giúp học sinh dễ dàng hiểu bài và thấy được kiến thức sách vở gần gũi với cuộc sống.

Tăng cường sử dụng đồ dùng dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin: Đảm bảo các tiết học sử dụng đồ dùng trực quan, ít nhất theo quy định của danh mục thiết bị tối thiểu; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng những phần mềm trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá.

6.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

6.3.1. Đánh giá, xếp loại học sinh

Việc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT.

- Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh.

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, số điểm đánh giá thường xuyên (ĐĐG_{tx}) trong mỗi học kỳ như sau: Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐG_{tx} .

- Đánh giá định kỳ gồm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học trước khi thực hiện.

Số đầu điểm kiểm tra định kỳ: Trong mỗi học kỳ, có 01 điểm đánh giá giữa kỳ (ĐĐG_{gk}) và 01 điểm đánh giá cuối kỳ (ĐĐG_{ck}).

6.3.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Chú trọng đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh.

- Khuyến khích giáo viên tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh.

Lưu ý một số nội dung như xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học. Xây dựng bảng năng lực và cấp độ tư duy đánh giá định kì của môn học phù hợp với kế hoạch dạy học; cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10.

6.3.3. Các yêu cầu về đổi mới kiểm tra và đánh giá

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá; xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì của môn học phù hợp với kế hoạch dạy học; chuẩn bị cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10.

- Đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận, đặc tả; câu hỏi của đề có thể bao gồm trắc nghiệm kết hợp với tự luận biên soạn theo mức độ cần đạt của các Chương trình môn học. Căn cứ vào thực tế của nhà trường để lựa chọn tỉ lệ phù hợp.

+ Ma trận và Bản đặc tả đề kiểm tra định kì thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 của Bộ GDĐT, Công văn số 249/SGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2025 của Sở GDĐT về việc kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT.

- Tổ/nhóm chuyên môn nghiên cứu, áp dụng Cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông (THPT) theo Chương trình GDPT 2018 tại Thông báo số 2988/TB-SGDĐT ngày 28/8/2024 của Sở GDĐT, phù hợp theo từng môn học, lưu ý các dạng thức trắc nghiệm khách quan để học sinh lớp 9 được làm quen; tăng cường các dạng thức trắc nghiệm gồm: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng; Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai (mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý lựa chọn đúng hoặc sai);

- Thực hiện đánh giá học sinh theo đúng quy định, không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, bảng năng lực và cấp độ tư duy để kiểm tra, khảo sát theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học;

6.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý

- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học; tăng cường sử dụng các mô hình học kết hợp giữa lớp học truyền thống với các lớp học, hướng dẫn việc ôn tập và tự kiểm tra trực tuyến online các môn văn hóa lớp từ lớp 6 đến lớp 9 nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cũng như tăng cường sự công bằng trong việc tiếp cận các dịch vụ giáo dục chất lượng cao...

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá.

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục THCS; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dạy học.

6.5. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ

- Tổ chức chuyên đề chuyên sâu về xây dựng kế hoạch dạy học, dạy học theo chủ đề, đa dạng hóa cách thức kiểm tra đánh giá đảm bảo chủ động, bám sát và phù hợp với thực tế bộ môn, địa phương. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường; tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm, hoàn thiện kế hoạch dạy học môn học.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ/nhóm chuyên môn thực hiện hiệu quả Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong nghiên cứu chương trình, xây dựng kế hoạch bài dạy, chia sẻ học liệu, trao đổi kinh nghiệm, phân tích kết quả học tập của học sinh và hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Tiếp tục phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử; xây dựng tài liệu dạy học điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

- Sinh hoạt của tổ/nhóm chuyên môn tránh hình thức, giảm các thủ tục hành chính; tập trung nghiên cứu bài học; xây dựng chủ đề dạy học; trao đổi về tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018; tổ/nhóm chuyên môn thống nhất những nội dung kiến thức trọng tâm cơ bản của từng bài; thống nhất kế hoạch dự giờ, thao giảng; thống nhất ma trận, đặc tả đề kiểm tra định kì ...

7. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN)

7.1. Xây dựng kế hoạch HĐTN, HN

7.1.1. Các căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học

Các nhà trường xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT 2018, thực hiện linh hoạt hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội:

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (*Phụ lục kèm theo các Công văn này được sử dụng để tham khảo*).

- Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT và Công văn số 4602/SGDĐT-GDTrH của Sở GDĐT Hà Nội ngày 18/12/2023 về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn KHTN, Lịch sử và Địa lý, HĐTN-HN.

7.1.2. Phân công giáo viên

- Phân công giáo viên bảo đảm sự phù hợp giữa năng lực và chuyên môn của giáo viên với nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được đảm nhiệm;

- Ưu tiên phân công giáo viên phụ trách theo từng chủ đề để thuận lợi trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, hướng dẫn và đánh giá học sinh trong quá trình trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề đó.

- Giáo viên đảm nhận nội dung/ chủ đề nào được thể hiện trên kế hoạch HĐTN, HN.

7.1.3. Xây dựng kế hoạch

- Kế hoạch HĐTN, HN bám sát yêu cầu cần đạt theo Chương trình GDPT 2018.

- Kế hoạch HĐTN, HN được trao đổi, góp ý trong tổ nhóm, bộ phận phụ trách, được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt và là căn cứ để thanh tra, kiểm tra.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện HĐTN, HN được xây dựng theo từng chủ đề; giáo viên được phân công đảm nhận chủ đề tổ chức học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động, tổ chức học sinh luyện tập, thực hành trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình và tổ chức học sinh báo cáo, thảo luận, đánh giá về kết quả thực hiện.

- Việc xây dựng thời khóa biểu bảo đảm sự linh hoạt (không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần, không bắt buộc thực hiện lần lượt các chủ đề theo trình tự trong sách giáo khoa) đảm bảo mỗi chủ đề được tổ chức thực hiện trong một khoảng thời gian phù hợp với kế hoạch của giáo viên trong thời gian đó.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục trong đó xác định cụ thể nội dung hoạt động và thời lượng thực hiện theo từng loại hình hoạt động quy định trong chương trình;

linh hoạt thời lượng dành cho các loại hình hoạt động với quy mô tổ chức khác nhau giữa các tuần.

- Phân định rõ thời lượng dành cho hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục tập thể khác của nhà trường, bảo đảm không trùng với thời lượng thực hiện các nội dung theo chương trình HĐTN, HN.

7.1.4. Các nhiệm vụ chuyên môn khác

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Chính phủ;

- Thực hiện dạy học lồng ghép, tích hợp các nội dung theo hướng dẫn:

1) Giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Công văn số 918-CV/BTGTU ngày 11/8/2017 của Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội; tích hợp thiết thực các nội dung giáo dục về quyền con người, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.

2) Triển khai dạy học lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người: Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Chính phủ về tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định số 4745/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt khung nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông dành cho học sinh THCS và THPT.

3) Thực hiện dạy học lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học, thực hiện theo Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024; Công văn số 1621/SGDĐT -GDTrH ngày 28/5/2024 của Sở GDĐT Hà Nội về việc lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học đảm bảo linh hoạt sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng nhà trường giúp học sinh dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện.

4) Thực hiện Quyết định số 4736/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt bộ tài liệu Hướng dẫn hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong HĐTN-HN.

5) Thực hiện Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

6) Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục đạo đức liêm chính; nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; bình đẳng giới; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số và các nội dung giáo dục tích hợp khác; đồng thời hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

7.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức HĐTN, HN (tham khảo Phụ lục IV Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT, Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, kiểm tra, đánh giá, thiết bị giáo dục và học liệu trong quá trình tổ chức hoạt động.

- Việc xây dựng kế hoạch tổ chức Hoạt động này bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức Hoạt động. Tiến trình tổ chức hoạt động mỗi chủ đề được xây dựng thành các hoạt động với mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt.

- Kế hoạch tổ chức HĐTN, HN được xây dựng thành các hoạt động và cách thức thực hiện linh hoạt để giao cho học sinh thực hiện trong lớp, ngoài lớp học, ở trường, ở nhà, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản văn hóa và cộng đồng. Chú trọng rèn luyện cho học sinh tự rèn luyện ở nhà; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức học sinh báo cáo, thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành, kết quả tự học của mình.

- Phương thức tổ chức Hoạt động được thực hiện theo định hướng chung:

+ Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; làm cho mỗi học sinh đều sẵn sàng tham gia trải nghiệm tích cực.

+ Tạo điều kiện cho học sinh trải nghiệm, sáng tạo thông qua các hoạt động tìm tòi, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm đã có vào đời sống; hình thành, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định dựa trên những tri thức và ý tưởng mới thu được từ trải nghiệm.

+ Tạo cơ hội cho học sinh suy nghĩ, phân tích, khái quát hoá những trải nghiệm để kiến tạo kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng mới.

+ Lựa chọn linh hoạt, sáng tạo các phương pháp giáo dục phù hợp: phương pháp nêu gương; phương pháp giáo dục bằng tập thể; phương pháp thuyết phục;

phương pháp tranh luận; phương pháp luyện tập; phương pháp khích lệ, động viên; phương pháp tạo sản phẩm và các phương pháp giáo dục khác.

- Một số phương thức tổ chức chủ yếu:

+ Phương thức Khám phá: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc, giúp học sinh khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh, bồi dưỡng những cảm xúc tích cực và tình yêu quê hương đất nước. Nhóm phương thức tổ chức này bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa và các phương thức tương tự khác.

+ Phương thức Thể nghiệm, tương tác: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các phương thức tương tự khác.

+ Phương thức Cống hiến: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các phương thức tương tự khác.

+ Phương thức Nghiên cứu: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật và các phương thức tương tự khác.

7.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

7.3.1. Yêu cầu chung

- Thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT.

- Nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình GDPT.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm trước khi thực hiện hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề.

- Đối với việc thực hiện hoạt động trải nghiệm, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành, rèn luyện và vận dụng theo nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động đã được hướng dẫn với yêu cầu cụ thể về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành.

- Quá trình trải nghiệm có thể là hoạt động của cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn, ở các không gian khác nhau trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường tùy theo nội dung và tính chất của hoạt động. Trong quá trình học sinh thực hành trải nghiệm, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra quá trình thực hiện của học sinh.

- Đối với đánh giá thường xuyên, giáo viên được phân công phụ trách chủ đề nào thực hiện đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó.

- Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ trì phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở mỗi lớp để phối hợp với các giáo viên được phân công tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở lớp đó thống nhất kết quả đánh giá thường xuyên, tổng hợp kết quả, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ.

- Nội dung đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với nội dung và thời lượng thực hiện chương trình đến thời điểm đánh giá. Các giáo viên được phân công thống nhất về nội dung và yêu cầu đánh giá định kì, trong đó xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá để đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình; chú trọng đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm của học sinh.

7.3.2. Yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục

- Mục đích đánh giá là thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với chương trình; sự tiến bộ của học sinh trong và sau các giai đoạn trải nghiệm. Kết quả đánh giá là căn cứ để định hướng học sinh tiếp tục rèn luyện hoàn thiện bản thân và là căn cứ quan trọng để các trường, các nhà quản lí và đội ngũ giáo viên điều chỉnh chương trình và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Nội dung đánh giá là các biểu hiện của phẩm chất và năng lực đã được xác định trong chương trình: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp. Các yêu cầu cần đạt về sự phát triển phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân chủ yếu được đánh giá thông qua hoạt động theo chủ đề, hoạt động hướng nghiệp, thông qua quá trình tham gia hoạt động tập thể và các sản phẩm của học sinh trong mỗi hoạt động.

Đối với Sinh hoạt dưới cờ và Sinh hoạt lớp, nội dung đánh giá chủ yếu tập trung vào sự đóng góp của học sinh cho các hoạt động tập thể, số giờ tham gia các hoạt động và việc thực hiện có kết quả hoạt động chung. Ngoài ra, các yếu tố như động cơ, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực đối với hoạt động

chung của học sinh cũng được đánh giá thường xuyên trong quá trình tham gia hoạt động.

- Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và đánh giá của cộng đồng; giáo viên chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá.

- Cú liệu đánh giá dựa trên thông tin thu thập được từ quan sát của giáo viên, ý kiến tự đánh giá của học sinh, đánh giá đồng đẳng của các học sinh trong lớp, ý kiến nhận xét của cha mẹ học sinh và cộng đồng; thông tin về số giờ (số lần) tham gia hoạt động trải nghiệm (hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm thường xuyên, hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, hoạt động hướng nghiệp,...); số lượng và chất lượng các sản phẩm hoàn thành được lưu trong hồ sơ hoạt động.

7.3.3. Hình thức đánh giá

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đánh giá bằng nhận xét, kết quả học tập được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

- + Giáo viên dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

- + Học sinh dùng hình thức nói/viết để tự nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

- + Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục học sinh cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh.

- Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

7.3.4. Kiểm tra, đánh giá

* Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, sản phẩm học tập.

- Mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định.

- Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét: mỗi học kì chọn 02 (hai) lần.

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Khi đánh giá phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; đánh giá bằng nhận xét về hành vi, thái độ, hành động và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thuyết trình, sản phẩm học tập phải hoàn thành (được nêu cụ thể trong Kế hoạch: nếu học sinh đã làm đúng thì động viên, khích lệ, giúp học sinh hoàn thiện hơn về nội dung, phương pháp, cách trình bày (viết, nói); nếu học sinh gặp khó khăn hoặc làm sai thì chỉ ra nguyên nhân, gợi ý, hỗ trợ (hoặc giao cho bạn cùng lớp, cùng nhóm hỗ trợ) để học sinh vượt qua; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tự đánh giá, góp ý lẫn nhau trong quá trình học tập.

*** Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

- Đánh giá định kỳ gồm đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, thực hiện thông qua: bài kiểm tra, bài thực hành, dự án học tập...

- Thời gian làm bài kiểm tra đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60-90 phút. Trong mỗi học kỳ, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 lần đánh giá giữa kỳ và 01 lần đánh giá cuối kỳ.

- Đối với bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

- Khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập. Bài kiểm tra, đánh giá định kỳ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các hoạt động đã thực hiện đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN, HN và kiểm tra đánh giá.

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học.

7.5. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ

- Thực hiện hiệu quả Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn.

- Các nhà trường chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài nhà trường. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên phải dựa trên kế hoạch giáo dục này.

- Tiếp tục phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử; xây dựng tài liệu điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

- Đổi mới phương thức bồi dưỡng giáo viên, tổ chức chuyên đề chuyên sâu về các phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN, HN, đa dạng hóa cách thức kiểm tra đánh giá đảm bảo chủ động, bám sát và phù hợp với thực tế bộ môn, địa phương.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn, trao đổi về kế hoạch tổ chức HĐTN, HN (giáo án), phương thức tổ chức Hoạt động; trao đổi về nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá; thống nhất kế hoạch dự giờ, thao giảng ...

- Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm, từng bước hoàn thiện kế hoạch hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với học sinh và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

- Tổ chức các chuyên đề trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

8. Môn Giáo dục thể chất

8.1. Thực hiện kế hoạch giáo dục

- Căn cứ vào qui định của Bộ và kế hoạch của Sở các trường THCS chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo khung thời gian năm học là 35 tuần (HKI: 18 tuần và HKII: 17 tuần) đảm bảo thời gian kết thúc HK, kết thúc năm học thống nhất toàn thành phố. Thực hiện và đảm bảo 100% các lớp học môn GDTC nội khoá đủ 2 tiết/tuần theo qui định của Bộ GDĐT;

- Khi tổ Trưởng (tổ Phó) phụ trách bộ môn GDTC xây dựng Kế hoạch dạy học môn học yêu cầu được trao đổi, góp ý của giáo viên viên bộ môn và đến thống nhất. Sau đó trình Ban giám hiệu trường phê duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân (UBND) trước khi đưa ra thực hiện và là căn cứ để thanh tra, kiểm tra. Trên cơ sở kế hoạch dạy học đã được phê duyệt, giáo viên có thể thiết kế tiến trình dạy học cụ thể cho mỗi chủ đề. Mỗi chủ đề có thể thực hiện ở nhiều tiết học, mỗi tiết có thể chỉ thực hiện một hoặc một số bước trong tiến trình sư phạm của bài. Các nhiệm vụ học tập có thể thực hiện ở trong hoặc ngoài giờ trên lớp; chú trọng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở ngoài lớp học và ở nhà.

- UBND các xã, phường chỉ đạo các cơ sở giáo dục THCS khi xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện

kế hoạch giáo dục nhà trường; Công văn số 4659/SGDĐT-GDTrH ngày 31/12/20 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Các phụ lục kèm theo các Công văn này được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án).

- Thực hiện Công văn số 3096/BGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2023 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bám sát yêu cầu cần đạt theo Chương trình GDPT 2018. Tổ/nhóm chuyên môn chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục môn GDTC bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực với học sinh.

- Kế hoạch cần thể hiện rõ phương án huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tại các trường THCS có đủ điều kiện, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chương trình theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Chính phủ và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT. Việc phân công giáo viên cần hợp lý, khoa học, đảm bảo đúng quy định về thời gian làm việc, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường.

8.2. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học (PPDH), đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học. Giáo viên thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng để tổ chức hợp lý cho học sinh tập luyện cá nhân hoặc nhóm phù hợp giới tính, năng lực, tố chất, tạo được hứng thú cho học sinh, luôn động viên khuyến khích các em để giờ học đạt hiệu quả cao, tránh tình trạng yêu cầu học sinh tập luyện với khối lượng và cường độ quá lớn.

- Trên cơ sở kế hoạch dạy học đã được phê duyệt, tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên tổ chức sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá (KTĐG); tổ chức quản lý các hoạt động chuyên môn theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT và Công văn số 10801/SGDĐT-GDTrH ngày 31/10/2014 của Sở GDĐT.

- Đối với phần các môn thể thao tự chọn (TTTC) trong chương trình môn học GDTC, ngoài những nội dung trong sách giáo khoa, UBND xã, phường và các nhà trường khuyến khích giáo viên chủ động xây dựng những môn TTTC phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn của giáo viên nhưng vẫn đảm bảo đúng thời lượng và phù hợp với năng lực của học sinh và có sự kế thừa.

Tuy nhiên giáo viên cần lưu ý: Nếu học sinh học một nội dung TTTC từ lớp 6 tới lớp 9 thì sẽ dạy theo mạch nội dung trong SGK đã biên soạn; nếu giáo viên dạy mỗi năm một nội dung TTTC thì sẽ dạy theo mạch nội dung chương trình từ ban đầu để học sinh thuận lợi trong việc tiếp thu, học tập.

- Sinh hoạt tổ/nhóm cần tăng cường đổi mới PPDH và KTĐG; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ/nhóm theo hướng nghiên cứu nội dung bài học; tập trung thảo luận các chủ đề, đưa ra những vấn đề khó nảy sinh trong quá trình thực hiện, cùng trao đổi và đưa ra những giải pháp để giải quyết và thực hiện có hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc điều chỉnh nội dung dạy học môn GDTC cấp THCS phù hợp với mục tiêu giáo dục và điều kiện dạy học môn GDTC. Trong năm học, mỗi phường, xã thực hiện tối thiểu 01 chuyên đề/học kì. Các nhà trường thực hiện ít nhất 01 chuyên đề/học kì.

- Triển khai đổi mới đồng thời PPDH và kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Việc sử dụng PPDH nào cũng phải đảm bảo được nguyên tắc “Học sinh tự mình hoàn thành nhiệm vụ học tập dưới sự tổ chức, hướng dẫn, thiết kế,... của giáo viên”. Áp dụng một số PPDH đổi mới như: Dạy học giải quyết vấn đề; dạy học theo tình huống và tích hợp liên môn; dạy học định hướng hành động; dạy học có sử dụng phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ. Ngoài ra, cần có sự linh hoạt chủ động trong từng phương pháp đối với các học sinh cá biệt.

- Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập, hoạt động giáo dục của học sinh ở mỗi lớp học: Giáo viên cần đánh giá được các năng lực khác nhau của học sinh; đánh giá được sự tiến bộ của mỗi học sinh; không được so sánh giữa học sinh với học sinh; đảm bảo tính khách quan, công bằng, toàn diện, công khai, giáo dục và phát triển. Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi, bài tập, dự án, thuyết trình, hoạt động học tập...; Tuy nhiên, dù sử dụng phương pháp nào cũng phải đảm bảo được nguyên tắc “Học sinh tự mình hoàn thành nhiệm vụ học tập dưới sự tổ chức, thiết kế, hướng dẫn... của giáo viên”.

- Việc thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh: Thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT. Đối với những học sinh được miễn thi thực hành môn GDTC, giáo viên cần thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10 mục (1,2,3,4) Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT.

- Tiếp tục thực hiện Thông báo Kết luận số 158/TB-BGDĐT ngày 04/3/2019 của Bộ GDĐT tại Hội nghị nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học; từng bước đưa thể dục vào nề nếp; tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực học sinh theo qui định của Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GDĐT. Lập hồ sơ và lưu kết quả đánh giá, xếp loại sau khi kiểm tra, tổng hợp và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp vào cuối năm học.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng tới năm 2025; Công văn số 4775/BGDĐT-CTHSSV ngày 16/9/2015 và Công văn số 4842/BGDĐT-GDTC ngày 19/10/2018, về việc triển khai và tăng cường tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, dạy võ cổ truyền,... Chú trọng hướng dẫn HS ôn luyện bài thể dục buổi sáng, bài thể dục giữa giờ và bài thể dục chống mệt mỏi theo quy định. Duy trì nề nếp thực hiện các bài thể dục (vào thời gian nghỉ giữa giờ) vận dụng vào tập luyện thường xuyên trong suốt năm học; tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong chương trình Hội khỏe Phù đồng.

8.3. Đảm bảo các qui định về chuyên môn

- Hồ sơ chuyên môn cá nhân: Kế hoạch giảng dạy của giáo viên; kế hoạch bài dạy (giáo án); sổ theo dõi cá nhân học sinh; sổ đánh giá xếp loại thể lực học sinh...

- Hồ sơ chuyên môn nhóm trưởng: Kế hoạch hoạt động của bộ môn GDTC theo năm học; sổ sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn.

- Yêu cầu nhà trường cần chỉ đạo bộ phận Giáo vụ khi xếp thời khóa biểu cần ưu tiên cho bộ môn GDTC khi xếp giờ môn GDTC, không xếp tiết 5 (*buổi sáng*) và tiết 1 (*buổi chiều*). Đối với những trường khó khăn về sân chơi, bãi tập có thể linh hoạt bố trí giờ học GDTC trái với giờ học văn hoá và có thể xếp không quá 2 tiết liên khi lên lớp/buổi. Trong giờ học GDTC yêu cầu 100% giáo viên khi lên lớp thực hành mặc đúng trang phục qui định, 100% học sinh tham gia tập luyện phải đi giày thể thao; khuyến khích động viên học sinh mặc đồng phục thể thao.

- Với các trường khó khăn về cơ sở vật chất như: Sân chơi, bãi tập, TTBDH,... Tổ bộ môn nêu cao tinh thần trong giáo viên chủ động nâng cao hiệu quả sử dụng nhà tập đa năng, các đồ dùng, TTBDH được cung cấp và TTBDH tự làm các dụng cụ TDTT đơn giản, đa dạng, phù hợp với yêu cầu giáo dục và điều kiện thực tế của mỗi nhà trường (tránh dạy chay). Đảm bảo việc giáo viên sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường, đặc biệt là trang thiết bị của môn học dạy học có hiệu quả và chất lượng.

- Thực hiện vệ sinh, an toàn tuyệt đối trong tập luyện TDTT (Giáo viên cần kiểm tra nhà tập, sân bãi, thiết bị, dụng cụ,... trước khi cho học sinh tập luyện). Đặc biệt lưu tâm tới những học sinh có vấn đề sức khỏe về các bệnh mãn tính, cấp tính có nguy cơ bột phát liên quan đến vận động. Đối với những học sinh này, giáo viên cần vận dụng một cách linh hoạt trong việc đánh giá xếp loại.

- Thực hiện tốt chế độ giảng dạy theo Quyết định số 51/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ qui định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên TDTT. Bố trí 100% giáo viên đúng chuyên môn để dạy môn GDTC.

8.4. Hoạt động ngoại khóa

- Khuyến khích, động viên các trường có điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày chủ động thành lập các câu lạc bộ TDTT: Bóng bàn, Bóng rổ, Cầu lông, Đá cầu, Võ thuật, Cờ tướng, Cờ vua, Dansport,... tạo môi trường thuận lợi nhất, tốt nhất để cho học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa được đông đảo. Kinh phí để duy trì hoạt động của các CLB TDTT có thể sử dụng từ nguồn kinh phí được xã hội hóa nhằm mua sắm thiết bị dụng cụ tập luyện, bồi dưỡng cho giáo viên, huấn luyện viên huấn luyện.

- Hướng dẫn học sinh ôn luyện bài thể dục buổi sáng, bài thể dục giữa giờ và bài thể dục chống mệt mỏi hoặc bài thể dục nhịp điệu, bài dân vũ. Duy trì nề nếp thực hiện các bài thể dục nói trên đưa vào phần khởi động trong các giờ học GDTC chính khóa trong suốt năm học.

- Tổ chức thực hiện, triển khai thi đấu các môn tại cấp trường, cấp phường xã và tham gia thi chung kết Thành phố theo quy định và điều lệ của giải theo văn bản của Sở GDĐT đã gửi tới các đơn vị cơ sở.

9. Môn Tin học

9.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục

- Căn cứ Khung kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Quyết định số 4286/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND thành phố Hà Nội; Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027 và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT đã ban hành, Hiệu trưởng các trường THCS chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học môn học/hoạt động giáo dục bảo đảm thời lượng quy định, phù hợp với thực tiễn của nhà trường; bám sát chủ đề năm học 2026-2027 “Đổi mới tư duy - Chuyển biến mạnh mẽ - Kết quả thực chất”.

- Tiếp tục giao quyền chủ động cho các trường THCS xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục (kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục). Kế hoạch giáo dục (KHGD) môn Tin học cần bảo đảm đúng theo các quy định, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu sử dụng sách giáo khoa (SGK), phương tiện dạy học, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực. KHGD cần quan tâm đến việc phân hóa các đối tượng học sinh (HS), có giải pháp bồi dưỡng HS giỏi, tổ chức ôn tập, củng cố hiệu quả cho HS lớp 9, hỗ trợ HS có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu theo quy định. KHGD môn Tin học được tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, góp ý, thống nhất và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT ban

hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; KHGD môn Tin học là thành phần thuộc KHGD của nhà trường do Hiệu trưởng phê duyệt, báo cáo UBND xã, phường và là căn cứ để chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra.

- Về sách giáo khoa: Từ năm học 2026-2027, nhà trường sử dụng thống nhất bộ SGK giáo dục phổ thông đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt tại Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 và bổ sung tại Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2026; Tổ/nhóm chuyên môn Tin học có trách nhiệm rà soát sự khác biệt về cấu trúc, ngữ liệu và trình tự nội dung của SGK Tin học các lớp 6, 7, 8, 9 so với SGK đã sử dụng trong các năm học trước để điều chỉnh kế hoạch dạy học, bổ trợ kiến thức khi cần thiết, bảo đảm yêu cầu cần đạt của Chương trình và tính liên tục trong học tập của HS; kịp thời báo cáo Sở GDĐT (qua phòng Giáo dục trung học) những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Đối với việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với môn Tin học tại các trường THCS có đủ điều kiện, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chương trình theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT. Kế hoạch phải cụ thể hóa các nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng HS được tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, phân công giáo viên (GV) môn Tin học hợp lý, khoa học, bảo đảm đúng quy định về thời gian làm việc, phù hợp với điều kiện nhà trường.

- Triển khai Khung năng lực số: Việc triển khai giảng dạy môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là phương thức cốt lõi để hình thành, phát triển năng lực số cho HS. Khi xây dựng KHGD môn Tin học, các tổ/nhóm chuyên môn cần nghiên cứu Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT về hướng dẫn triển khai thực hiện Khung năng lực số cho HS phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 3706/KH-SGDĐT ngày 16/9/2025 của Sở GDĐT. Tổ/nhóm chuyên môn xác định rõ miền năng lực số, thành phần năng lực số được hình thành, phát triển qua từng chủ đề của môn Tin học ở mỗi khối lớp; thể hiện trong kế hoạch bài dạy và tiêu chí đánh giá, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót so với các môn học, hoạt động giáo dục khác.

- Triển khai nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI): Thực hiện theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT (sau đây gọi tắt là Khung nội dung giáo dục AI) và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT. Môn Tin học giữ vai trò môn học nòng cốt trong triển khai giáo dục AI ở cấp THCS. Tổ/nhóm chuyên môn chủ động lập bảng đối chiếu giữa bốn mạch nội dung giáo dục AI (Tư duy lấy con người làm trung tâm; Đạo đức AI; Các kỹ thuật và ứng dụng AI; Thiết

kế hệ thống AI) - tương ứng với bốn thành phần năng lực AI: NLa, NLb, NLc, NLd với các chủ đề của Chương trình môn Tin học ở từng khối lớp nhằm xác định: nội dung được lồng ghép trong bài học môn Tin học; nội dung tổ chức theo chuyên đề; nội dung tổ chức qua câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa. Nội dung cốt lõi được tổ chức theo chuyên đề giáo dục AI với thời lượng 12 tiết/lớp/năm học, bố trí thời lượng linh hoạt tại buổi 2 trong KHGD của nhà trường; nội dung mở rộng do nhà trường chủ động bố trí, không triển khai đồng loạt khi chưa bảo đảm điều kiện về đội ngũ, thời lượng, thiết bị, hạ tầng và an toàn.

- Khuyến khích các nhà trường triển khai dạy học môn Tin học bằng tiếng Anh theo quy định tại Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ quy định về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục (Nghị định 222), gắn với việc xây dựng môi trường đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 3805/BGDĐT-GDPT ngày 22/6/2026 của Bộ GDĐT, Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Thành ủy Hà Nội và Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND Thành phố. Ưu tiên triển khai đối với các chủ đề, thuật ngữ chuyên ngành, tài liệu tham khảo và học liệu số bằng tiếng Anh phù hợp trình độ HS.

- Đối với các trường THCS thực hiện theo mô hình trường chất lượng cao: tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục bổ sung đối với môn Tin học đã được phê duyệt theo Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND Thành phố; bảo đảm không trùng lặp, không gây quá tải so với chương trình chính khóa.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ/nhóm chuyên môn và GV trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn: có thể sắp xếp linh hoạt các bài học, chủ đề dạy học để dạy trước hoặc sau cho phù hợp, tuy nhiên cần có sự thống nhất, đồng bộ trong toàn khối để thuận lợi trong công tác kiểm tra, đánh giá. Hiệu trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ/nhóm chuyên môn, GV chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong môn Tin học và các chủ đề tích hợp, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy của mỗi bài học/chủ đề cần nêu rõ tên bài học/chủ đề và mạch nội dung kiến thức, yêu cầu cần đạt, phát triển phẩm chất, năng lực theo Chương trình GDPT 2018; phần nội dung được thiết kế thành chuỗi các hoạt động dạy học, mỗi hoạt động cần nêu cụ thể: mục tiêu, phương pháp, hình thức, thời gian, dự kiến sản phẩm, tiêu chí đánh giá (nếu có), xác định phẩm chất, năng lực tin học.

- Mỗi chủ đề/bài học lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức thực hiện, kiểm tra đánh giá đáp ứng được mục tiêu dạy học, yêu cầu cần đạt của môn Tin

học như: các kiến thức, kỹ năng, năng lực tin học; kỹ năng giải quyết các vấn đề tích hợp liên môn, kỹ năng giải quyết các tình huống thực tế.

- Khi xây dựng kế hoạch dạy học, hoạt động giáo dục và thực hiện theo Chương trình cần bám sát yêu cầu cần đạt theo quy định để tổ chức dạy học. Trên cơ sở bộ SGK sử dụng thống nhất, khuyến khích GV khai thác thêm học liệu số, tài nguyên giáo dục mở và tài liệu tham khảo hợp pháp để làm phong phú ngữ liệu dạy học. Đặc biệt lưu ý khi xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học cần linh hoạt, phù hợp với đặc điểm trình độ nhận thức của HS, cơ sở vật chất của nhà trường. Đối với đặc thù dạy học bộ môn cần ưu tiên dành tối đa cho thời lượng học và thực hành trên máy tính.

- Tăng cường giáo dục hướng nghiệp: Các tổ/nhóm chuyên môn khi xây dựng KHGD môn Tin học cần quan tâm thực hiện giáo dục định hướng nghề nghiệp cho HS thông qua các hoạt động giáo dục ở lớp 6, lớp 7 và chuẩn bị tốt để dạy học chủ đề G. Hướng nghiệp với tin học được dạy ở lớp 8 (6% tổng thời lượng) và lớp 9 (8% tổng thời lượng). Cần nâng cao nhận thức về vai trò của tin học hỗ trợ HS khả năng tìm kiếm, tiếp nhận, mở rộng tri thức và sáng tạo, nhất là sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), là công cụ hiệu quả hỗ trợ tự học và học tập suốt đời.

- Khuyến khích các nhà trường tìm hiểu, nghiên cứu và đưa vào dạy học các nội dung kiến thức môn Tin học theo tiêu chuẩn quốc tế phù hợp, tăng cường dạy học môn Tin học bằng tiếng Anh, trí tuệ nhân tạo, robotics,... Quan tâm thực hiện nâng cao năng lực số, kỹ năng chuyển đổi, tính hiệu quả giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng HS, thúc đẩy phát triển định hướng khoa học máy tính cho HS THCS. Việc triển khai phải trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, đúng quy định; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và nguồn lực sẵn có; tránh đầu tư dàn trải, lãng phí hoặc phụ thuộc vào một công cụ, một nhà cung cấp.

- Tổ chức dạy học môn Tin học tại cơ sở giáo dục sau sắp xếp, tổ chức lại: Thực hiện Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố về triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường chuyên biệt công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội và Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở GDĐT về tổ chức và triển khai công tác chuyên môn sau sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục năm học 2026-2027, đối với môn Tin học lưu ý:

- + Toàn trường có một kế hoạch dạy học môn Tin học thống nhất; không duy trì song song kế hoạch, phân phối chương trình, hồ sơ chuyên môn riêng theo các trường trước sắp xếp. Nội dung riêng theo cấp học hoặc theo địa điểm trường (nếu có) được thể hiện thành phần/phụ lục trong kế hoạch chung, ghi rõ người phụ trách.

- + Đối với GV Tin học được bố trí dùng chung giữa các cấp học, các địa điểm trường: nhà trường lập một bảng điều phối ghi rõ cấp học, lớp, số tiết, địa

điểm, buổi dạy, người quản lý chuyên môn và người xử lý thay thế; chỉ ban hành sau khi kiểm tra đủ định mức, không trùng giờ, không thiếu tiết ở cấp học đang bố trí GV. Không phân công GV dạy khác cấp chỉ vì GV thuộc cùng một trường; trước khi phân công phải đối chiếu đủ bốn điều kiện: trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, vị trí việc làm và quy định của cấp học.

+ Lập lịch dùng chung phòng thực hành Tin học theo tuần/tháng, ghi rõ cấp học, lớp, GV, thiết bị cần dùng, người mở và bàn giao phòng; công khai lịch đăng ký. Khi HS di chuyển giữa các địa điểm phải có người dẫn, người nhận và phương án bảo đảm an toàn; hạn chế tối đa việc di chuyển không cần thiết.

+ Hoàn thành bàn giao, cập nhật và phân quyền tài khoản trên các hệ thống dùng chung (sổ điểm điện tử, học bạ số, cơ sở dữ liệu ngành, kho học liệu số) theo trường mới trước khi HS tựu trường; GV Tin học phối hợp với bộ phận văn phòng rà soát tình trạng đồng bộ dữ liệu và danh sách lỗi còn tồn tại.

9.2. Thực hiện triển khai chương trình môn Tin học và hoạt động giáo dục

9.2.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho HS, hướng HS phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề.

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với nội dung bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình, đối tượng HS để tổ chức các hoạt động học tập của HS, tăng cường hướng dẫn HS tự học và tự nghiên cứu SGK, tài liệu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức. Chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; gắn kiến thức với các vấn đề thực tế, yêu cầu HS không chỉ đề xuất giải pháp cho vấn đề mà còn biết kiểm chứng hiệu quả của giải pháp thông qua sản phẩm số. Dành nhiều thời gian trên lớp cho HS luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; GV tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để HS tiếp nhận và vận dụng. Tuy nhiên không lạm dụng các phương pháp dạy học để giao nhiệm vụ quá sức hoặc chiếm nhiều thời gian của HS khi học ở lớp hoặc ở nhà.

- Tiếp tục đẩy mạnh và triển khai hiệu quả phương pháp dạy học theo dự án, xây dựng tổ chức dạy học STEM/STEAM phù hợp theo hướng tích hợp nội môn hoặc tích hợp liên môn và khuyến khích tạo ra các sản phẩm số hữu ích trong học tập. Một số phương pháp dạy học có hiệu quả cao trong môn Tin học như: dạy học thông qua dự án, mô hình lớp học đảo ngược, dạy học thực hành hoặc dạy học kết hợp... Kết hợp hiệu quả việc dạy lý thuyết với dạy thực hành theo hướng tăng thời lượng thực hành trên máy tính, khuyến khích HS, nhóm HS đề

xuất, xây dựng và thực hiện các dự án học tập, các bài tập tạo ra các sản phẩm số phù hợp.

- Tăng cường ứng dụng các phần mềm mô phỏng, trực quan hóa, biểu đồ, sơ đồ tư duy,... đặc biệt khai thác các ứng dụng AI hỗ trợ trong dạy học môn Tin học để tạo ra các sản phẩm số có tính cá nhân hóa, các mô hình minh họa trực quan, sinh động trong tổ chức các hoạt động dạy học; kết hợp các công cụ, hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, các sản phẩm số hữu ích tổ chức ôn luyện, theo dõi đánh giá năng lực HS. Việc khai thác học liệu số, tài nguyên giáo dục mở và trí tuệ nhân tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Hướng dẫn HS sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm, trung thực: việc lồng ghép AI trong dạy học môn Tin học không dừng ở sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ, mà phải giúp HS hiểu nguyên lý, nhận biết giới hạn, kiểm chứng đầu ra và đánh giá tác động của AI ở mức độ phù hợp. Yêu cầu HS ghi lại nguồn dữ liệu, câu lệnh hoặc yêu cầu đã cung cấp cho công cụ AI, kết quả thử nghiệm và phản hồi nhận được để làm căn cứ kiểm chứng, giải thích và điều chỉnh kết quả. Chú trọng giáo dục đạo đức, tư duy phản biện, ý thức trách nhiệm, bảo vệ dữ liệu, bản quyền và trung thực học thuật; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số.

- Bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng cho mọi HS: không yêu cầu HS phải sử dụng tài khoản cá nhân hoặc công cụ chưa được nhà trường rà soát; có phương án học tập thay thế phù hợp đối với HS thiếu thiết bị hoặc kết nối; chỉ sử dụng công cụ phù hợp độ tuổi và mục tiêu giáo dục.

- Đa dạng hóa các hình thức dạy học/giáo dục, có thể kết hợp dạy học trực tuyến và dạy học trực tiếp - mô hình dạy học kết hợp; tổ chức dạy học trực tuyến thực hiện theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; coi trọng dạy học trực quan và thực hành. Việc dạy học ở phòng thực hành máy tính cần được tổ chức linh hoạt nhằm đem lại cho HS sự hào hứng, chủ động khám phá, nhưng phải bảo đảm an toàn và thực hiện được những nhiệm vụ được giao. Ngoài việc tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường và cộng đồng.

- Tùy theo nội dung bài học, ở mỗi hoạt động, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà HS phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy hoặc hướng dẫn HS tự học. Hoạt động học tập cần làm rõ các tiến trình chuyển giao nhiệm vụ học tập (nội dung gì); thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm là gì); báo cáo, thảo luận (theo hình thức nào);

kết luận, nhận định (GV khẳng định lại kiến thức, kỹ năng, năng lực sau các hoạt động).

- Tăng cường tổ chức dạy học phân hóa hình thành năng lực HS: Đối với HS có năng lực học tập tốt cần tăng cường mức độ vận dụng, cung cấp tài liệu, bài tập luyện tập, tăng cường hoạt động hướng dẫn tự học. Đối với HS có năng lực chưa cao, GV cần bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình để biên soạn kế hoạch bài dạy theo mạch kiến thức phù hợp với năng lực HS, tăng cường hoạt động luyện tập, thực hành, vận dụng phù hợp.

9.2.2. Thực hiện hiệu quả phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về đánh giá HS trong Chương trình GDPT theo đúng các quy định của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông (Thông tư 22).

- Nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS cần chú trọng đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS. Bảo đảm đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của HS. Khuyến khích GV tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của HS. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT.

- Đối với kiểm tra định kỳ: thực hiện xây dựng ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm theo Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS (Công văn 7991). Tăng cường vai trò của tổ/nhóm chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập; thống nhất chuẩn chất lượng đối với bài kiểm tra định kỳ trong toàn trường. Trường hợp GV sử dụng công cụ AI hỗ trợ biên soạn câu hỏi, đề kiểm tra thì GV và tổ/nhóm chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định, chuẩn hóa nội dung trước khi sử dụng.

- Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi, bài tập, dự án, thuyết trình, hoạt động học tập,...; tổ chức đánh giá định kỳ với các hình thức phù hợp như bài thực hành, bài kiểm tra tổng hợp, sản phẩm sáng tạo, dự án học tập. Các hoạt động đánh giá cần được thiết kế có mục tiêu rõ ràng, tiêu chí cụ thể, hướng dẫn chấm điểm minh bạch, thông báo trước các yêu cầu và hình thức thực hiện để HS chủ động tham gia. Đồng thời chú trọng đánh giá nội dung tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liêm chính,

an toàn giao thông, quyền con người, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh... nhằm hình thành, phát triển năng lực công dân, góp phần phát triển toàn diện cho HS.

- Thực hiện nâng cao chất lượng kiểm tra định kỳ (quy chế tổ chức; đề kiểm tra xây dựng theo cấu trúc, bảng năng lực và cấp độ tư duy phù hợp theo quy định; áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá). Nội dung kiểm tra, đánh giá HS phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình và các biểu hiện năng lực đặc thù tin học: NLa - Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; NLb - Ứng xử phù hợp trong môi trường số; NLc - Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông; NLe - Ứng dụng công nghệ thông tin trong học và tự học; NLe - Hợp tác trong môi trường số được quy định trong chương trình. Việc kiểm tra, đánh giá phối hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kỳ, phối hợp nhận xét với chấm điểm để HS điều chỉnh việc học tập của mình nhằm đạt kết quả tốt hơn.

- Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá HS như: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc HS báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; tăng cường kiểm tra, đánh giá, thi trên máy tính, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Khuyến khích các đơn vị sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, kiểm tra đánh giá tiếp cận với phương pháp đánh giá hiện đại về kỹ năng lập trình, tư duy thuật toán, AI, ứng dụng ICT theo tiêu chuẩn quốc tế; tăng cường sử dụng các phần mềm, hệ thống có tính năng cho phép tạo đề thi, kiểm tra giúp thu thập thông tin, đo lường, đánh giá tự động,...; đối với nội dung lập trình có thể sử dụng các website cung cấp chương trình hỗ trợ, hệ thống bài tập, đánh giá kỹ năng, tư duy thuật toán, tổ chức các kỳ thi đánh giá, khảo sát năng lực tin học, tổ chức các kỳ thi lập trình trực tuyến...

- Khuyến khích các nhà trường, cụm chuyên môn xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra môn Tin học theo yêu cầu cần đạt của từng khối lớp, có phân loại theo cấp độ tư duy; sử dụng chung trong cụm trường nhằm giảm áp lực biên soạn cho GV và bảo đảm chuẩn chất lượng.

- Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá lại theo quy định tại Thông tư 22: HS chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14; trường hợp không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu, nhà trường có thể cho HS được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

- Các trường THCS cần chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện kiểm tra, đánh giá trên máy tính, kiểm tra trực tuyến bảo đảm theo quy định, chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của HS với môn học.

9.3. Sử dụng thiết bị dạy học, học liệu số và bảo đảm an toàn thông tin

- Về thiết bị dạy học và sử dụng phòng học bộ môn, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT; tiêu chuẩn về phòng học bộ môn quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông và Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phòng học bộ môn ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT.

- Quan tâm phòng thực hành tin học bảo đảm về diện tích sử dụng, về thiết bị như: được kết nối mạng Internet, cấu hình máy tính đáp ứng nhu cầu học tập; có đủ số lượng phòng máy tính phù hợp với quy mô trường, số lượng máy tính trong mỗi phòng đủ cho HS thực hành và đáp ứng các điều kiện an toàn. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng phòng học bộ môn phục vụ giảng dạy môn Tin học như: sử dụng các phần mềm quản lý phòng máy tính, các phần mềm đóng băng, sao lưu dự phòng,... Khắc phục triệt để tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”; định kỳ rà soát, bảo dưỡng, thanh lý thiết bị hư hỏng và tham mưu bổ sung theo nhu cầu thực tế, tránh lãng phí.

- Về phần mềm, dụng cụ học tập: Đối với hệ điều hành, phần mềm tin học văn phòng, duyệt web, diệt virus và các phần mềm ứng dụng khác... bảo đảm thông dụng, không vi phạm bản quyền; ưu tiên sử dụng phần mềm nguồn mở, phần mềm miễn phí hợp pháp phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình. Đối với dụng cụ phục vụ học tập sử dụng để dạy học Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet như thiết bị mạng Switch/Hub, đầu bấm mạng, hạt RJ45, cáp UTP,... phải trang bị đầy đủ theo quy định.

- Tiếp tục quan tâm phát triển kho học liệu số nhằm hỗ trợ GV tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng, sử dụng chung, chia sẻ trong cộng đồng; nhà trường và tổ chuyên môn có thể định hướng, xây dựng kế hoạch, phân công dạy học và ghi hình bài học theo môn học hoặc xây dựng các học liệu điện tử phù hợp... xuất bản, lưu trữ và chia sẻ trên website, kho học liệu điện tử, thư viện điện tử... do nhà trường quản lý. Tăng cường đóng góp, khai thác kho học liệu số dùng chung của ngành Giáo dục Thủ đô và của cụm chuyên môn; học liệu trước khi đưa vào

sử dụng chung phải được tổ/nhóm chuyên môn thẩm định về nội dung, tính chính xác khoa học và nguồn gốc bản quyền.

- Tăng cường khai thác, quản lý phần cứng, phần mềm, nguồn tài liệu, học liệu trên Internet và các thiết bị kỹ thuật số. Ngoài ra, cần đặc biệt chú ý các nội dung liên quan đến văn hóa, pháp luật khi sử dụng các xuất bản phẩm, phần mềm.

- Bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân: Khi lựa chọn phần mềm, nền tảng, công cụ AI phục vụ dạy học và quản lý, nhà trường tổ chức rà soát điều kiện phù hợp độ tuổi và mục tiêu giáo dục; hạn chế thu thập dữ liệu không cần thiết; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bản quyền và an toàn thông tin; xây dựng quy trình tiếp nhận, xử lý sự cố. Không cung cấp dữ liệu cá nhân của HS, GV cho bên thứ ba khi chưa có căn cứ pháp lý và chưa được sự đồng ý theo quy định.

- Khuyến khích GV tiếp tục khai thác và sử dụng hợp lý các phần mềm, hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đã triển khai các năm học trước hỗ trợ đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá.

9.4. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ

9.4.1. Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn và sinh hoạt cụm chuyên môn

- Thực hiện theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn (thay thế Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH năm 2014 của Bộ GDĐT) và Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở GDĐT.

- Tổ/nhóm chuyên môn xây dựng KHGD, phân phối chương trình theo từng năm học trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, xây dựng các chủ đề của môn học phù hợp với thực tế dạy học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc bài học, xác định cái cốt lõi là yêu cầu cần đạt trong chương trình và sử dụng ngữ liệu trong SGK có mức độ phù hợp với trình độ nhận thức của HS trong nhà trường. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, cụm trường; khuyến khích sinh hoạt chuyên môn liên trường, liên cụm, có thể kết hợp hình thức trực tuyến và trực tiếp phù hợp.

- Trước khi HS tựu trường, tổ trưởng chuyên môn thống nhất lịch sinh hoạt của cả tổ và lịch sinh hoạt nhóm Tin học theo khối lớp hoặc theo địa điểm trường; ghi rõ thời gian, hình thức trực tiếp/trực tuyến, người chủ trì và nội dung dự kiến. Mỗi kỳ sinh hoạt theo quy định phải có phần sinh hoạt chung của tổ; sinh hoạt nhóm không thay thế trách nhiệm của tổ chuyên môn.

- Mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn thực hiện theo trình tự: xác định một vấn đề hoặc dữ liệu cần xử lý; GV chuẩn bị bài dạy, sản phẩm hoặc số liệu liên quan;

tổ/nhóm phân tích, thống nhất giải pháp; giao rõ người thực hiện và thời hạn; buổi sau kiểm tra kết quả. Sản phẩm của buổi sinh hoạt có thể là kế hoạch bài dạy đã điều chỉnh, đề và ma trận đề, phương án phụ đạo, lịch sử dụng phòng thực hành hoặc giải pháp hỗ trợ HS. Biên bản sinh hoạt chỉ ghi vấn đề, kết luận, người thực hiện, thời hạn và sản phẩm; không yêu cầu lập thêm báo cáo hoặc minh chứng trùng lặp. Nội dung chỉ để phổ biến thông tin hành chính được gửi trên hệ thống dùng chung, không triệu tập GV di chuyển giữa các địa điểm.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, bảo đảm mỗi học kỳ sinh hoạt cụm chuyên môn ít nhất 02 lần; lựa chọn nội dung thiết thực, đáp ứng nhu cầu GV, tránh hình thức, chạy theo thành tích, không làm phát sinh cấp quản lý trung gian và thủ tục hành chính không cần thiết. Kế hoạch sinh hoạt cụm chuyên môn báo cáo về Sở GDĐT (qua phòng Giáo dục trung học) để phối hợp chỉ đạo.

- Các tổ chuyên môn chủ động phối hợp với các môn học (Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ) để xây dựng kế hoạch bài dạy lồng ghép theo chủ đề tích hợp, liên môn, tăng cường hoạt động trải nghiệm, hướng dẫn HS tự học. Đặc biệt là thực hiện triển khai Khung năng lực số, nội dung giáo dục AI, giáo dục STEM/STEAM và nghiên cứu triển khai dạy học môn Tin học bằng tiếng Anh theo Nghị định 222.

- Phối hợp các tổ chuyên môn liên trường tiếp tục xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan phục vụ kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ; xây dựng thống nhất nội dung dạy phụ đạo cho HS chưa đạt yêu cầu phù hợp yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng HS khá - giỏi, đặc biệt là HS khối lớp 9.

- Tiếp tục đổi mới dạy học và đánh giá kết quả học tập của HS thông qua các hoạt động chuyên môn, tổ chức các sinh hoạt chuyên đề bộ môn trong đơn vị, tập trung vào các nội dung then chốt của chương trình môn Tin học lớp 9 và định hướng phân luồng, chuyển cấp cho HS sau THCS.

9.4.2. Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ

- Tăng cường công tác bồi dưỡng GV trung học theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; thực hiện Chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (Chương trình bồi dưỡng 03) với thời lượng 01 tuần/năm học (40 tiết/năm học) nhằm phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018. Gợi ý các nội dung chuyên đề bồi dưỡng như:

- + GVPT 04 - Xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS: tập trung vào chương trình Tin học lớp 9 và việc điều chỉnh kế hoạch dạy học theo bộ SGK sử dụng thống nhất.

+ GVPT 05 - Tập trung vào các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực: dạy học theo dự án, dạy học thực hành, mô hình dạy học kết hợp, giáo dục STEM/STEAM, tổ chức dạy học nội dung giáo dục AI.

+ GVPT 06 - Kiểm tra, đánh giá HS: tập trung vào xây dựng ma trận, bản đặc tả, xây dựng đề kiểm tra và hướng dẫn chấm theo quy định tại Công văn 7991.

- Triển khai Khung năng lực số đối với GV, cán bộ quản lý theo Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 của Bộ GDĐT. Nhà trường tổ chức cho GV môn Tin học tự đánh giá theo Khung, xác định khoảng trống năng lực và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cá nhân; phát huy vai trò GV Tin học trong hỗ trợ đồng nghiệp các môn học khác nâng cao năng lực số và năng lực ứng dụng AI.

- Đổi mới phương thức bồi dưỡng theo hướng thường xuyên, linh hoạt, thiết thực, kết hợp 04 phương thức: bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến, tại chỗ và tự học/chứng chỉ; tăng cường bồi dưỡng thông qua chuyên đề, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, nghiên cứu bài học, dự giờ, phân tích giờ dạy và chia sẻ kinh nghiệm.

- Tổ chức tập huấn, nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, phương pháp dạy học, cập nhật các kiến thức và nội dung dạy học mới đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018 và các yêu cầu khác. Tổ chức tập huấn, trao đổi chuyên môn theo hình thức trực tuyến/trực tiếp và tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn theo trường, cụm liên trường. Các tổ/nhóm dành ít nhất 01 “ngày chuyên môn”/tháng để tập trung lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học và các chủ đề tích hợp nội môn Tin học, liên môn hoặc thực hiện chủ đề nâng cao năng lực số cho HS. Mỗi khối lớp của từng trường xây dựng 01 chủ đề Tin học/học kỳ và thực hiện dạy học theo chủ đề. Thời lượng của mỗi chủ đề tương đương với thời lượng của nhóm bài.

- Các tổ chuyên môn/cụm liên trường cấp THCS phối hợp với Sở GDĐT thực hiện hiệu quả các chuyên đề thành phố theo định hướng phát triển năng lực HS và nâng cao chất lượng dạy học môn học gắn với yêu cầu chuyển đổi số.

- Các hoạt động chuyên đề tập trung vào việc thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018 và thực hiện Khung năng lực số cho HS. Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV môn Tin học bằng các chuyên đề chuyên sâu như: đẩy mạnh giáo dục định hướng khoa học máy tính; giáo dục STEM/STEAM theo hướng ứng dụng (robotics, trí tuệ nhân tạo - học máy, thị giác máy tính...), thực tế ảo (VR), 3D...; các chuyên đề dạy học theo dự án; cập nhật các ứng dụng trí tuệ nhân tạo có tính phổ biến đối với HS khi dạy học giúp tạo ra sản phẩm số.

- Khuyến khích tổ chức tốt hoạt động của “Câu lạc bộ Tin học” kết hợp câu lạc bộ STEM/STEAM, robotics... nhằm thu hút và phát huy năng khiếu của HS, phát hiện và bồi dưỡng HS giỏi. GV tăng cường sưu tầm những bài tập có vận

dụng vào thực tế để HS hứng thú và say mê bộ môn, đồng thời tiếp cận với hướng bồi dưỡng các HS có năng khiếu.

- Động viên, hỗ trợ và khuyến khích GV tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học nhất là các lĩnh vực liên quan đến môn Tin học (lĩnh vực phần mềm hệ thống: thuật toán; an ninh máy tính; cơ sở dữ liệu; hệ điều hành; ngôn ngữ lập trình;...). Khuyến khích GV viết và đưa tin, bài về các nội dung giáo dục, kiến thức bộ môn, các kết quả hoạt động,... góp phần chia sẻ, phổ biến thông tin của Ngành và của môn Tin học.

- Khuyến khích các trường THCS xây dựng, phát triển các chương trình tích hợp, chương trình theo chuẩn quốc tế phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của nhà trường theo quy định của pháp luật nhằm tăng cường cơ hội trao đổi kinh nghiệm học tập, giảng dạy, quản lý giáo dục, nguồn học liệu mở cho HS, GV trong bộ môn.

9.4.3. Triển khai giáo dục STEM, giáo dục trí tuệ nhân tạo và Khung năng lực số

Thực hiện Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học; Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 và Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT; Kế hoạch số 3706/KH-SGDĐT ngày 16/9/2025 và Kế hoạch số 75/KH-SGDĐT ngày 09/01/2026 của Sở GDĐT, môn Tin học thực hiện như sau:

- Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho HS phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT nhằm hình thành và phát triển những năng lực thiết yếu của công dân số, sẵn sàng tham gia vào môi trường số.

- Tăng cường ứng dụng AI trong hoạt động dạy và học, trong hoạt động quản lý hành chính, sổ sách điện tử, sắp xếp thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giúp giảm tải cho cán bộ, GV; khai thác sử dụng AI và dữ liệu lớn để hỗ trợ ra quyết định, dự báo sớm, nhận diện HS cần hỗ trợ, đánh giá hiệu quả chính sách, tối ưu phân bổ nguồn lực; ứng dụng AI vào quản lý dạy học, cá nhân hóa lộ trình học tập, phát huy tiềm năng từng HS.

- Triển khai bài học STEM/STEAM: Với mỗi khối lớp, mỗi tổ/nhóm chuyên môn xây dựng ít nhất 02 bài học STEM theo hướng nội môn/01 học kỳ (có thể kết hợp phương pháp dạy học theo dự án để tạo ra các sản phẩm số phù hợp), bảo đảm các yêu cầu về nội dung, thời lượng; có thể vận dụng ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ thiết kế, thực hiện và tạo các sản phẩm số phù hợp.

- Định hướng các chủ đề STEM theo hướng nội môn hoặc liên môn phù hợp với môn học ở cấp THCS như: tạo ra các sản phẩm số (infographic các môn học, logo, tranh, video...), các dự án quản lý nhỏ, lập trình điều khiển robot, điều khiển hệ thống,... Định hướng phát triển khoa học máy tính thông qua dạy học

lập trình sử dụng các ngôn ngữ lập trình như Scratch, Python hoặc C/C++,... giúp nâng cao năng lực giải quyết vấn đề cho HS.

- Trải nghiệm STEM: Chọn hình thức phù hợp với thực tế (khuyến khích xây dựng các câu lạc bộ STEM, nghiên cứu khoa học,... và hoạt động thường xuyên).

- Gắn nội dung “Ứng xử phù hợp trong môi trường số” của môn Tin học với việc triển khai Khung năng lực trí tuệ cảm xúc (EQ) của HS Hà Nội theo Kế hoạch số 3545/KH-SGDĐT ngày 21/7/2026 của Sở GDĐT; chú trọng giáo dục HS kỹ năng nhận diện, ứng phó với các rủi ro trên không gian mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, phòng chống bắt nạt trực tuyến.

Các trường THCS đẩy mạnh triển khai theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm tính hiệu quả, không gây quá tải đối với GV và HS. Khuyến khích HS tham gia Cuộc thi khoa học kỹ thuật, Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, các cuộc thi Tin học, Robot,... Không tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

9.5. Nâng cao chất lượng dạy học lớp 9, bồi dưỡng học sinh giỏi và định hướng phân luồng sau trung học cơ sở

- Các tổ/nhóm chuyên môn Tin học thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát chất lượng dạy và học môn học, nhất là đối với HS lớp 9, làm cơ sở phân tích, định hướng xây dựng kế hoạch tổ chức ôn tập, củng cố kiến thức. Căn cứ vào các điều kiện thực tế, các tổ/nhóm chuyên môn thực hiện phân loại HS làm cơ sở xác định thời lượng, nội dung và hình thức tổ chức ôn tập, phụ đạo, bồi dưỡng cho phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch phát hiện, bồi dưỡng HS có năng khiếu về tin học ngay từ lớp 6, lớp 7; tổ chức bồi dưỡng đội tuyển tham dự kỳ thi chọn HS giỏi lớp 9 môn Tin học cấp Thành phố và các sân chơi trí tuệ về lập trình, tin học, robotics theo quy định; chuẩn bị cho HS có nguyện vọng dự tuyển vào lớp 10 chuyên Tin học của các trường THPT chuyên.

- Tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng: hỗ trợ HS lớp 9 nhận biết năng lực, sở thích và lựa chọn lộ trình học tập sau THCS phù hợp, trong đó có định hướng các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo; phối hợp với cha mẹ HS trong quá trình tư vấn.

- Trường hợp môn Tin học được cấp có thẩm quyền xác định là môn thi trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, tổ/nhóm chuyên môn xây dựng nội dung ôn tập thông qua các đề ôn tập theo ma trận đề, bảng đặc tả phù hợp đối tượng HS, căn cứ quy định về cấu trúc, định dạng đề thi do Sở GDĐT ban hành; chuẩn bị và xây dựng kho đề dùng chung nhằm tăng hiệu quả công tác ôn tập.

- Tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng HS, bảo đảm khả năng tiếp nhận và tính vừa sức, hiệu quả trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch ôn tập. Lưu ý nghiên cứu kỹ các hướng dẫn về xây dựng đề kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ.

9.6. Tăng cường quản lý đội ngũ, đổi mới công tác quản lý và chuyển đổi số

- Lãnh đạo trường THCS chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn thực hiện KHGD môn học, tổ chức xây dựng kế hoạch bài dạy và phê duyệt trước khi thực hiện.

- Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các KHGD; phát huy vai trò của đội ngũ GV cốt cán trong thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.

- Quản lý, tổ chức các hoạt động chuyên môn theo các hướng dẫn và quy định bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến, tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn theo trường, cụm trường. Xây dựng kho học liệu trực tuyến dùng chung nhằm giúp HS có thể tự học, tự kiểm tra kết quả học tập để điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp, đạt kết quả tốt nhất.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo chỉ đạo của Ngành, thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo quy định; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử. Triển khai học bạ số theo Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT và các hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm toàn bộ HS có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu học bạ số kết nối về Cơ sở dữ liệu học bạ số của Bộ GDĐT và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; không yêu cầu HS, cha mẹ HS cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

- Phát huy vai trò nòng cốt của GV môn Tin học trong triển khai chuyển đổi số của nhà trường: hỗ trợ vận hành hệ thống, quản trị dữ liệu, hướng dẫn đồng nghiệp khai thác học liệu số và công cụ AI. Tuy nhiên, việc phân công kiêm nhiệm phải được ghi rõ nội dung, thời lượng trong quyết định phân công, bảo đảm không ảnh hưởng đến định mức giờ dạy và chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của GV.

- Thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31/3/2026 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/4/2026 của Bộ GDĐT) và Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định tại Điều lệ trường trung học; không yêu cầu tổ/nhóm chuyên môn, GV cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn; không lấy số lượng hồ sơ làm thước đo chất lượng chuyên môn.

10. Môn Công nghệ

10.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục

Các nhà trường cần tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình GDPT 2018, đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế.

Kế hoạch giáo dục môn Công nghệ của mỗi trường phải phù hợp với điều kiện thực tế của trường và khả năng học tập của học sinh. Giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong môn Công nghệ và các chủ đề tích hợp, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch bài dạy của giáo viên.

Nhà trường xây dựng thời khóa biểu theo cụm tiết hoặc chủ đề để giáo viên có đủ thời gian triển khai các dự án học tập mà không bị ngắt quãng bởi các tiết học rời rạc.

Tổ chuyên môn rà soát chương trình, phân phối thời lượng, sắp xếp các nội dung theo mạch/chủ đề một cách khoa học; bảo đảm tính liên thông giữa kiến thức, thực hành, trải nghiệm và sản phẩm công nghệ. Phân công giáo viên phù hợp chuyên môn đào tạo;

Sử dụng hiệu quả phòng học bộ môn, xưởng thực hành, thiết bị công nghệ và nguồn học liệu số. Ưu tiên mô phỏng, phòng thực hành ảo hoặc phương án thay thế đối với thao tác nguy hiểm, phức tạp hoặc không phù hợp điều kiện cơ sở vật chất. Khai thác các vấn đề thực tiễn của Hà Nội như đô thị thông minh, tiết kiệm năng lượng, giao thông, môi trường, xử lý chất thải, sản xuất và tiêu dùng bền vững làm bối cảnh dạy học khi phù hợp.

Bảo đảm an toàn trong dạy học thực hành: Thực hiện nghiêm quy định về an toàn lao động, an toàn điện, an toàn khi sử dụng dụng cụ, máy móc và vật liệu; giáo viên hướng dẫn học sinh trước khi thực hành và tổ chức kiểm soát rủi ro.

10.2. Đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục STEM

Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách

thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Giáo dục STEM trong môn Công nghệ không chỉ là lý thuyết mà phải gắn liền với quy trình thiết kế kỹ thuật và giải quyết vấn đề thực tiễn. Chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang tổ chức cho học sinh hoạt động, thực hành, trải nghiệm, khám phá, thiết kế và giải quyết vấn đề. Tăng cường dạy học theo dự án và STEM gắn với nhu cầu thực tế. Ví dụ: thiết kế sản phẩm tiết kiệm năng lượng, hệ thống tưới cây tự động, mô hình nhà thông minh hoặc giải pháp giảm rác thải.

Khuyến khích học sinh tự nghiên cứu tài liệu, video, mô phỏng; giáo viên đóng vai trò thiết kế môi trường học tập, hướng dẫn, hỗ trợ và đánh giá.

Tăng cường liên hệ với môn KHTN, Toán, Tin học, Nghệ thuật và các môn học khác khi xây dựng chủ đề liên môn, nhưng bảo đảm làm rõ mục tiêu và yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ.

Môn Công nghệ cần chú trọng đến giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS: Cần trang bị cho học sinh tri thức và trải nghiệm về lựa chọn các ngành nghề trong lĩnh vực Công nghệ, góp phần lựa chọn hướng đi phù hợp sau khi học THCS; phát huy hứng thú học tập; rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì trong các hoạt động kỹ thuật công nghệ.

* Phần Nông nghiệp:

- Tận dụng tối đa các tiết thực hành để học sinh được tương tác, trải nghiệm nhằm giải quyết các tình huống có vấn đề gắn liền với kiến thức, kỹ năng và giá trị nhận thức. Thực hiện được một số kỹ thuật đơn giản trong sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản.

- Các tiết thực hành trong phòng thí nghiệm cần sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm được trang bị.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục để học sinh được trải nghiệm thực tế ở trong/ngoài trường tại viện nghiên cứu, các trang trại, cơ sở sản xuất nông nghiệp...

* Phần Công nghiệp:

- Học sinh đọc được thông số kỹ thuật, nhận biết và sử dụng đúng cách một số sản phẩm công nghệ trong gia đình; trao đổi được thông tin về sản phẩm, quy trình công nghệ thông qua lập và đọc bản vẽ kỹ thuật đơn giản; đánh giá và thiết kế được sản phẩm công nghệ đơn giản; có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản, những kỹ năng ban đầu trong các lĩnh vực công nghiệp; đề xuất được giải pháp và tạo được sản phẩm công nghệ đơn giản dựa trên quy trình thiết kế kỹ thuật và kiến thức, kỹ năng về công nghệ.

- Xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu học sinh cần đạt; chỉ đưa ra các định nghĩa cụ thể cho các khái niệm trong trường hợp có những cách hiểu khác nhau.

- Trong một lớp, giáo viên có thể sáng tạo một cách hợp lý, sao cho không làm mất logic hình thành kiến thức, kỹ năng và không hạn chế cơ hội hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

10.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Chuyển trọng tâm từ đánh giá ghi nhớ kiến thức sang đánh giá năng lực vận dụng kiến thức trong bối cảnh thực tế, tiệm cận

Tập trung vào các thành tố năng lực cốt lõi:

Giải thích hiện tượng/sản phẩm công nghệ: nhận biết nguyên lý, giải thích cách hoạt động và dự đoán kết quả.

Thiết kế và đánh giá giải pháp: xác định yêu cầu, lựa chọn vật liệu/công cụ, đề xuất quy trình, thử nghiệm và cải tiến.

Khai thác, đánh giá thông tin công nghệ: tìm kiếm, so sánh, kiểm chứng độ tin cậy của thông tin và sử dụng thông tin để ra quyết định.

Kết hợp câu hỏi khách quan với câu hỏi mở, nhiệm vụ thực hành, sản phẩm và tình huống thực tiễn; sử dụng tiêu chí/rubric rõ ràng.

10.4. Lòng ghép giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và phòng chống thiên tai (PCTT)

Tích hợp nội dung biến đổi khí hậu (BĐKH), phòng chống thiên tai (PCTT), sử dụng tiết kiệm tài nguyên và năng lượng, sản xuất - tiêu dùng bền vững ở mức độ phù hợp: tích hợp toàn phần, tích hợp bộ phận hoặc liên hệ thực tế.

Ưu tiên các vấn đề gần gũi với Hà Nội: nắng nóng, mưa lớn và ngập úng, chất lượng không khí, tiêu thụ điện, quản lý rác thải, giao thông và thích ứng với thời tiết cực đoan.

Tổ chức cho học sinh khảo sát, thu thập dữ liệu, đề xuất và thử nghiệm các giải pháp công nghệ nhằm giảm tác động môi trường hoặc tăng khả năng thích ứng. Đánh giá cả hiệu quả kỹ thuật, chi phí, tác động môi trường và khả năng triển khai khi học sinh lựa chọn giải pháp.

10.5. Phát huy tối đa AI trong dạy học và phát triển năng lực số

a) Làm chủ công nghệ và các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại

Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): GV cần có khả năng khai thác các "Trợ lý ảo AI" để hỗ trợ thiết kế bài giảng, soạn câu hỏi kiểm tra và tổng hợp tài liệu học tập một cách nhanh chóng. GV phải hiểu rằng AI là công cụ hỗ trợ, không thay thế vai trò điều phối và giáo dục đạo đức của mình.

Sử dụng phòng thí nghiệm ảo và mô phỏng: Trong môn CÔNG NGHỆ, GV cần thành thạo việc sử dụng các mô hình 3D tương tác và phòng thí nghiệm ảo để

hướng dẫn học sinh thực hiện các thí nghiệm nguy hiểm, phức tạp hoặc khó quan sát trực tiếp (như phản ứng hóa học mạnh hoặc cấu trúc tế bào) trong môi trường an toàn.

Khai thác Hệ thống quản lý học tập (LMS): GV phải biết sử dụng các nền tảng LMS để theo dõi tiến độ học tập của từng học sinh, từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu và đưa ra các gợi ý học tập cá nhân hóa phù hợp với năng lực của mỗi em.

b) Năng lực quản trị lớp học dựa trên dữ liệu (Data-driven)

Sử dụng Learning ID: GV cần phối hợp khai thác mã định danh học tập (Learning ID) để lưu trữ kết quả và theo dõi lộ trình phát triển năng lực của học sinh suốt đời.

Phân tích dữ liệu học tập: Thay vì quản lý hành chính đơn thuần, GV được yêu cầu chuyển mạnh sang quản trị dựa trên dữ liệu. Điều này bao gồm việc sử dụng AI để phân tích dữ liệu học tập tích lũy, giúp cảnh báo sớm các nguy cơ hổng kiến thức và hỗ trợ học sinh kịp thời.

Tự động hóa kiểm tra, đánh giá: GV cần sử dụng các công cụ số để tự động hóa việc chấm bài, tạo ngân hàng câu hỏi số hóa và cung cấp phản hồi tức thì cho học sinh.

c) Hướng dẫn và phát triển năng lực số cho học sinh

Dạy học sinh cách sử dụng công cụ số: GV không chỉ sử dụng cho mình mà còn phải có năng lực hướng dẫn học sinh sử dụng các thiết bị thông minh, tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của thông tin trên mạng, rèn luyện tư duy phản biện trong môi trường số.

Giáo dục về đạo đức và an toàn số: GV cần có kiến thức để giáo dục học sinh về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền, nhận diện các vấn đề đạo đức của AI như thiên kiến dữ liệu hoặc quyền riêng tư.

d) Năng lực tự học và phát triển chuyên môn liên tục

Tham gia bồi dưỡng thường xuyên: GV phải tích cực tham gia các khóa tập huấn về AI, công nghệ thông tin và chuyển đổi số do các cấp tổ chức.

Xây dựng kế hoạch cá nhân: Mỗi GV cần dựa trên kế hoạch của tổ chuyên môn để xây dựng lộ trình tự học, tự bồi dưỡng năng lực số phù hợp với vị trí việc làm.

e) Chỉ tiêu cụ thể tại Hà Nội

Hà Nội đặt mục tiêu đến năm học 2026-2027, 100% giáo viên có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ số và AI cơ bản trong việc soạn giảng và quản lý hồ sơ dạy học.

Thành phố cũng đang xây dựng và sẽ ban hành Khung năng lực số dành riêng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục Thủ đô để làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ.

Việc nâng cao năng lực số giúp giáo viên giảm bớt các công việc thủ công, có thêm thời gian tập trung vào việc hỗ trợ tâm lý, rèn luyện phẩm chất và phát triển năng lực khoa học thực tế cho học sinh theo định hướng STEM

10.6. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên

Đội ngũ là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới.

- Bồi dưỡng thường xuyên: Gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tập trung vào kỹ năng sử dụng AI, thiết kế bài giảng STEM và kỹ thuật đánh giá theo PISA.

- Năng lực số: Phấn đấu 100% giáo viên có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ số và AI cơ bản trong soạn giảng và quản lý hồ sơ.

- Quản trị dựa trên dữ liệu: Sử dụng AI để phân tích tiến độ học tập của từng học sinh từ các hệ thống LMS, giúp giáo viên đưa ra các phản hồi cá nhân hóa kịp thời.

10.7. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi

Tổ chức lựa chọn học sinh tham gia kì thi nghiên cứu khoa học cấp Thành phố, quốc gia, quốc tế, đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT (có văn bản hướng dẫn riêng).

11. Môn Ngoại ngữ

11.1. Thực hiện Chương trình bảo đảm chất lượng, hiệu quả

- Các trường THCS chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục môn Ngoại ngữ theo định hướng phát triển năng lực HS theo khung thời gian quy định; có đủ thời lượng cho luyện tập, ôn tập, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Kế hoạch dạy học môn Ngoại ngữ phải được trao đổi, góp ý, được Hiệu trưởng phê duyệt, trước khi thực hiện và là căn cứ để thanh tra, kiểm tra.

- Năm học 2026-2027, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục môn Ngoại ngữ bám sát Chương trình GDPT 2018, các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT về tổ chức, triển khai công tác chuyên môn sau sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục; bảo đảm một kế hoạch giáo dục thống nhất trong toàn trường, phù hợp đặc thù cấp THCS và điều kiện thực tế tại từng địa điểm trường.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên hướng nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018; đánh giá, rút

kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại địa phương, cơ sở giáo dục.

- Cập nhật định hướng phát triển ngoại ngữ theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội và Công văn số 4096/SGDDĐT-GDTrH hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch 259. Xác định năm học 2026-2027 là năm đầu triển khai đồng bộ lộ trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn Thành phố.

- Đối với các ngoại ngữ khác tiếng Anh, tiếp tục mở rộng cơ hội học tập trên cơ sở nhu cầu, điều kiện bảo đảm và sự tự nguyện của người học; gắn nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ với hội nhập quốc tế, giao lưu văn hóa, nghiên cứu khoa học, STEM/STEAM, chuyển đổi số và phát triển năng lực công dân toàn cầu theo định hướng của Quyết định số 2732/QĐ-TTg.

11.2. Tổ chức dạy học ngoại ngữ

11.2.1. Môn tiếng Anh

Việc xây dựng Kế hoạch giảng dạy của giáo viên, Kế hoạch bài dạy (giáo án), giáo viên có thể tham khảo phụ lục của Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT, Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường nhằm mục tiêu phát huy tính tích cực chủ động học tập của học sinh.

Thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018, triển khai dạy học theo chuẩn đầu ra đảm bảo phân phối chương trình 3 tiết/ tuần. Tổ chức tập huấn cho giáo viên bám sát chuẩn đầu ra của chương trình Tiếng Anh lớp 6 đạt A1.1; lớp 7 đạt A1.2, lớp 8 đạt A1.3, lớp 9 đạt A1.4

Tiếp tục nâng cao năng lực giáo viên dạy các ngoại ngữ. Giáo viên Tiếng Anh tham gia các lớp đào tạo nâng chuẩn, tự học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trung học theo chương trình GDPT hiện hành, đảm bảo dạy học đủ 4 kỹ năng: nghe, nói đọc, viết. Ra đề kiểm tra đánh giá học sinh thường xuyên và định kỳ theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT đồng thời tích cực ôn tập cho học sinh nắm chắc kiến thức cơ bản, đảm bảo chuẩn đầu ra.

Khuyến khích triển khai thí điểm dạy học môn Toán và các môn Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh tại các trường THCS có đủ điều kiện. Tích cực triển khai xây dựng trường học điển hình về dạy và học ngoại ngữ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Triển khai nhiệm vụ đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai theo nguyên tắc thiết thực, không hình thức, không chạy theo thành tích; nhà trường rà soát đội ngũ, học liệu, phòng học ngoại ngữ, thư viện, thiết bị nghe nhìn, hạ tầng số và không gian sử dụng tiếng Anh; tự xác định mức hiện tại, đăng ký mức phấn đấu trong năm học 2026-2027 và xây dựng lộ trình nâng dần theo Mức độ 1, Mức độ 2, Mức độ 3 theo Công văn số 4096/SGDĐT-GDTrH.

- Tích hợp nội dung đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai vào kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn, hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, câu lạc bộ, ngày hội, diễn đàn, giao lưu quốc tế, hoạt động văn hóa - thể thao; khuyến khích giới thiệu văn hóa, lịch sử, di sản Thủ đô bằng tiếng Anh. Mỗi nhiệm vụ cần xác định rõ khối/lớp tham gia, nội dung, thời lượng, người phụ trách, sản phẩm đầu ra và minh chứng.

- Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên: góc thông tin/bảng tin song ngữ, biển tên phòng học và phòng chức năng song ngữ, English Zone, câu lạc bộ tiếng Anh; lồng ghép tiếng Anh trong giờ ra chơi, sinh hoạt tập thể, chào cờ, hoạt động trải nghiệm, văn nghệ, thể thao, dự án học tập; khuyến khích học sinh xây dựng bản tin, video, podcast và sản phẩm số bằng tiếng Anh hoặc song ngữ.

- Đối với lớp triển khai tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, kế hoạch giáo dục cần thể hiện việc dạy học nội dung hoặc một số nội dung của ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục ngoài môn Tiếng Anh bằng tiếng Anh, với tổng thời lượng tối thiểu 35 tiết/năm học; không triển khai đồng loạt khi chưa đủ điều kiện về đội ngũ, học liệu và người học. Các đơn vị có điều kiện phấn đấu mở rộng quy mô, tăng số môn/hoạt động và thời lượng theo các mức độ của Công văn số 4096/SGDĐT-GDTrH.

Tăng cường sử dụng đồ dùng dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; sử dụng các phần mềm dạy học như Phần mềm dạy học, ngân hàng câu hỏi trên Hanoi.study... để đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số thực chất trong dạy học ngoại ngữ: khai thác học liệu số, tài nguyên mở hợp pháp, nền tảng học tập trực tuyến, công cụ đánh giá năng lực ngoại ngữ; khuyến khích sử dụng AI có kiểm soát để hỗ trợ luyện nghe - nói - đọc - viết, xây dựng học liệu và phản hồi sản phẩm học tập. Việc sử dụng AI, học liệu số và nền tảng trực tuyến phải bảo đảm an toàn, phù hợp lứa tuổi, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bản quyền và không thay thế vai trò sư phạm của giáo viên.

Tăng cường quản lý hoạt động liên kết giáo dục với nước ngoài, chương trình giáo dục tích hợp và dạy học bằng tiếng nước ngoài; chỉ tổ chức khi đáp ứng đầy đủ điều kiện, đúng nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm

quyền lợi người học, công khai, minh bạch, tự nguyện và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

+ Đối với cơ sở giáo dục công lập: thực hiện liên kết giáo dục theo Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội và Kế hoạch số 4071/KH-SGDĐT triển khai Quyết định số 96; thực hiện dạy và học bằng tiếng nước ngoài theo Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục. Nhà trường phân biệt rõ hoạt động liên kết giáo dục với các hoạt động giao lưu, trao đổi, trải nghiệm, ngoại khóa và hợp tác quốc tế khác để thực hiện đúng quy trình, thẩm quyền.

+ Đối với cơ sở giáo dục tư thục và cơ sở có yếu tố nước ngoài: thực hiện theo các quy định pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, dạy và học bằng tiếng nước ngoài và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đồng thời bảo đảm thống nhất với Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND đối với các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Lưu ý: chương trình, học liệu, đối tác, đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính và việc thu - chi trong hoạt động liên kết/tăng cường ngoại ngữ phải đúng quy định; việc huy động nguồn lực xã hội hóa, tài trợ và hợp tác phải công khai, tự nguyện, không tạo áp lực tài chính không phù hợp đối với cha mẹ học sinh và người học.

11.2.2. Môn Tiếng Pháp

Duy trì triển khai việc giảng dạy tiếng Pháp với 03 chương trình chính thức: ngoại ngữ 1, ngoại ngữ 2 và song ngữ theo các văn bản chỉ đạo hiện hành. Tích cực triển khai công tác nghiên cứu khoa học bằng tiếng Pháp, tăng cường hình thức học tiếng Pháp gắn với thực tiễn.

- Chương trình song ngữ: Tiếp tục thực hiện chương trình song ngữ theo Quyết định số 3452/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2010 của Bộ GDĐT đến hết cấp học.

- Chương trình tiếng Pháp ngoại ngữ 1: Thực hiện Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông, khuyến khích học sinh học thêm môn Toán bằng tiếng Pháp.

- Chương trình tiếng Pháp ngoại ngữ 2: Thực hiện Quyết định số 4113/QĐ-BGDĐT ngày 16/6/2009 của Bộ về Kế hoạch giáo dục áp dụng cho Chương trình song ngữ tiếng Pháp và môn tiếng Pháp ngoại ngữ 2.

Tăng cường hợp tác kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục trung học của Việt Nam với các cơ sở giáo dục trung học của các nước ASEAN, cộng đồng Pháp ngữ (nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giao lưu văn hóa kỷ niệm Ngày Quốc tế Pháp ngữ) và các nước khác trên thế giới.

11.2.3. Các ngoại ngữ khác

- Thực hiện dạy học Tiếng Nhật, Đức, Trung, Nga, Hàn Quốc (là môn ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2) theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018), Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ GDĐT, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình GDPT môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm.

- Tiếp tục triển khai dạy học tiếng Nhật ngoại ngữ 1 hệ 10 năm tại các trường thí điểm tại Hà Nội theo Kế hoạch số 709/KH-BGDĐT ngày 26/9/2016 của Bộ GDĐT về việc triển khai thí điểm môn tiếng Nhật ngoại ngữ 1 các cấp học phổ thông giai đoạn 2016-2026. Thực hiện Chương trình GDPT thí điểm môn Tiếng Nhật-Ngoại ngữ 1 hệ 10 năm cấp THCS và THPT ban hành kèm theo Quyết định số 2744/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2019 của Bộ GDĐT.

11.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học.

- Đa dạng hóa hình thức dạy học. Kết hợp tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới.

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị lớp học.

- Từ năm học 2026-2027, thực hiện chủ trương sử dụng thống nhất sách giáo khoa giáo dục phổ thông được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt; tổ/nhóm Ngoại ngữ rà soát cấu trúc, ngữ liệu và trình tự nội dung để điều chỉnh kế hoạch dạy học, bổ trợ kiến thức khi cần thiết, bảo đảm yêu cầu cần đạt và tính liên tục trong học tập. Học liệu bổ trợ, tài liệu tham khảo và tài nguyên số đưa vào sử dụng phải hợp pháp, phù hợp lứa tuổi và được quản lý thống nhất trong kế hoạch của nhà trường/tổ chuyên môn.

- Kế hoạch giáo dục môn Ngoại ngữ của mỗi trường phải phù hợp với điều kiện thực tế của trường và khả năng học tập của học sinh. Các trường tạo điều kiện cho tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong bộ môn và các chủ đề tích hợp, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo

viên trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch bài dạy (giáo án) của giáo viên.

- Kế hoạch dạy học môn Ngoại ngữ phải tổ chuyên môn xây dựng, được Hiệu trưởng phê duyệt, báo cáo UBND xã, phường. Trên cơ sở kế hoạch dạy học đã được phê duyệt, có thể thiết kế tiến trình dạy học cụ thể cho mỗi chủ đề. Mỗi chủ đề có thể thực hiện ở nhiều tiết học, mỗi tiết có thể chỉ thực hiện một (một số) bước trong tiến trình sư phạm của bài. Các nhiệm vụ học tập có thể thực hiện ở trong hoặc ngoài giờ trên lớp; chú trọng giao nhiệm vụ học tập ở ngoài lớp học và ở nhà.

- Khuyến khích các hoạt động giáo dục địa phương và hoạt động trải nghiệm được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc các ngoại ngữ khác.

- Các cơ sở giáo dục đăng ký mức độ đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường, báo cáo với UBND xã phường, tổng hợp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

11.4. *Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá*

a) Đổi mới phương pháp dạy học

- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ: chú trọng phát triển năng lực nghe nói, trên cơ sở đảm bảo dạy học đủ 4 kỹ năng: nghe-nói-đọc-viết, đáp ứng mục tiêu đầu ra của học sinh cuối cấp THCS đạt trình độ A2. Tập trung theo định hướng phát triển năng lực học sinh, học sinh tự nghiên cứu bài học có hướng dẫn của giáo viên.

- Đổi mới hình thức dạy học, căn cứ thực tế và trình độ học sinh để thiết kế, soạn giảng đáp ứng chuẩn kiến thức và phát huy năng lực học tập của học sinh.

- Tổ chức chuyên đề dạy học hàng tháng, tích cực dự giờ thăm lớp; tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở tổ, nhóm chuyên môn; quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán bộ môn.

- Xây dựng kế hoạch dạy học các bài học trong kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học. Mỗi bài học bao gồm các hoạt động cơ bản sau: (1) Mở đầu (tình huống có vấn đề, giao nhiệm vụ học tập) xác định vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập gắn với kiến thức mới của bài học; (2) Hình thành kiến thức mới (sử dụng tài liệu, thiết bị dạy học và học liệu để khai thác, học sinh tiếp nhận kiến thức mới thông qua kênh chữ, kênh hình, kênh tiếng, vật thật); (3) Luyện tập (câu hỏi, bài tập, thực hành, thí nghiệm) để phát triển các kỹ năng gắn với kiến thức mới vừa học; (4) Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

- Đối với mỗi hoạt động, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện theo các bước cơ bản sau: (1) Chuyển giao nhiệm vụ học tập: sử dụng SGK, thiết bị dạy

học, học liệu phù hợp theo nội dung hoạt động với câu hỏi/lệnh rõ về mục đích, cách thức thực hiện (đọc, nhìn, nghe, nói, làm) và yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành; (2) Học sinh thực hiện nhiệm vụ, chú trọng hoạt động cá nhân trước khi hoạt động nhóm đôi, nhóm nhỏ (nếu cần): giáo viên quan sát, phát hiện những khó khăn của học sinh và có biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp (gợi ý, định hướng về phương pháp, cách làm); (3) Tổ chức cho học sinh báo cáo, trình bày kết quả, thảo luận; (4) Giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh ghi nhận và vận dụng kiến thức.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giờ học ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu của Công nghệ 4.0.

b) Kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông theo Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 và Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GDĐT.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Thông qua các tiết học hàng ngày trực tiếp hoặc trực tuyến bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, đánh giá qua bài thuyết trình về các chủ đề được giao theo cá nhân hoặc nhóm. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên cần chú trọng kiểm tra kỹ đủ 4 kỹ năng, số điểm đảm bảo theo qui định tối thiểu.

Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra định kỳ gồm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập. Đảm bảo kiểm tra đánh giá đủ các kỹ năng: nghe, đọc, viết, kiến thức ngôn ngữ với bài kiểm tra giữa học kỳ, và thêm kỹ năng nói với bài kiểm tra cuối học kỳ.

+ Bài kiểm tra giữa kỳ có các kỹ năng nghe, đọc, viết, trong đó: nghe 20%, đọc 30%, viết 25% và kiến thức ngôn ngữ 25%.

+ Bài kiểm tra cuối học kỳ có các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó: nghe 20%, nói 20%, đọc 20%, viết 20% và kiến thức ngôn ngữ 20%. Có thể tổ chức kiểm tra kỹ năng nói trong suốt quá trình học tập của học sinh, khuyến khích tổ chức 01 bài thi nói độc lập vào cuối học kỳ với các đơn vị có đủ điều kiện và nhân sự và cơ sở vật chất. Khuyến khích sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ kiểm tra, đánh giá. Các yêu cầu trong đề kiểm tra thống nhất viết bằng tiếng Anh.

- Áp dụng cấu trúc, bảng năng lực cấp độ tư duy đề thi môn Tiếng Anh tại Thông báo số 2988/TB-SGDĐT ngày 28/8/2024 của Sở GDĐT thông báo cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 theo Chương trình 2018 tại các khối lớp 8 và 9 - có bổ sung kỹ năng Nghe (+) Nói - với các bài kiểm tra định kỳ.

- Thực hiện qui trình đánh giá học sinh khối 6,7,8,9 theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT qui định về đánh giá học sinh trung học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ để học sinh sử dụng một cách tự tin, hiệu quả, phục vụ cho học tập và giao tiếp. Môn Ngoại ngữ phát triển toàn diện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Nội dung ngoại ngữ được xây dựng liền mạch từ giai đoạn giáo dục cơ bản đến giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp trên cơ sở tham khảo các khung trình độ ngoại ngữ quốc tế và Việt Nam.

- Đối với các môn học/hoạt động giáo dục có nội dung dạy bằng tiếng Anh, khuyến khích GV sử dụng yêu cầu sản phẩm học tập bằng tiếng Anh và từng bước thiết kế một phần nội dung kiểm tra, đánh giá bằng tiếng Anh phù hợp mức độ triển khai; đánh giá tập trung vào năng lực vận dụng ngôn ngữ trong nhiệm vụ học tập, không tổ chức thêm bài kiểm tra riêng chỉ để phục vụ xếp mức triển khai tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai.

- Xây dựng ma trận đề kiểm tra đánh giá theo nội dung đã tập huấn và quy định của Bộ GDĐT và Sở GDĐT, tránh kiểm tra trùng lặp kiến thức trong 01 đề kiểm tra.

11.5. Đổi mới công tác quản lý chuyên môn

- Các nhà trường xây dựng cấu trúc và ma trận đề kiểm tra, động viên các khối lớp tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ theo bài kiểm tra chung.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, chú trọng đến nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng từng bài và cả chương trình.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh.

- Thực hiện Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT: sau sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục, tổ/nhóm Ngoại ngữ hoạt động thống nhất trong toàn trường; không duy trì song song kế hoạch, quy trình, hồ sơ riêng theo các trường cũ. Trường có nhiều địa điểm xây dựng một kế hoạch chung, trong đó có nội dung/phụ lục theo từng địa điểm, bảo đảm yêu cầu cần đạt và tổng thời lượng chương trình.

- Với giáo viên Ngoại ngữ dùng chung hoặc dạy tại nhiều địa điểm/cấp học, lập bảng điều phối rõ cấp học, lớp, số tiết, địa điểm, buổi dạy, người quản lý chuyên môn và phương án thay thế; chỉ phân công dạy liên cấp khi giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyên môn, vị trí việc làm và không làm thiếu tiết ở cấp học đang bố trí. Việc sử dụng chung phòng ngoại ngữ, thư viện, thiết bị, học liệu và không gian tiếng Anh phải có lịch, đầu mối quản lý, phương án di chuyển an toàn và trách nhiệm bảo quản.

- Thống nhất nền tảng, biểu mẫu và đầu mối cập nhật dữ liệu chuyên môn; không yêu cầu nhập lại cùng một thông tin trên nhiều hệ thống, không phát sinh thêm hồ sơ ngoài quy định và không lấy số lượng hồ sơ làm thước đo chất lượng chuyên môn. Hồ sơ triển khai tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai tập trung vào kế hoạch, danh sách lớp/nội dung/thời lượng, kế hoạch bài dạy, học liệu, đội ngũ, hoạt động môi trường - giao lưu và minh chứng kết quả thực chất.

- Tăng cường chỉ đạo áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, sáng tạo, chủ động của học sinh, coi trọng hướng dẫn tự học, tăng cường sử dụng thiết bị giáo dục, bảo đảm yêu cầu thực hành, bám sát yêu cầu cần đạt trong chương trình. Tăng cường giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ GDĐT; nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

11.6. Công tác phát triển đội ngũ, đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ

a) Thống kê số liệu

- Giáo viên chưa đạt chuẩn, tích cực tự bồi dưỡng thi đạt chuẩn (có thể thi bài thi IELTS quốc tế hoặc các bài thi tương đương) để tiếp tục được tham gia đào tạo bồi dưỡng trong và ngoài nước.

- Rà soát năng lực tiếng Anh của cán bộ quản lý, giáo viên tiếng Anh và giáo viên các môn học có khả năng tham gia dạy học bằng tiếng Anh; lập danh sách giáo viên nòng cốt, giáo viên cần bồi dưỡng và nội dung bồi dưỡng hằng năm. Ưu tiên nâng năng lực sử dụng tiếng Anh thực chất, phương pháp dạy học bằng tiếng Anh/CLIL, năng lực số, AI và năng lực tổ chức môi trường tiếng Anh trong nhà trường theo Kế hoạch số 259/KH-UBND và Công văn số 4096/SGDĐT-GDTrH.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn phối hợp giữa giáo viên tiếng Anh và giáo viên Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học, Công nghệ và các hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch bài dạy sử dụng tiếng Anh theo lộ trình từ từ khóa/câu lệnh/mục tiêu/hoạt động đến soạn và tổ chức một phần bài học bằng tiếng Anh; tăng cường dự giờ, bài dạy minh họa, chia sẻ học liệu và nhân rộng mô hình hiệu quả.

b) Bồi dưỡng thường xuyên

- Giáo viên ôn luyện kiến thức, làm các bài kiểm tra đánh giá theo chuẩn IELTS quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập và nâng chuẩn tiếng Anh.

- Tập huấn Phương pháp dạy học cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của Chương trình 2018. Kết hợp các nhà xuất bản triển khai tập huấn nội dung của các bộ sách lớp 6,7, 8, 9 đã lựa chọn theo đơn vị.

- Giáo viên cốt cán, GVDG môn Tiếng Anh tiếp tục tham gia các hoạt động chuyên môn, hội thi, chuyên đề và nhiệm vụ bồi dưỡng năm học 2026-2027 theo hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT; chú trọng lan tỏa kinh nghiệm về đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, dạy học bằng tiếng Anh, chuyển đổi số và xây dựng môi trường tiếng Anh.

- Giáo viên cốt cán tham gia các đợt tập huấn, hội thảo chuyên môn của Sở GDĐT tổ chức, chia sẻ kinh nghiệm với giáo viên tại đơn vị nội dung tập huấn.

11.7. Các hoạt động khác

- Khuyến khích hợp tác, giao lưu trực tiếp hoặc trực tuyến bằng ngoại ngữ với các cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục, cơ quan đại diện nước ngoài và đối tác quốc tế; phát triển các sân chơi học thuật, giao lưu văn hóa, dự án nghiên cứu, STEM và hoạt động trải nghiệm quốc tế. Việc lựa chọn đối tác và tổ chức hoạt động phải bảo đảm đúng quy định pháp luật, an toàn, chất lượng, công khai, minh bạch và tự nguyện; không đồng nhất hoạt động giao lưu/hợp tác với hoạt động liên kết giáo dục có yếu tố nước ngoài tại Quyết định số 96/QĐ-UBND về liên kết giáo dục với nước ngoài.

- Thi Học sinh giỏi:

+ Năm học 2026-2027, tổ chức công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và tham gia kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố các môn ngoại ngữ theo kế hoạch, hướng dẫn của Sở GDĐT; các xã, phường và nhà trường chủ động tổ chức tuyển chọn, bồi dưỡng phù hợp, bảo đảm chất lượng và quyền lợi học sinh.

+ Đẩy mạnh hình thức câu lạc bộ môn học em yêu thích nhằm thu hút học sinh và việc phát huy năng khiếu và phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 6,7,8.

+ Thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, động viên học sinh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi Thành phố các môn ngoại ngữ và các kỳ thi khác (nếu có) theo Công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Làm đồ dùng dạy học: Khuyến khích giáo viên tự làm giáo cụ trực quan, đồ dùng dạy học bộ môn Ngoại ngữ áp dụng vào đối tượng lớp mình phụ trách phù hợp với điều kiện của địa phương.

PHỤ LỤC IV

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày / /2026 của Sở GDĐT)

Phạm vi áp dụng: các trường trung học phổ thông và cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm cơ sở công lập và tư thục.

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đại trà, mũi nhọn và chất lượng cao; chuẩn bị tốt cho kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Phát triển năng lực ngoại ngữ, STEM, nghiên cứu khoa học, số, AI, hướng nghiệp và hội nhập; tăng cường giáo dục thể chất, nghệ thuật, cảm xúc - xã hội, sức khỏe tinh thần và kỹ năng sống.

- Đổi mới quản trị trường THPT dựa trên dữ liệu, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; phát huy vai trò trường chuyên, trường chất lượng cao và cơ sở có thế mạnh hỗ trợ hệ thống.

- Bảo đảm cơ hội học tập, hỗ trợ học sinh lớp 10 thích nghi, học sinh lớp 12 lựa chọn lộ trình sau tốt nghiệp và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

2. Yêu cầu và chỉ tiêu định hướng

- 100% cơ sở giáo dục có cấp THPT xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục bảo đảm yêu cầu Chương trình, phù hợp tổ hợp môn lựa chọn, chuyên đề học tập và điều kiện thực tế.

- 100% cơ sở triển khai giáo dục STEM, năng lực số, kỹ năng sử dụng AI an toàn; tổ chức giáo dục toàn diện và xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh phù hợp.

- 100% trường có kế hoạch ôn tập, hỗ trợ học sinh lớp 12, phân tích dữ liệu kết quả học tập và chuẩn bị kỳ thi tốt nghiệp THPT; không để học sinh yếu thế bị bỏ lại.

- Các chỉ tiêu về tốt nghiệp, học sinh giỏi quốc gia, Olympic quốc tế, nghiên cứu khoa học, trường chuẩn, chất lượng cao và ngoại ngữ được cập nhật sau khi đối chiếu chỉ tiêu Thành phố và số liệu đầu năm.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ chung

1.1. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà trường;

đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; triển khai dạy học 02 buổi/ngày tại các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn và chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT. Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2026-2027 với chủ đề **“Đổi mới tư duy, chuyển biến mạnh mẽ, kết quả thực chất”**.

1.2. Triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, cơ chế, chính sách mới của Trung ương và Thành phố về phát triển GDĐT; tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Thành ủy Hà Nội và Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị; chủ động cụ thể hóa và thực hiện các cơ chế, chính sách mới; phát huy quyền chủ động, tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

1.3. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; phát triển năng lực số, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tăng cường hội nhập quốc tế và triển khai các nhiệm vụ theo lộ trình của Thành phố.

1.4. Tăng cường công tác giáo dục toàn diện học sinh; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, thẩm mỹ, hướng nghiệp; nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc, giáo dục hòa nhập; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, hạnh phúc; góp phần xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô.

1.5. Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và quản trị nhà trường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý; tăng cường kiểm tra, giám sát, thực hiện dân chủ, kỷ cương, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; thực hiện nghiêm các quy định về dạy thêm, học thêm và các quy định của ngành; phát huy các phong trào thi đua, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục.

2. Nhiệm vụ cụ thể và giải pháp trọng tâm

2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Hiệu trưởng các trường THPT căn cứ kế hoạch thời gian năm học của UBND thành phố Hà Nội, các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội, các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Chương trình giáo dục phổ thông; điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu, đặc điểm học sinh, quy mô nhà trường và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục nhà trường

phải bảo đảm thực hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; phù hợp với điều kiện thực tiễn; bảo đảm tính khoa học, khả thi, ổn định và hiệu quả; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức.

Kế hoạch giáo dục nhà trường phải bảo đảm tổ chức thực hiện đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập lựa chọn theo quy định đối với cấp THPT; thể hiện rõ phương án tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện của nhà trường, đáp ứng nhu cầu học tập và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Đối với các trường có đủ điều kiện tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức dạy học 02 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT; phương án tổ chức dạy học 02 buổi/ngày phải được tích hợp trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định.

Trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT; việc tổ chức các chuyên đề học tập lựa chọn được thể hiện trong kế hoạch dạy học của môn học và phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường. Các tổ chuyên môn căn cứ hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội và các phụ lục hướng dẫn thực hiện chương trình đối với từng môn học, hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Công văn này để xây dựng và tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn trường.

- Xây dựng phương án tổ chức các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường; thực hiện tốt công tác tư vấn, hướng dẫn học sinh lựa chọn môn học, chuyên đề học tập phù hợp với năng lực, sở trường, định hướng nghề nghiệp và nguyện vọng của học sinh; bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định trong quá trình học tập.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu, ngữ liệu và học liệu số; khai thác hiệu quả tài nguyên giáo dục mở, học liệu dùng chung và các nền tảng số phục vụ dạy học; định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục phổ thông.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; phát huy vai trò của tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn trong tổ chức thực hiện; thường xuyên kiểm tra,

giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục; chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

2.2. Đổi mới phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tăng cường thực hành, thí nghiệm, nghiên cứu, học tập theo dự án, học tập qua trải nghiệm, thảo luận, hợp tác và giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Trong quá trình tổ chức dạy học, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; thực hiện việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT và Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT Hà Nội; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu bài học, đặc điểm môn học và đối tượng học sinh; thực hiện hiệu quả dạy học phân hóa, kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, đồng thời tạo điều kiện phát triển đối với học sinh có năng lực, năng khiếu.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học; tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, học tập theo dự án, học tập qua trải nghiệm, dạy học gắn với thực tiễn, giáo dục hướng nghiệp; khuyến khích phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, thiết chế văn hóa và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với nội dung chương trình, bảo đảm mục tiêu giáo dục, an toàn, thiết thực, hiệu quả.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học, học liệu và học liệu số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khai thác hiệu quả học liệu số, tài nguyên giáo dục mở và trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài giảng, tổ chức dạy học và hỗ trợ học sinh học tập theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội; bảo đảm an toàn thông tin, thực hiện đúng các quy định về bản quyền và sở hữu trí tuệ.

- Thực hiện hiệu quả Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong nghiên cứu chương trình, xây dựng kế hoạch bài dạy, chia sẻ học liệu, trao đổi kinh nghiệm, phân tích kết quả học tập của học sinh và hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

2.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT và Công văn số 249/SGDDĐT-GDTrH ngày 24/01/2025 của Sở GDĐT Hà Nội; bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác, trung thực và vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp hợp lý giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, giữa nhận xét và cho điểm phù hợp với đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông. Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá; chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực tự học của học sinh; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng hoặc làm bài theo khuôn mẫu.

- Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh kế hoạch dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng lực, năng khiếu; đồng thời làm căn cứ tư vấn học tập, lựa chọn môn học, chuyên đề học tập và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường của học sinh; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong quá trình giáo dục.

- Phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá; tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; tăng cường sinh hoạt chuyên môn để phân tích kết quả học tập của học sinh, thống nhất giải pháp nâng cao chất lượng dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Khai thác hiệu quả dữ liệu kết quả học tập của học sinh để phân tích chất lượng giáo dục, theo dõi sự tiến bộ của học sinh và điều chỉnh hoạt động dạy học, quản trị nhà trường; thực hiện đúng quy định về quản lý, lưu trữ và sử dụng dữ liệu trong kiểm tra, đánh giá.

- Thực hiện nghiêm các quy định về khảo sát, kiểm tra và tổ chức thi thử; không lạm dụng kiểm tra, khảo sát hoặc tổ chức thi thử gây áp lực cho học sinh; không sử dụng kết quả khảo sát, kiểm tra để xếp hạng, so sánh giữa các cơ sở giáo dục hoặc tạo áp lực thành tích đối với giáo viên và học sinh; kết quả khảo sát chỉ được sử dụng để đánh giá thực trạng, điều chỉnh hoạt động dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 03 đợt khảo sát chung toàn Thành phố đối với học sinh THPT; nội dung bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông, bảo đảm khách quan, an toàn, nghiêm túc, không gây quá tải và không sử dụng kết quả để xếp hạng cơ sở giáo dục:

+ Đợt 1: tổ chức vào cuối học kỳ I, sau ngày 20/11/2026; khảo sát học sinh lớp 12 các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và học sinh lớp 11 các môn Toán, Ngữ văn.

+ Đợt 2: tổ chức vào giữa tháng 3/2027; khảo sát học sinh lớp 10 môn Tiếng Anh và học sinh lớp 12 các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

+ Đợt 3: tổ chức vào giữa tháng 5/2027; khảo sát học sinh lớp 12 theo hình thức thi thử Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027, thực hiện theo cấu trúc, môn thi và hướng dẫn riêng của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Sau mỗi đợt khảo sát, các cơ sở giáo dục phân tích kết quả theo môn học, lớp học, nhóm học sinh và yêu cầu cần đạt; xác định nội dung còn hạn chế, xây dựng kế hoạch hỗ trợ, phụ đạo, bồi dưỡng và điều chỉnh dạy học. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp dữ liệu phục vụ chỉ đạo chuyên môn, thu hẹp chênh lệch chất lượng; không công bố bảng xếp hạng trường.

2.4. Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức dạy học 02 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông; các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng phương án tổ chức dạy học 02 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, bảo đảm thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Trong quá trình thực hiện, lưu ý một số nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học 02 buổi/ngày phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nhu cầu của học sinh; bảo đảm không gây quá tải, không làm phát sinh áp lực học tập và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Nội dung buổi học thứ hai tập trung củng cố, hỗ trợ học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh có năng lực, phụ đạo học sinh còn hạn chế; tăng cường giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số, ngoại ngữ, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ học thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục phù hợp; không tổ chức dạy trước chương trình, không biến buổi học thứ hai thành dạy thêm dưới bất kỳ hình thức nào.

- Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, học liệu số; tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hướng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Thường xuyên đánh giá hiệu quả tổ chức dạy học 02 buổi/ngày; kịp thời điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu học tập của học sinh, bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông.

2.5. Nâng cao chất lượng ôn tập, chuẩn bị tốt cho Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2027

Các cơ sở giáo dục xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ôn tập cho học sinh lớp 12 bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông, định hướng của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027 và kết quả đánh giá, khảo sát chất lượng; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng giáo dục thực chất, kết quả xét tốt nghiệp và định hướng học tập, nghề nghiệp của học sinh sau THPT. Tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Rà soát, phân tích kết quả đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và kết quả khảo sát chất lượng để đánh giá đúng thực trạng, xác định những nội dung học sinh còn hạn chế, phân loại đối tượng học sinh; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch ôn tập, lựa chọn giải pháp hỗ trợ phù hợp và điều chỉnh hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ôn tập khoa học, phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh; xác định rõ mục tiêu, nội dung, lộ trình, thời lượng và giải pháp ôn tập; tăng cường hỗ trợ học sinh còn hạn chế, bồi dưỡng học sinh có năng lực và đáp ứng nhu cầu xét tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học.

- Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức ôn tập theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông, cấu trúc và định dạng đề thi; tăng cường hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn tập, khai thác hiệu quả học liệu, học liệu số và đề tham khảo; không cắt giảm chương trình chính khóa hoặc dạy học lệch để phục vụ ôn thi.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả ôn tập, kịp thời điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp ôn tập trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá; chú trọng nâng cao chất lượng các môn thi có kết quả còn hạn chế, thu hẹp khoảng cách chất lượng giữa các nhóm học sinh và giữa các lớp học.

- Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh và phân luồng học sinh; hướng dẫn học sinh lựa chọn môn thi, đăng ký dự thi, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, đăng ký xét tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị liên quan trong hoạt động tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp, giúp học sinh lựa chọn ngành nghề, lộ trình học tập phù hợp với năng lực, sở trường và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực.

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027 theo đúng quy chế và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, UBND

thành phố Hà Nội và Sở GDĐT Hà Nội; bảo đảm kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, khách quan, đúng quy định.

2.6. Nâng cao chất lượng dạy học các môn học và hoạt động giáo dục

- Đổi mới dạy học Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ và các môn thi tốt nghiệp theo hướng phát triển năng lực, vận dụng và giải quyết vấn đề; không dạy học theo mẹo hoặc học thuộc mẫu.

- Tăng thí nghiệm, thực hành, dự án và khai thác dữ liệu trong Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học; phát triển giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học.

- Dạy học Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật gắn thực tiễn, văn hóa, lịch sử Thủ đô, trách nhiệm công dân và các vấn đề phát triển bền vững.

- Tổ chức Nội dung giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp thiết thực; phân công giáo viên phù hợp; bảo đảm an toàn hoạt động ngoài nhà trường.

- Phân hóa theo năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp; tăng hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu và phát triển học sinh có năng khiếu.

2.7. Hỗ trợ học sinh lớp 10 và tư vấn lựa chọn môn học

- Tổ chức hoạt động đầu năm giúp học sinh lớp 10 thích nghi với môi trường THPT, phương pháp học tập, yêu cầu môn học và định hướng lựa chọn.

- Rà soát kết quả đầu vào, nhu cầu hỗ trợ, điều kiện học tập và sức khỏe tinh thần; xây dựng kế hoạch phụ đạo, cố vấn học tập và phối hợp gia đình.

- Công khai phương án tổ hợp môn lựa chọn, chuyên đề, điều kiện chuyển đổi; tư vấn dựa trên năng lực, sở thích và định hướng nghề nghiệp, không áp đặt vì thuận lợi xếp lớp.

2.8. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, mũi nhọn và mô hình dẫn dắt

- Tập trung nâng chất lượng môn học, trường và địa bàn có kết quả chưa đồng đều; phát huy trường có thế mạnh hỗ trợ chuyên môn, chia sẻ học liệu và bồi dưỡng đội ngũ.

- Phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia và Olympic khu vực, quốc tế; bảo đảm kế hoạch khoa học, cân bằng, chăm sóc sức khỏe và quyền lợi học sinh.

- Phát huy vai trò trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam, THPT chuyên Nguyễn Huệ, Chu Văn An và các trường có truyền thống trong giáo dục mũi nhọn, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ hệ thống.

- Triển khai mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế, trường chất lượng cao, trường tiên tiến - hiện đại theo đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đánh giá bằng chất lượng đầu ra, hiệu quả đầu tư và mức độ hài lòng.

2.9. Phát triển giáo dục toàn diện

- Các cơ sở giáo dục có cấp THPT, không phân biệt công lập hoặc tư thục, cụ thể hóa nội dung giáo dục toàn diện trong kế hoạch giáo dục nhà trường; tích hợp trong môn học, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, sinh hoạt lớp, công tác chủ nhiệm, câu lạc bộ và hoạt động tập thể; xác định rõ chỉ tiêu, tiến độ, người phụ trách và minh chứng; không hình thành môn học bắt buộc mới, không gây quá tải hoặc phát sinh khoản thu trái quy định.

- Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; duy trì câu lạc bộ, giải hoặc ngày hội thể thao, tạo cơ hội để học sinh lựa chọn hình thức vận động phù hợp. Theo dõi sức khỏe, thể lực để tư vấn, hỗ trợ; tăng cường giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản vị thành niên, sức khỏe tinh thần, phòng chống tai nạn, thương tích, chất gây nghiện và kỹ năng tự bảo vệ.

- Phát triển giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ và năng lực sáng tạo thông qua câu lạc bộ, dự án, biểu diễn, triển lãm và hoạt động trải nghiệm; phấn đấu mỗi trường tổ chức ít nhất một dự án hoặc hoạt động nghệ thuật trong năm học gắn với văn hóa, lịch sử, di sản Thăng Long - Hà Nội; khai thác phù hợp nguồn lực của bảo tàng, thư viện, nhà hát, nghệ nhân, nghệ sĩ và các thiết chế văn hóa.

- Lồng ghép giáo dục cảm xúc - xã hội, kỹ năng sống và sức khỏe tinh thần trong môn học, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, sinh hoạt lớp và công tác chủ nhiệm; củng cố tổ/nhóm tư vấn tâm lý, kênh tiếp nhận thông tin và quy trình phát hiện, hỗ trợ, chuyển tuyến. Chú trọng phòng chống bạo lực, tự gây tổn thương, áp lực học tập, lệ thuộc công nghệ và rủi ro trên không gian mạng; bảo đảm tôn trọng, bảo mật, không gán nhãn hoặc xếp hạng học sinh.

- Xây dựng môi trường học tập và sử dụng tiếng Anh; căn cứ điều kiện thực tế, khuyến khích tổ chức 30-60 phút/tuần hoạt động học tập, giao tiếp hoặc trải nghiệm phù hợp hoàn toàn bằng tiếng Anh; phát triển câu lạc bộ, diễn đàn, dự án, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, STEM bằng tiếng Anh; khai thác học liệu số và AI. Bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng, đúng quy định và không ảnh hưởng việc thực hiện chương trình.

- Tăng cường phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, tổ tư vấn, Đoàn Thanh niên, gia đình và các cơ quan chuyên môn; khảo sát nhu cầu, mức độ tham gia và sự tiến bộ của học sinh để điều chỉnh hoạt động. Các chỉ tiêu giáo dục toàn diện áp dụng thống nhất về mục tiêu và yêu cầu chất lượng đối với trường công lập, tư thục; hình thức và quy mô tổ chức được lựa chọn phù hợp điều kiện thực tế của từng cơ sở.

2.10. Giáo dục hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh và phân luồng học sinh

- Xây dựng chương trình hướng nghiệp theo từng khối; kết hợp tự đánh giá năng lực, trải nghiệm nghề, thông tin thị trường lao động, ngành nghề mới và xu hướng do AI tác động.

- Phối hợp cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và cựu học sinh; tổ chức tư vấn khách quan, không quảng bá đơn vị thiếu kiểm chứng.

- Tư vấn học sinh lớp 12 lựa chọn ngành, trường, phương thức tuyển sinh và lộ trình học tập; chú trọng nhóm khó khăn, tránh chạy theo ngành “nóng” hoặc tâm lý đám đông.

- Theo dõi kết quả sau tốt nghiệp để đánh giá hiệu quả hướng nghiệp và cải tiến kế hoạch giáo dục.

III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, MÔ HÌNH GIÁO DỤC TRỌNG ĐIỂM CỦA THÀNH PHỐ

1. Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học

Nhằm cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các đề án, mô hình giáo dục trọng điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội; bảo đảm tính thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục, từng bước nâng cao chất lượng toàn diện và hội nhập quốc tế.

Thực hiện Kế hoạch số 259/KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội, các cơ sở giáo dục THPT chủ động xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, từng bước hình thành môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong nhà trường. Các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

a) Rà soát, đánh giá và bồi dưỡng năng lực đội ngũ: Tổ chức rà soát, đánh giá năng lực ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng chuẩn theo lộ trình Thành phố, ưu tiên giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn KHTN & Công nghệ (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học) có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh.

b) Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh toàn diện: Đẩy mạnh các hoạt động giao tiếp, thành lập câu lạc bộ, xây dựng không gian học tập và học liệu song ngữ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu học thuật. Khuyến khích giáo viên và học sinh sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giáo dục và sinh hoạt hằng ngày.

c) Tổ chức dạy học một số môn học/chủ đề bằng tiếng Anh: Đối với các cơ sở giáo dục đủ điều kiện, từng bước triển khai dạy học một số nội dung, chủ đề hoặc môn học bằng tiếng Anh (ưu tiên Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học). Quá trình thực hiện phải bảo đảm yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT, phù hợp năng lực học sinh, không gây quá tải.

d) Triển khai thí điểm và ứng dụng công nghệ: Các trường được chọn thí điểm thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình của Kế hoạch 259/KH-UBND. Chủ động xây dựng mô hình phù hợp, tăng cường ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI), khai thác học liệu chất lượng cao, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm với các cơ sở giáo dục khác.

e) Tăng cường hợp tác và đánh giá chất lượng: Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức giáo dục, chuyên gia trong và ngoài nước để bồi dưỡng giáo viên, phát triển học liệu và tổ chức giao lưu học thuật. Định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Sở GDĐT.

2. Đề án xây dựng trường trung học phổ thông chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế

Thực hiện Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND thành phố Hà Nội, Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam và Trường THPT chuyên Chu Văn An xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình của Đề án; đồng thời tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục: Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT và Chương trình giáo dục nâng cao đối với các môn chuyên. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực và đào tạo học sinh năng khiếu.

b) Nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi & hội nhập: Tối ưu hóa công tác phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi; tập trung phát triển các đội tuyển học sinh giỏi quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

c) Phát triển đội ngũ và mở rộng hợp tác: Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn quốc tế. Tăng cường liên kết, hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục uy tín trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

d) Đánh giá, kiểm tra và báo cáo định kỳ: Thực hiện đầy đủ các mục tiêu, giải pháp của Đề án; tổ chức tự rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện định kỳ và kịp thời báo cáo Sở GDĐT theo quy định.

3. Triển khai mô hình cơ sở giáo dục chất lượng cao đối với cấp trung học phổ thông

Thực hiện Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND Thành phố quy định về cơ sở giáo dục chất lượng cao trên địa bàn Thành phố. Các nhà trường (đặc biệt là cấp THPT) triển khai mô hình cơ sở giáo dục chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; Nội dung Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND tập trung hoàn thiện các tiêu chí công nhận cơ sở giáo dục chất lượng cao theo hướng cụ thể, minh bạch, định lượng, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; bổ sung các tiêu chí về chuyên đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị và dạy học, giáo dục STEM/STEAM, năng lực ngoại ngữ, hội nhập quốc tế, phát triển đội ngũ nhà giáo, đổi mới quản trị nhà trường, kiểm định chất lượng giáo dục và chất lượng đầu ra. Đồng thời, đề xuất tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, mở rộng quyền tự chủ của

các cơ sở giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng hoạt động của các nhà trường.

Để đạt chuẩn cơ sở giáo dục chất lượng cao theo Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND, các đơn vị cần tập trung rà soát và hoàn thiện 3 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Hiện đại hóa quản trị và hạ tầng công nghệ:
 - + Chuyển đổi số: Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý, vận hành và hoạt động chuyên môn.
 - + Trí tuệ nhân tạo (AI): Ứng dụng AI vào công tác quản trị nhà trường cũng như đổi mới phương pháp dạy và học.
 - + Tự chủ và giải trình: Thực hiện cơ chế mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn liền với trách nhiệm giải trình minh bạch.
- Đổi mới chương trình và phương pháp dạy học:
 - + Giáo dục STEM/STEAM: Tăng cường tích hợp và phát triển các chương trình giáo dục tích hợp STEM/STEAM.
 - + Năng lực ngoại ngữ và hội nhập: Chú trọng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh và phát triển các hoạt động hội nhập quốc tế.
 - + Chuẩn đầu ra: Xây dựng, duy trì và bảo đảm cam kết chuẩn chất lượng đầu ra cho học sinh.
- Phát triển đội ngũ và Kiểm định chất lượng:
 - + Phát triển nhà giáo: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công nghệ cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.
 - + Kiểm định chất lượng: Đăng ký và thực hiện nghiêm túc công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo các tiêu chí cụ thể, minh bạch và định lượng.

Đến thời điểm này, Sở GDĐT đã tổ chức công nhận được 18 cơ sở giáo dục đạt chất lượng cao, nâng tổng số cơ sở giáo dục chất lượng cao là 41 đơn vị, trong đó cấp THPT có 01 đơn vị là trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa.

IV. NỘI DUNG RIÊNG CỦA GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. Tập trung nâng cao chất lượng lớp 10; tổ chức dạy học phân hóa, lựa chọn môn học và chuyên đề học tập phù hợp; tăng cường tư vấn học tập, hướng nghiệp, tuyển sinh và hỗ trợ học sinh.

2. Chuẩn bị chất lượng, an toàn, nghiêm túc cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027; tổ chức 03 đợt khảo sát chung toàn Thành phố theo nội dung, thời gian đã xác định trong Kế hoạch; sử dụng kết quả để điều chỉnh dạy học, không công bố xếp hạng cơ sở giáo dục.

3. Phát triển giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, năng lực số, trí tuệ nhân tạo, môi trường sử dụng tiếng Anh và hội nhập quốc tế phù hợp với học sinh THPT; gắn giáo dục hướng nghiệp với nhu cầu nhân lực và định hướng phát triển của Thành phố.

4. Các nhiệm vụ chung về đội ngũ, cơ sở vật chất, quản trị, chuyển đổi số, an toàn, kiểm tra, truyền thông và báo cáo thực hiện theo phần thân Kế hoạch.

V. THAM GIA TỔ CHỨC CÁC KÌ THI, CUỘC THI

1. Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT năm 2027, tổ chức lựa chọn học sinh tham gia kì thi học sinh giỏi cấp Thành phố, cấp quốc gia, quốc tế, bảo đảm công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT (có văn bản hướng dẫn riêng).

2. Chọn lọc tổ chức hoặc tham gia các cuộc thi của địa phương theo chủ trương tinh giảm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi nhằm giảm áp lực đối với giáo viên và học sinh theo Công văn số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 về tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018 và Công văn số 1640/SGDĐT-GDTrH ngày 29/5/2024 của Sở GDĐT về việc thống kê các chương trình, cuộc thi có uy tín trên thế giới.

3. Các cơ sở giáo dục, cụm trường rà soát, giới thiệu giáo viên đáp ứng điều kiện tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố theo hướng dẫn riêng của Sở GDĐT ở các môn: Lịch sử, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM HỌC

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/kết quả	Đầu mối thực hiện
1	Tháng 8/2026	- Tổng kết năm học 2025-2026 và triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027; - Chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất cho năm học mới theo kế hoạch thời gian năm học của Bộ, UBND Thành phố; - Triển khai báo cáo trực tuyến, theo dõi thi đua, đăng ký tham gia các hoạt động chuyên môn qua Trang thông tin điện tử của Ngành và của các đơn vị; - Tổ chức thi chọn Đội tuyển học sinh Hà Nội tham dự Đội tuyển tham gia Kỳ thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn quốc tế (IOAA) 2026; Kỳ thi	Hội nghị/tài liệu; kế hoạch được phê duyệt	Phòng GDTrH; các trường THPT

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
		Olympic Khoa học trẻ quốc tế (IJSO) năm 2026; - Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển IOAA năm 2026 (từ tháng 7/2026 đến trước 25/9/2026); - Triển khai các hoạt động kỉ niệm ngày Cách mạng tháng Tám thành công 19/8 và Quốc khánh 2/9; - Thi chọn học sinh giỏi Thành phố và chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia các môn văn hóa lớp 12 cấp trung học phổ thông năm học 2026-2027.		
		Rà soát tổ hợp môn, chuyên đề, đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, SGK và dữ liệu đầu năm.	Báo cáo rà soát; phương án bố trí	Các trường THPT; phòng, đơn vị liên quan
2	Tháng 9/2026	Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm; hỗ trợ học sinh lớp 10; tư vấn môn lựa chọn và nền nếp học tập;	Kế hoạch và kết quả triển khai	Các trường THPT
		- Duyệt kế hoạch hoạt động của các cụm trường THPT công lập; hướng dẫn, rà soát kế hoạch năm học của các cơ sở giáo dục có cấp THPT tư thục; - Họp Giáo vụ các bộ môn và tổ chức Chuyên đề cấp Thành phố; - Hướng dẫn công tác chuyên môn các trường THPT chuyên của Thành phố; - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động khác tại trường THPT; - Tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động hoặc hội nghị người	Tài liệu chuyên đề; bài học minh họa Hội nghị/tài liệu; Báo cáo	Phòng GDTrH; giáo viên cốt cán Các trường THPT

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
		lao động phù hợp với loại hình cơ sở giáo dục và quy định hiện hành.		
		Rà soát kế hoạch trường chuẩn, bảo đảm chất lượng, học bạ số và chuyển đổi số.	Kế hoạch cải tiến; dữ liệu cập nhật	Các trường THPT; phòng chuyên môn
3	Tháng 9/2026	- Quản lý và kiểm tra việc tổ chức dạy học buổi 2 của trường 2 buổi/ngày, dạy học bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu trong nhà trường; bồi dưỡng HS chuyên trong các trường chuyên; - Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi THPT quốc gia (từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026) - Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển IOAA năm 2026 (từ tháng 7/2026 đến trước 25/9/2026); - Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển IJSO năm 2026 (từ tháng 9/2026 đến trước 22/11/2026); - Tổ chức thi học sinh giỏi thành phố lớp 12 các môn văn hóa, thi chọn đội tuyển học sinh giỏi THPT quốc gia (ngày 14, 15/9/2026).	Kế hoạch và kết quả triển khai	Phòng GDTrH; Các trường THPT
4	Tháng 10/2026	Triển khai bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, nghiên cứu khoa học, STEM và hoạt động chuyên môn.	Kế hoạch; đội tuyển/sản phẩm	Phòng GDTrH; các trường liên quan
		- Duyệt kế hoạch hoạt động của các cụm trường THPT công lập; hướng	Hội nghị/tài	Phòng GDTrH; Các

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
		đẫn, rà soát kế hoạch năm học của các cơ sở giáo dục có cấp THPT tư thực; - Tổ chức Hội nghị “Ứng dụng AI trong quản trị nhà trường và xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường, Kế hoạch bài dạy của giáo viên” (theo đơn vị cụm trường THPT năm học 2026-2027); - Công bố danh sách các đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2026-2027; - Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi THPT quốc gia (từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026) - Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển IJSO năm 2026 (từ tháng 9/2026 đến trước 22/11/2026); - Tổ chức Chuyên đề Thành phố môn Lịch sử, Địa lý, Công nghệ nông nghiệp (công lập và tư thực); - Tổ chức các chuyên đề, chủ đề sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch; - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động khác tại trường THPT; - Hội nghị tổng kết các phong trào chuyên môn.	liệu; Báo cáo Kế hoạch và kết quả triển khai	trường THPT
		Kiểm tra, hỗ trợ thực hiện chương trình, tổ hợp môn, dạy thêm học thêm, thu chi và an toàn.	Báo cáo kiểm tra; kiến nghị	Sở; các đơn vị theo thẩm quyền
5	Tháng 11/2026	Tổ chức chuyên đề tiếng Anh, AI, giáo dục toàn diện, tư vấn tâm lý và hướng nghiệp.	Tài liệu; mô hình triển khai	Phòng GDTrH; đơn vị

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
				được lựa chọn
		- Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi THPT quốc gia; - Tổ chức Hội thi giáo viên Giỏi Thành phố các môn: Lịch sử, Sinh học, Giáo dục kinh tế và Pháp luật tại các cụm trường THPT; - Tổ chức Hội nghị “Ứng dụng AI trong quản trị nhà trường và xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường, Kế hoạch bài dạy của giáo viên” (theo đơn vị cụm trường THPT năm học 2026-2027); - Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển IJSO năm 2026 (từ tháng 9/2026 đến trước 22/11/2026); - Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động khác tại trường THPT; - Tổ chức Chuyên đề Thành phố môn Toán học, Hóa học (công lập và tư thục).	Hội nghị/tài liệu; Báo cáo	Phòng GDTrH; đơn vị liên quan
		Tham gia kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, nghiên cứu khoa học và các cuộc thi theo kế hoạch.	Kết quả kỳ thi; sản phẩm	Phòng GDTrH; các trường THPT
6	Tháng 12/2026	- Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi THPT quốc gia; - Kiểm tra Học kỳ I;	Kết quả kỳ thi; sản phẩm	Phòng GDTrH; các trường THPT

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
		- Tổ chức thi cấp thành phố Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học; - Tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống nhân ngày 22/12; - Hoàn thành việc lựa chọn giáo viên tại cụm trường tham dự Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố, nộp danh sách về Sở GDĐT (trước ngày 05/12/2026); - Hội nghị Hướng dẫn tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi Thành phố cấp THPT; - Thi học sinh giỏi THPT Quốc gia (theo lịch của Bộ GDĐT) - Tổ chức Chuyên đề Thành phố môn Vật lý, Sinh học, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Giáo dục quốc phòng và An ninh (công lập và tư thục).	Hội nghị/tài liệu HD;	
		Tổ chức đợt 1 khảo sát chung toàn Thành phố vào cuối học kỳ I, sau ngày 20/11/2026: lớp 12 khảo sát các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; lớp 11 khảo sát các môn Toán, Ngữ văn.	Đề khảo sát; dữ liệu kết quả; báo cáo phân tích và kế hoạch hỗ trợ học sinh	Phòng GDTrH; các cơ sở giáo dục có cấp THPT
7	Tháng 1/2027	Sơ kết học kỳ I; điều chỉnh kế hoạch học kỳ II; cập nhật kế hoạch ôn thi tốt nghiệp;	Báo cáo sơ kết; kế hoạch điều chỉnh	Phòng GDTrH; các trường THPT

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
		- Xét chọn, đăng ký dự án tham dự Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp quốc gia; - Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi Thành phố cấp THPT; - Tổ chức các chuyên đề Thành phố môn Tin học; Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất (công lập và tư thực); chủ đề sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch; - Tổ chức Hội nghị Sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ học kỳ II; - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động khác tại trường THPT;	Hội nghị/tài liệu HD; Báo cáo	Phòng GDTrH; các trường THPT
8	Tháng 2/2027	- Kiểm tra chuyên môn các nhà trường; - Tổ chức Chuyên đề Thành phố môn Tiếng Anh, Ngữ văn, Ngoại ngữ khác (công lập và tư thực); - Tổ chức các hoạt động kỷ niệm thành lập Đảng 3/2; - Tổ chức các chuyên đề, chủ đề sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch; - Tổ chức Hội thi Giáo viên giỏi Thành phố cấp THPT;	Hội nghị/tài liệu HD; Báo cáo	Phòng GDTrH; các trường THPT
		Ổn định nền nếp sau kỳ nghỉ; chuyên đề môn học; tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh.	Kết quả chuyên đề; tài liệu tư vấn	Các trường THPT; cụm trường
9	Tháng 3/2027	- Tổ chức giao lưu học thuật các môn văn hóa lớp 10, 11 cấp cụm theo tinh thần tự nguyện, thiết thực; không biến thành kỳ thi, không sử dụng kết quả,	Hội nghị/tài liệu HD; Báo cáo	Phòng GDTrH; các trường THPT

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
		giải thưởng làm căn cứ đánh giá chất lượng hoặc thi đua; - Tham gia tổ chức Cuộc thi KHKT học sinh trung học cấp Quốc gia. - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động khác tại trường THPT; - Hội thảo hướng nghiệp; - Tổng kết Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp THPT năm học 2026-2027; - Tổ chức Chuyên đề Thành phố Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương (công lập và tư thục).		
		Tổ chức đợt 2 khảo sát chung toàn Thành phố vào giữa tháng 3/2027: lớp 10 khảo sát môn Tiếng Anh; lớp 12 khảo sát các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; phân tích dữ liệu và triển khai giải pháp hỗ trợ.	Đề khảo sát; dữ liệu kết quả; báo cáo phân tích và kế hoạch điều chỉnh dạy học	Phòng GDTrH; các cơ sở giáo dục có cấp THPT
		Hoạt động STEM, khoa học, nghệ thuật, thể thao, tiếng Anh và trải nghiệm nghề nghiệp.	Sản phẩm/ ngày hội; minh chứng	Các trường THPT; đơn vị phối hợp
10	Tháng 4/2027	- Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động khác tại trường THPT; - Kiểm tra Học kỳ II; - Hội nghị hướng dẫn chuyên môn chuẩn cho kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027; - Tổ chức Chuyên đề Thành phố theo Kế hoạch.	Hội nghị/tài liệu HD; Báo cáo	Phòng GDTrH; các trường THPT

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
		Rà soát hồ sơ, dữ liệu, điều kiện thi tốt nghiệp; kiểm tra chuyên đề.	Báo cáo rà soát; kiến nghị xử lý	QLT, GDTrH; các trường THPT
		Tổ chức ôn tập phân hóa lớp 12; tư vấn tuyển sinh; chuẩn bị đánh giá cuối năm,	Kế hoạch ôn tập; hồ sơ tư vấn	Các trường THPT
11	Giữa tháng 5/2027	Tổ chức đợt 3 khảo sát chung toàn Thành phố đối với học sinh lớp 12 theo hình thức thi thử Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027; tổ chức phân tích kết quả và hoàn thiện phương án ôn tập giai đoạn cuối.	Đề thi thử; dữ liệu kết quả; báo cáo phân tích; phương án ôn tập điều chỉnh	Phòng GDTrH; các cơ sở giáo dục có cấp THPT
11	Tháng 5/2027	- Tổ chức Chuyên đề Thành phố theo Kế hoạch - Hoàn thành chương trình, kiểm tra đánh giá, kết thúc chương trình; Tổng kết năm học; - Chuẩn bị cho kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2027; - Xây dựng kế hoạch hoạt động hè; - Xét thi đua cấp trường.	Kết quả năm học; điều kiện dự thi	Các trường THPT; các phòng liên quan
12	Tháng 6/2027	- Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027 theo phân công; bảo đảm an toàn, nghiêm túc - Hoàn thành các báo cáo tổng kết năm học; - Nộp các hồ sơ thi đua và sáng kiến kinh nghiệm; - Thi Tuyển sinh vào lớp 10 THPT; - Triển khai các hoạt động hè.	Báo cáo tổng kết; Kết quả tổ chức kỳ thi	Ban Chỉ đạo; các đơn vị được phân công

TT	Thời gian	Hoạt động chính	Sản phẩm/ kết quả	Đầu mối thực hiện
13	Tháng 7/2027	Phân tích kết quả, tổng kết, bồi dưỡng đội ngũ và chuẩn bị năm học mới.	Tổng kết năm học; đề xuất nhiệm vụ	Phòng GDTrH; các trường THPT